

ĐẤU TỔ VÀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

- HỒ SƠ CỦA MỘT NHÂN CHỨNG -



Hoàng Tuấn Phổ

hồi ký

Năm 1953, đói vừa, năm 1954, đói lắm!

Cánh đồng Phần Tiền bên cạnh làng tôi có lịch sử 600 năm, do cụ tổ thứ hai của làng khai phá, khi Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật được vua cha là Trần Thái Tông phân phong Thanh Hoá làm thái ấp, và vùng này – hương Ngọc Sơn – là điền trang. Chưa bao giờ như vài năm nay, đồng Phần Tiền đất bùn khô nẻ toác, sâu hoắm, đứt löt bàn chân. Thử đào một hòn lên, to bằng cối đá giã gạo, thấy chú cá rô đã khô cứng trong bùn đất từ bao giờ. Người ta thả vào chậu nước để xem còn ăn thịt được không. Thật kỳ lạ! Chú cá rô khe khẽ động đậy thân mình, mấy bọt tăm từ miệng phun lên, rồi đôi vây phe phẩy, cái đuôi ve vẩy như vẩy chào sự sống!

Trong khi ấy, trên bờ ruộng Phần Tiền, những cái lá rau má tròn tựa đồng tiền đã hết trụi sạch trơn từ đời nào! Nghe các cụ nói Phần Tiền là mả chôn tiền từ thời “loạn Văn Thân” (1885). Vì sợ Tây đốt phá, cướp của, giết người nên nhà giàu đem tiền ra đây cất giấu. Chẳng ai nghĩ chuyện đào những cồn, những mả ấy lên để tìm tiền, vì Nhà nước đã cho dùng bạc giấy được đến dăm năm rồi!

Nguyên nhân đồng Phần Tiền bị khô hạn, “cổ lai” chưa từng thấy, vì giặc Pháp ném bom phá đập Bái Thượng (Thọ Xuân) – một con đập quy mô đầu tiên ở Trung Kỳ do chính người Pháp xây dựng từ 1920 để khai thác đồn điền – khiến cả hệ thống nông giang tưới nước bị tê liệt! Lại thêm nổi ông trời bỗng dở hơi trái chúng, cứ một niềm nắng mãi, nắng hoài, cóc kêu, lợn hộc khan cổ họng cũng chẳng thấy một giọt mưa! Hoá ra ông Trời cũng “làm phản động” mất rồi! Trị bọn phản động đã có cuộc đấu tranh chính trị long trời lở đất, “bắt nhầm hơn bỏ sót”! Còn để trị ông Trời, người ta chưa nghĩ ra cách đấu tranh thế nào.

Gia đình tôi chỉ còn ba người: Bố, mẹ và tôi (anh Nậu đã ở riêng). Tôi thôi học từ cuối năm 1951. Bố tôi mới ra tù sau Hiệp

định đình chiến Geneve. Mẹ tôi chỉ quen với sào ruộng thước nương, bây giờ chẳng biết làm gì, rau không còn để hái, củ chuối không có để đào! Chính phủ phát gạo cứu tế cho nhân dân Thanh Hoá, cả làng đều được chia phần, riêng gia đình tôi là phú nông phản động thì gạch tên!

Chúng tôi nhìn những hạt gạo trắng ngần trong thúng mừng của dân làng, kẻ khiêng người gánh, mà ứa trào nước mắt! Mẹ tôi, không biết mua ở đâu được hai bò cám thô, chia đôi nấu hai bữa. Không phải cám thô thật mà trộn đến một phần ba trấu càn (tức trấu giã nát)! Thứ cám “xưa nay hiếm” này, cho lợn, lợn đùn máng sùng sục; cho chó, chó ngoảnh mõm quay đi; cho gà, gà xoạc cẳng bới tung toé; chỉ có cho người, loại người phản động như gia đình tôi, “*ăn cám vào mồm hay sao mà chỉ điểm cho tàu bay giặc Pháp ném bom phá hoại Bara Bàn Thạch để giết dân hại nước!*” Người ta chửi rửa chúng tôi kẻ cũng đáng! Ai bảo bố tôi, chú tôi thời Tây học tiếng Tây, để bây giờ biết tiếng Tây, viết thư cho Tây, đề nghị Tây phá đập nước Bái Thượng?

Bố tôi thế mà cũng nuốt trôi những hai nắm cám. Có lẽ nhờ thời gian ở trong tù, ông được rèn luyện, cải tạo! Mẹ tôi cứ từ từ, nhỏ nhẹ, nhai dần dần, rồi giương cổ lên mà nuốt. Còn tôi, bụng đang đói veo đói vắt, xơi ngay một miếng to, nuốt đánh ực, mắc ngay ở cổ họng. Nuốt không vào, nôn cũng khó ra. Tiếng nôn ọe khiến bên hàng xóm giật mình, tưởng có ai bị đau ốm, nhưng không ai dám bận tâm. Mình là phú nông phản động, ra đường phải cúi mặt chào quần chúng từ đứa trẻ trở lên. Không ai thêm chào hỏi lại mình, đến cái gặt đầu cũng không. Đó là lập trường quan điểm cách mạng.

Nếu quần chúng cơ bản trung, bản, cố nông chào hỏi, chuyện trò với thành phần bóc lột lớp trên, là mất quan điểm lập trường, sẽ bị đưa ra kiểm thảo trong cuộc họp. Hướng hồ gia đình chúng tôi là “phú nông phản động”! Phú nông chỉ có tội bóc lột, cho vay nặng lãi. Phản động tội to hơn gấp bội, ngang tội địa chủ cường

hào, gian ác, có nợ máu với nhân dân. Nếu phú nông cường hào, gian ác, có nợ máu, phải đưa lên thành phần địa chủ để xử tội, nhẹ thì tù, nặng thì bắn! Cái tư tưởng từ Tàu truyền bá sang ta. Việt Nam đã trải qua ngàn năm đấu tranh chống Trung Quốc để thoát vòng nô lệ, đến nay lại mất cảnh giác. Một số cán bộ chức quyền “rước voi giày mề” từ Giảm tô đến Cải cách, khiến Đảng phải “sửa sai”!

Gia đình tôi giàu có cỡ nào mà thành phần phú nông? Chưa được ba mẫu ruộng, một con bò, ngôi nhà trên ba gian cột gỗ, mái kè, đằng sau phen nứa, đằng trước cửa bướm, “hương án giữ mặt tiền”! Gian giữa đặt bàn thờ tổ tiên bốn đời, gian bên kê giường khách, bàn học của chú tôi, và giường ngủ của ông nội tôi. Lại nổi ra hai chái, chái Nam thờ Phật và các Thánh sư của đạo phù thủy (đạo Ngoại), chái Bắc là buồng ngủ của bà nội tôi, kê bồ thóc, các loại chum, vại đựng khoai,... Nối vào chái Bắc là ba gian nhà dưới (nhà ngang) gồm một gian chuồng bò, hai gian của bố mẹ tôi và tôi. Từ lúc lọt lòng đến năm 12 tuổi, tôi đều ngủ chung với mẹ, vì tôi là con hiếm, ngoài tôi, không có anh chị em nào cả.

Cụ Tổ họ Hoàng tôi, vốn quê tỉnh Hưng Yên. Năm 13 tuổi, cụ mồ côi cha mẹ, không có chỗ nương tựa, phải ở nhờ người cô ruột (họ Hoàng) lấy ông Bùi Quảng, làm quản tượng trong đội Tượng binh nhà Tây Sơn, đóng ở phủ Hiến Nam (nay là thành phố Hưng Yên). Cụ Tổ ở với cô được hai năm, lệnh triều đình nhà Tây Sơn điều đội Tượng binh vào Thuận Hoá để bảo vệ kinh thành Phú Xuân. Không thể mang theo cụ Tổ tôi, bà cô gửi lại con trai là Bùi Nam làm thủ kho Trấn thành tỉnh Thanh Hoá.

Thời gian sau, nhà Tây Sơn bị chúa Nguyễn Ánh đánh bại, vua Quang Toản, Tổng trấn Bắc thành Quang Thùy, Tổng trấn Thanh Hoá Quang Bàn đều bị bắt giết. Thủ kho Bùi Nam khiếp sợ trốn chạy về làng Văn Đoài, xã Văn Trinh, huyện Quảng Xương (Thanh Hoá). Nhờ tiền của đứt lót lý hương, gia đình ông Bùi Nam được

giúp đỡ cho cư trú, nhưng phải đổi họ. Bây giờ, họ Lê Văn chiếm số đông nhất làng.

Cụ Tổ tôi sinh hạ năm con trai, tất cả đều làm con ăn đũa ở nhà ông trưởng họ Lê, tất cả đều lập gia đình riêng trong cảnh tôi tởn bần hàn. Do bị đói khát, ốm đau, bệnh tật, năm người con chết hai còn ba. “Của đau con xót”, cụ Tổ tôi buồn thêm cảnh ngụ cư, bị cả làng khinh bỉ, 60 tuổi vẫn phải đầu đội vai vác việc quan, việc làng, ai cũng gọi mình là “thằng”. Cứ một “thằng ngụ cư” hai “thằng ngụ cư”, mặc dù mình có tên có họ hẵn hoi! Cụ Tổ nghĩ cách tìm cho con cái một nghề, “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”. Con Cả, cụ cho hầu ông phó mộc; thứ Hai cho theo ông phó may; thứ Ba cho ở với bác thợ sơn.

Riêng người con Cả được cụ Tổ tôi đặc biệt ưu tiên cho học chữ Nho với thầy đồ trong làng, dẫu đã cao lớn sừng sững mới bắt đầu ê a *Tam Tự Kinh*. Nhờ thời gian xách cửa đục hầu điều đóm ông phó mộc, chú “phó nhỏ” con trai đầu cụ Tổ tôi, bản tính thông minh chăm chỉ, cũng đã học mót thêm được chút ít ở ông Phó cả già vui tính, có cái “sách” gọi là “*Tứ tự kinh giắt lưng*”. Ông thường ngâm nga: “*Xuống sác mò cua- chữ nhi là mà, Trèo lên mái nhà- là con ve ve... con ve kêu gia ấỵ mà!*”.

Gia đình tôi bị quy thành phần phú nông với một mẫu năm sào ruộng, trong đó mất hai sào Cồn Hồng bên rìa đồng Bèo, bông lúa xấu như bông may (cỏ may)! Ruộng này thuộc loại chân chua. Nhìn gốc lúa đám nào cũng vàng khè, nước đóng màu gạch cua, đủ biết nó bị chua phèn nặng. Mẹ tôi đi tìm mua mãi mới được mấy chục cân vôi, ném tung ra ruộng. Thế mà chất chua cũng đỡ ít nhiều, chỉ có cỏ cứt nhán (gián) chết sắp lượ. Cần nhiều vôi hơn nữa nhưng lò vôi trên Nhồi không dám đốt lò, vì sợ tàu bay Pháp bắn đạn “rốc kết”, hoặc ném bom. Ngày nào cũng thấy “bà già” của nó bay ù ù trên đầu, không thám thính thì làm gì?

Nói ruộng nhiều, nhưng thu hoạch kém, phải chắt chiu lắm mới tạm đủ ăn, sao gọi là giàu được? Ừ, mình không “phú” nhưng

chính quyền bảo mình “phú” là mong điều tốt lành cho mình cũng chẳng sao. Nào ngờ sau cái việc “nâng lên thành phần phú nông”, là cái vụ “đánh thuế nông nghiệp theo khả năng”, rồi đến cuộc “Đấu tranh chính trị” trời sầu đất thảm!

“Đánh thuế theo khả năng” là thế nào? Những nhà có ruộng, ai cũng nghĩ tùy theo khả năng, mà mình có nhiều đóng nhiều, có ít đóng ít. Nhưng bất ngờ như bị một búa ông thiên lôi giáng xuống giữa đình đầu: Trong nhà tôi chỉ còn ba tạ thóc mà mức thuế phải đóng “Muoi lăm tạ!”. Một con số giết người, ghê gớm, kinh khủng! Không thấy nhân dân được họp hành gì. Mức thuế từ trên trời giáng xuống này căn cứ vào đâu gọi là “khả năng”?

Thì ra chỉ do Lê Quang Lờ, Lê Quang Cán lúc bấy giờ làm cán bộ xã thôn, nắm quyền sinh sát “dựng lên” “bộ thuế” theo ý muốn riêng mình! Gia đình tôi biết kêu ai, kêu ai, ai biết mà kêu? Đành cúi đầu nhận bản án chết đói! Trong lúc ấy, bố tôi làm gì? Ông chỉ biết nhìn vào hai bồ thuốc, kiếm đủ mỗi ngày hai cút rượu, mượn “tửu binh giải phá thành sầu”. Nửa đêm tỉnh dậy, ông hát vang nhà! Bố tôi có giọng hát rất hay, cũng yêu thơ ca. Tính ông thích giao du, khi xuống Cầu Nhân giải thơ tiên do ông tiên Xa Thư giáng bút, lúc lên phủ Thanh Lâm (Thanh Hoá) làm cung văn. Đêm khuya thanh vắng trong cảnh nhà khốn khổ, nghe tiếng hát châu văn của người chồng, người cha bất lực, lại cảm thấy đời mình còn le lói hy vọng:

“Gió thổi rung cây

Trên đồi ngàn gió thổi rung cây

Dưới khe con cá lặn, đàn chim bay về ngàn

Chim bay về đến đền Hàn,

Sòng Sơn, Phố Cát lại sang Phủ Giầy...”

Mẹ tôi dốc ngược đít bồ, vét nhả như chùi cả chum lẫn vại. Con bồ để đi cày, đi bữa cũng phải bán, nộp tiền thay thóc, theo quy định của hai vị Nam Tào, Bắc Đẩu hay Diêm vương ở làng tôi.

Tiếp đến là những đồ đạc: Mâm, nồi, giường, tủ,... đều phải đội nón ra đi để cứu giúp chủ nhà! Cuối cùng vẫn bị thiếu năm tạ thóc!

Có “trát quan” đòi! Mẹ tôi đến nhà ông Lê Quang Cán, gặp cả ông Lê Quang Lờ đang ở đó, tay lăm lăm cái bút như đang cầm con dao nhọn, xem lại những con số thuế của các gia đình. Mẹ tôi ngồi bệt xuống đất, chấp tay vái lấy vái để rồi bật lên khóc nức nở... Bà mẹ Quang Cán ở dưới bếp nghe tiếng khóc, chạy lên mắng: “Nhà mợ định ăn vạ ở nhà tôi chắc?” Quang Cán liền bảo mẹ: “Thôi, việc của cách mạng, bà biết chi mà bàn vô?” (Mẹ Cán có anh em xa với nhà tôi, nên gọi mẹ tôi là mợ, và chính Cán cũng là “con bán khoán” ở Tỉnh thờ nhà tôi).

Trong khi mẹ Cán trở xuống bếp, Quang Lờ nói: “Cách mạng khoan hồng tạm tha cho nhà chị. Chúng tôi đáng lý phải gõ vô đầu chồng nhà chị...”. Mẹ tôi gạt nước mắt, khom lưng cúi gục đầu lạy chào hai ông ra về, bên tai như còn văng nghe mấy tiếng “khoan hồng tạm tha”! Muôn vàn đội ơn hai vị “quan làng”! Mẹ tôi tấm tức kể lại chuyện xin giảm bớt thuế, rồi vội vàng cấp mừng chạy về bên ngoài...

*

Phải nói thật rằng bố tôi không thiết tha lắm việc học của tôi, chỉ vì một lý do: Lúc tôi mới sinh, các cụ đã “chấm lá số tử vi” cho tôi, thấy “không có số công danh”! Tôi chỉ học đến thế là đủ. Thời thế đổi thay, tôi không thể nối nghiệp làm thầy (pháp sư kiêm lương y), thì ở nhà lấy vợ sinh con, vài mẫu ruộng với bốn cẳng con bò, không giàu cũng đủ ăn. Sự thực, nhà không còn được hai mẫu ruộng, vì trước năm 1945, bố tôi thích chơi cờ bạc, mỗi khi thua, bán đi dăm bảy thước, một sào. Bố tôi còn vay cả tiền của nhà ông từ Đệp giàu có trong làng, nợ nần cứ “lâm tí lâm sủu” không biết đến bao nhiêu mà tính!

Được học trường Tư thực Trung học Na Sơn, trí óc tôi mở mang thêm nhiều. Bấy giờ phố chợ Cầu Quan đông vui như một đô thị, chỉ cách trường chừng mấy cây số. Đặc biệt Cầu Quan có hai hiệu sách đều của người ngoài Bắc tản cư vào. Hiệu sách tiếng Pháp, bán toàn sách cũ, nhiều quyển dày cộp. Với vốn liếng Pháp văn quá ít ỏi khiến tôi không thể đọc, chỉ đứng ngoài cửa nhìn vào bằng con mắt ngưỡng mộ. Nghe nói chủ hiệu sách này là ông Phùng Quang Nhiên, Hiệu trưởng trường Trung học Tư thực Quang Trung.

Hiệu sách thứ hai tôi năng lui tới, toàn sách Quốc Ngữ, đủ loại mới cũ, mỗi thứ bày ra một tập. Tiểu thuyết của NXB Đời Nay, báo Tiểu thuyết Thứ Bảy, báo Đuốc Tuệ, tạp chí Viên Âm, Từ Âm, tạp chí Tri Tân, có cả cuốn Phê bình văn học của Kiều Thanh Quế, v.v... Sách báo mới (xuất bản trong thời kỳ kháng chiến) Văn chương bình dân của Trương Tửu, Quyền sống con người phương Tây của Đặng Thai Mai, Tìm hiểu chiến tranh của Trường Sơn, kịch Màn cửa vàng của Huyền Kiêu v.v...

Đọc hết tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn, tôi đọc sang các tác giả khác, như Chiều của Nguyễn Xuân Huy, Đứa con của Đỗ Đức Thu, loại sách đường rừng của Lan Khai, trình thám của Thế Lữ, kinh dị của Phạm Cao Cung,... tôi thấy dần dà nhàm chán, chuyển sang loại sách nghiên cứu, mượn được thứ gì, xem thứ ấy, dù hiểu hay không hiểu. Không có tiền mua sách, tôi mượn của bạn bè, người thân quen.

Nhà sư Thích Trí Độ tản cư ở chùa Phúc Quả gần Cầu Quan, không rõ chức vụ gì, có rất nhiều sách. Tôi và một số anh em bạn học, ngày chủ nhật rủ nhau đến chùa chơi xem sách tại chỗ. Cụ đang dịch kinh Lăng Nghiêm. Các cụ nhà tôi nói kinh này khó lắm, dùng trong đàn tràng, các cụ xưa cũng chỉ dám tụng đến kinh Pháp hoa, kinh Dược sư, kinh Bát nhã... Cụ Trí Độ đã chứng tỏ trình độ giáo lý uyên thâm ở tạp chí Từ Bi Âm (Sài Gòn) in rất nhiều bản kinh Phật do cụ dịch. Có lẽ bởi trình độ Quốc văn

của cụ bị hạn chế, cách diễn đạt nhiều câu không được sáng tỏ khiến người đọc dễ chán.

Tôi trọ học ở nhà bà Thoả, làng Cầu Nhân, mình tôi ba gian nhà trên vắng vẻ, tha hồ đọc sách. Tôi học văn với thầy Nguyễn Trác. Thầy hay nhắc đến *Vang bóng một thời* của Nguyễn Tuân, và luôn ca ngợi *Chiếc lư đồng mắt cua*, tôi chưa được đọc bao giờ, vì không thấy ai có để hỏi mượn. Thầy thường nói: Ba bốn năm sau, các anh sẽ biết tôi là ai! Thầy đưa ra lối hành văn rất ngắn gọn. Ví dụ: *Bác nông dân xắn quần lên lội xuống ruộng*, thầy bảo thừa chữ “lên”, bởi đã xắn quần, tất phải “lên” rồi, có ai xắn quần xuống bao giờ?

Tôi học xong lớp bảy (Hệ thống giáo dục phổ thông mới) trường cấp II Quảng Ninh, vào đúng thời gian gia đình tôi “lên” thành phần phú nông, trong nhà “quảng dùi đục không mắc”! Tôi không biết làm gì, nên xin thầy mẹ tiếp tục học lên lớp tám (Hệ phổ thông chín năm). Cái khó duy nhất là không có tiền gạo. Thầy mẹ tôi bần khoản khó nghĩ. Nhà chú tôi không bị thành phần phú nông, không phải “đóng thuế khả năng”, bồ thóc chưa cạn, chum khoai còn đầy. Bố tôi gọi chú tôi ngỏ ý vay mượn một ít.

Chú tôi nói: Thế nào cũng phải cho cháu học tiếp, nhưng chuyện gạo thóc để chú lựa lời với thím tôi. Mẹ tôi bảo: “Chú để tôi bàn với thím tiện hơn. Đến tháng tư sang năm có lúa chiêm, tôi trả lại.” Tính thím tôi tốt. Tối hôm ấy, mẹ tôi vay được mười đấu thóc (mỗi đấu xay được 6kg gạo). Còn nơi ăn chốn ở, cũng phải tìm nơi quen thuộc, để có thể nhờ vả được người ta.

Nghe nói ông Nguyễn Nhuận, Hiệu trưởng trường Na Sơn xin mở thêm lớp tám hệ phổ thông chín năm cho học sinh học xong lớp bảy (Bấy giờ không gọi trường tư thực mà đổi tên thành trường dân lập), địa điểm làng Cổ Định, nên tôi quyết định học. Bố tôi và chú tôi bàn đi tính lại vẫn chưa tìm được nơi trọ học cho tôi. Ông Kiểm Thị, ông Cựu Tở, ông Lý Vách chắc chắn đều lên phú nông. Nhà anh Mậu vốn là học trò ông nội tôi, chồng hiền lành, vợ

rất tốt, nhưng gia cảnh quá nghèo. Nhà ông Này làm nghề nuôi vịt, cha con đều ít học, tuy đủ bát gạo ăn, nhưng trong cửa ngoài sân bầy biện đủ thứ, ngồi đâu mà học?

Thái độ bố tôi trước lòng chừng bao nhiêu, bây giờ sốt sắng bấy nhiêu. Ông bắt đầu nhận ra thời thế đang xoay chiều đối hướng, nhiều chuyện bất ngờ. Vì thành phần phú nông, bố tôi bị cách chức Chủ tịch mặt trận Liên Việt xã, chỉ còn cái chân hờ Hội trưởng Phật giáo hữu danh vô thực, chẳng qua một số người phong cho thôi. Bố tôi thấy tiếc năm 1947, anh bạn cũ người Mật Sơn (thành phố Thanh Hoá) ngày trước cùng làm ở Sở địa chính thời Pháp, vào rủ đi công tác kháng chiến lại không đi.

Chuyện này mẹ tôi cũng hay kể cho tôi nghe: “Anh bạn rủ mãi, bố con bùi tai nhận lời. Cơm rượu xong, anh bạn biểu sửa soạn đi ngay bữa nay, nhưng tôi nói trước với bác, đi công tác kháng chiến không được ngồi gật gù tay đưa tay chén, gõ bát gõ mâm, mà phải chịu đựng gian khổ. Bố con ngồi thừ ra nghĩ ngợi một lúc rồi khẽ lắc đầu: Thôi, anh để tôi đi sau, còn phải thu xếp việc nhà việc cửa...”

Mẹ tức quá nói liền: Cửa nhà để mặc tôi lo. Thầy mi chưa thu xếp được mấy hẩu rượu chứ chi! Rứa mà vẫn không chịu đi. Anh bạn gắt lên: Giặc đánh đến đít rồi, anh còn ung dung ngồi rung đùi nẩy cẳng thì lạ thật! Nói rồi anh nứ đi thẳng một mạch, không thèm trở lại. Bây chừ bố con mới biết là đại, rõ thật con mọt răng, nói năng chi nữa! Rứa mà vẫn cứ còn khề khà chén rượu, gõ đĩa gõ bát!”

Đó là những thói quen không thể thay đổi của bố tôi, từ trẻ đã hay rượu, tuy uống không nhiều, chỉ độ nửa chai ba, nhưng ngồi hàng tiếng đồng hồ. Đến lúc ăn cơm, bố tôi cứ bung bát lên lại đặt bát xuống, tay cầm đĩa gõ vào miệng bát cơm canh cách như đánh nhịp cho bài ca “tửu nhập ngôn xuất” bất tận. Có lẽ chỉ có mẹ tôi là chịu đựng được cái cảnh ấy, ngày hai bữa cơm rượu phục vụ bố tôi chu tất, mặc dù gia đình lâm vào cảnh túng bấn.

Cả nhà đều quyết tâm phải lo cho tôi đi học tiếp để tìm lối thoát cho tương lai. Trường tư thục hay dân lập hồi ấy không tổ chức thi tuyển sinh. Ông hiệu trưởng thu nhận tất cả những ai muốn học, cốt đủ tiền trả lương giáo viên. Để tránh máy bay địch oanh tạc, chúng tôi phải học buổi tối. Mỗi học sinh tự sắm một cái bàn gỗ xếp thấp và ghế con ngồi với ngọn đèn chai. Chập choạng tối, tôi bắt đầu một tay cấp bàn ghế, một tay xách đèn chai, cuốn vở mỏng đút túi quần cùng cái bút máy tòng tọc, “vạn cổ đồ mực”.

Tôi nhớ nhất giờ giảng văn của thầy giáo Trần Lê Văn. Nghe nói thầy là nhà thơ. Như vậy, tôi đã được học Việt văn với một nhà văn (Trần Thanh Địch), một nhà thơ (Trần Lê Văn) liệu tôi có thành cái gì, hay rốt cuộc tôi vẫn chỉ là tôi? Thầy Nguyễn Trác (lớp đệ nhị) thì sao? Thầy phê học sinh không biết làm văn (trong đó có tôi). Thầy Trần Lê Văn giảng bài không có sách, hai tay chấp lại sau lưng, vừa đi vừa vung tay theo nhịp bước chân, chúng tôi ngồi im phăng phắc há miệng ra nghe.

.....

Đang học, tôi về quê đột ngột, không một lời chia tay. Chính tôi cũng bị bất ngờ, hoàn toàn bất ngờ trước sóng gió cuộc đời nổi lên dữ dội trong bão táp. Mẹ tôi đang nấu cơm trưa. Cảnh nhà vắng vẻ. Bố tôi như thường lệ đi chợ Muôn bán thuốc Đông y từ sáng sớm. Mẹ tôi ghé vào tai tôi nói nhỏ: “Chả biết có chuyện chi, chó cắn suốt đêm văng vẳng, như có người rình mò đằng sau nhà, còn qua lại dò la trước ngõ. Chú Thuyết đã bị bắt rồi, nghe nói đưa lên huyện...”

Tôi nói để trấn an mẹ tôi, cũng là để trấn tĩnh lòng mình: “Mặc họ. Mình không làm gì nên tội thì lo chi tội!”. Mẹ tôi lắc đầu: “Nhà ta giàu có chi mô mà mắc tội phú nông, sạch cửa sạch nhà!” Tôi nói lảng: “Con còn ba tháng nữa mới hết niên khoá. Năm học kéo dài vì máy bay máy bò, còn đi vác gạo lên Thọ Xuân, Yên Định...”. Mẹ tôi bảo: “Thầy con biểu con phải về nhà vì lo cháy... cháy cái

chi nhờ... à, “cháy thành vạ lây”, con ở trên Nông Cống lở xảy ra chuyện chi, ở nhà biết mô mà lần”. Tôi im lặng không nói gì, lên võng nằm thở dài.

Chiều muộn, bố tôi đi chợ Muôn về, đặt phịch cái gánh có đôi bồ con xuống cửa. Ông lấy ra gói lá chuối, bên trong có mấy lạng thịt bò và một chai ba rượu, rồi tự mình vào bếp đun nấu. Chập choạng tối, bố tôi dọn mâm, lên ngồi giữa giường, trước mặt là cái mâm gỗ (mâm đồng cùng nhiều thứ khác đã bán lấy tiền nộp “thuế khả năng”). Trên mâm có đĩa thịt bò xào, chai ba rượu, món rau thơm không bao giờ thiếu. Bố tôi ngồi xếp bằng tròn, nâng chén rượu uống một ngụm, rồi tay cầm đĩa gỗ bát canh cách, gật gù nói: “Con về sớm là phải. Tình hình ở nhà có nhiều... thay đổi lắm!”.

Hai con chó bắt đầu lên tiếng sủa vang đằng sau nhà. Chừng đã ngấm hơi men, bố tôi tự nói một mình: “Tao không nói thuế nông nghiệp là thuế thất nghiệp! Tao cũng không nói thuế khả năng liên bà mất váy, liên ông không quần! Ai lại đại mồm đại miệng nói càn nói bậy đến rứa!”. Ngừng một lát, ông nói tiếp: “Tao chưa từng thấy cái ba- ra Bàn Thạch mặt ngang mũi dọc ra rằng, mà đưa mô tố cáo tao đề nghị thằng Tây ném bom phá hấn đi để nhân dân chết đói!”. Lúc sau, ông lại nói: “Tao có vô hội Phật giáo vì nhà ta bốn đời thờ Phật cứu nhân độ thế, rằng lại có chuyện tao làm phản động?”.

Tiếng chó vẫn sủa văng vẳng. Ông vẫn lè nhè giọng say rượu: “Nói có Phật trời chứng giám, tao mà phản dân hại nước thì chết cả nhà!”. Mẹ tôi, anh Nậu và tôi đều thức cả. Mãi đến khuya, bố tôi vẫn tiếp tục nói, trở đi trở lại từng ấy câu. Ông nói mãi, như thể để chúng tôi hay mấy con chó nghe. Đêm đã khuya, ba mẹ con mệt mỏi và buồn ngủ lắm rồi!

Rạng sáng hôm sau, tiếng hai con chó sủa dữ dội. Tôi giật mình tỉnh giấc. Anh Nậu thì thảo với mẹ tôi (hai mẹ con thức dậy từ lâu): “Hình như quanh nhà ta có người canh gác. Lúc con đi tiểu thấy ai như ông Từ Nhen cứ lảng vảng qua lại ngõ nhà ta”. Mẹ tôi xua xua bàn tay: “Mặc họ...”.

Tôi nhìn ra sân, thấy người đứng lơ nhố. Bố tôi cũng vừa thức dậy, liền bò khỏi giường. Lập tức có mấy người tiến lại. Hai người túm giữ chặt hai cánh tay ông. Một người đeo súng lục xệ bên hông. Anh ta lấy trong túi ngực ra tờ giấy và đọc to: “Lệnh bắt người!”. Tai tôi ù đi, không còn nghe được nội dung lệnh viết gì. Anh đeo súng lục đọc dứt lời, họ liền mở cuộn dây thừng trói giật cánh khỉ bố tôi lại, ra sức xiết thật chặt! Tiếp theo tờ “Lệnh bắt người” là tờ “Lệnh khám nhà”. Lúc này trời đã sáng rõ.

Bao nhiêu sách vở họ lục hết ném tung ra sân. Chữ Nho, chữ Tây, Quốc ngữ, sách in hay chép tay, họ đều lật lật, giở giở xem qua rồi ném dồn lại một nơi. Trong nhà, một nhóm người sục sạo khắp xó xỉnh, móc cả kẽ vách, bươi cả đồng tro bếp, nhà trên, nhà dưới, không thiếu chỗ nào. Họ tìm tài liệu bí mật của bọn phản động, nhưng chả thấy gì. Họ tìm lại rất kỹ trong sách vở, cũng không tìm được thứ cần tìm.

Anh đeo súng lục tuyên bố: “Sách Nho của phong kiến, sách Tây của đế quốc, sách quốc ngữ của phản động, tất cả đều phải đốt cháy ra tro! Chúng ta đánh đổ phong kiến đế quốc, tiêu diệt phản động không được nương tay!”

Có nhiều tiếng vỗ tay lộp bộp. Họ dồn tất cả sách vở ra giữa sân, chất cao như đồng rơm, đun rác rồi phóng lửa đốt! Mắt tôi nhoà đi! Kho tri thức này mấy đời nhà tôi tích lũy, phút chốc hoá thành tro bụi. Anh công an huyện lấy trong xác cốt cái cùm bằng sắt, cùm tay bố tôi quặt ra đằng sau. Bố tôi kêu: “Tôi tê liệt cả hai tay rồi! Xin ông nói lỏng cho cái dây trói!” Ông Từ Nhen, ông học trò của bố tôi trước Cách mạng tháng Tám, quát vào mặt người thầy học cũ: “Tội mi đáng tùng xẻo, cùm với trói đã ăn thua gì!”.

“Giải đi!”. Một người theo lệnh buộc dây thừng vào cổ bố tôi dắt đi. Thì ra ranh giới giữa con người với con vật chỉ ở sợi dây thừng, chỉ cách nhau một sợi dây thừng! Mẹ tôi bật khóc, cố nén lại trong cổ họng, chỉ nghe tiếng “ức! ức!”

Bố tôi bị giải – dắt đi rồi, nhà như có tang. Tượng thờ, bát hương lẩn lóc, bếp núc tung toé. Ngoài sân sách vở đang âm ỉ cháy, nghi ngút khói bay lên trời, một bầu trời đầy mây âm u, xám xịt. Không ai nói với ai câu gì. Mẹ tôi lên giường nằm khèo. Chẳng biết bà đang nghĩ ngợi gì. Anh Nậu thu dọn bếp núc, nhà cửa. Anh cũng là người siêng năng, chịu khó, nhưng thiếu tính cẩn thận, chu đáo, lại hay nghịch ngợm. Hồi anh mới về làm con nuôi, một hôm, cắt xong cái lưỡi câu để câu cá rô, anh bảo tôi: “Mi sờ coi cái lưỡi câu tau vừa cắt xong, mũi có nhọn, ngạnh có sắc không.” Tôi cầm lấy lưỡi câu đã buộc vào dây và cần xem thế nào. Lập tức anh giật mạnh cái cần, khiến tay tôi bị chảy máu, đau điếng. Anh lấy lá kinh giới nhai qua, đắp vào vết thương. Tôi bị xót giấy nẩy lên, anh liền nhe răng ra cười khoái chí!

Thời gian tôi chăn vịt ở trại Bái Quang, một hôm anh ra lấy trứng vịt đẻ, rủ tôi sang nhà anh Xiềng, khoe rằng anh biết “cắt tiết chày”! Nhà anh Xiềng có cái cối giã gạo chày bàn to và nặng. Khi giã, cả hai anh em (Tâm và Xiềng) hợp sức lại mới nhún nổi. Theo lời anh Nậu, tôi và Xiềng leo lên bàn cố sức nhún, cái mệ chày mới nâng bổng khỏi lòng cối.

Anh Nậu tay trái cầm dao năm (anh thuận tay trái) tay phải cầm bát đặt vào lòng cối. Sau đó anh Nậu lẳng lặng bỏ đi ra ngõ. Chúng tôi phải đứng lâu trên bàn cối, mỏi rời cả chân, nhưng không dám thả mệ cối, vì sợ mệ chày giã xuống thì vỡ tan cái bát. Chúng tôi kêu hò ầm ĩ. Anh Nậu chạy vào toé toét cười: “Răng không có chờ coi tau cắt tiết chày?”. Rồi anh lấy cái bát trong lòng cối sâu hoắm lên, và nâng đỡ mệ chày, giúp chúng tôi hạ khúc gỗ đẽo vuông xuống!

Bây giờ anh Nậu đang thu dọn mọi thứ trong nhà, từ nhà trên xuống nhà dưới, thỉnh thoảng gọi tôi giúp một tay. Anh thuận tay trái, trông khó dăm dăm, thế mà nhanh nhẹn ra phết. Ngoài sân, đóng sách vở, cơ nghiệp quý giá tích lũy năm, sáu đời của gia đình tôi vẫn âm ỉ cháy từ trong đáy lòng nó, tiếp tục bốc khói nghi ngút. Tôi bỗng giật mình, chợt nhớ học bạ đệ nhất, đệ nhị, lớp bảy, cả gia phả bằng chữ Nho...

Tôi chẳng biết than thở cùng ai, đành gọi mẹ, phàn nàn với mẹ. Mẹ tôi thở dài nói: “Đến con người còn nay sống, mai chết, nói chi sách vở!” Ngẫm nghĩ một lúc, tôi thấy mẹ tôi nói đúng! Đến như các thánh nhân: Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử... cũng không thoát nạn, đáng kể gì hạng tôm tép, cóc nhái như mình! Học bạ còn giữ để làm gì? Gia phả bị mất, hại đến ai?

Tối hôm ấy, ông Lê Quang Lờ (không rõ chức vụ gì) đứng giữa đình Văn Đoài – ngôi đình gỗ năm gian hai chái đồ sộ – châm ngòi lửa phát động cuộc đấu tranh chính trị nghiêng trời lệch đất! Dân chúng gái trai, già trẻ trong làng ngoài xã đứng chật đình. Ông Lờ lớn tiếng vạch mặt chỉ tên từng thằng một. Ông kể tội ác hết tên này đến tên khác, những tên đã bị bắt, và những đứa chưa đến lượt.

Trước hết, vụ án “*Cầu Nhân vi quân, Ái Đức vi thần*”. Vụ này, khi tôi còn học ở Nông Cống cũng nghe nói. Chuyện có thật, nhưng thực chất không ghê gớm như ông Lờ kể.

Ông Tiên Cầu Nhân bỗng dưng đêm đêm đứng giữa sân nhà, ngừng mặt nhìn lên bầu trời, vẽ vẽ vạch vạch vào tờ giấy hình tượng tinh tú. Rồi một hôm ông nói với dân làng: Thượng đế cho ông làm Thái thượng hoàng, con trai ruột của ông là Hà làm Hà thiên tử, ông Hàn lâm ở Ái Đức làm Thừa tướng. Lờ sấm trời truyền ra rằng: “*Cầu Nhân vi quân, Ái Đức vi thần*”.

Rồi ông Tiên cho tiền bọn trẻ con, bảo tối tối rao hát dọc đường cái bên sông Lãng câu sấm ấy. Chính quyền địa phương thấy chuyện lạ, báo cáo cấp trên. Cấp trên điều tra. “*Cầu Nhân vi*

quân” thì rõ rồi, còn “Ái Đức vi thần” là ai? Tìm hỏi mãi mới biết Ái Đức là thôn Ngọc Phương (nay thuộc xã Quảng Lĩnh, huyện Quảng Xương, Thanh Hoá). Nhưng Ngọc Phương không có ông Hàn lâm nào cả. Thì ra, ông giáo GẬU (Gụ) dạy tiểu học ở địa điểm thôn Ngọc Phương, lấy vợ người làng này.

Ông giáo dạy học lâu năm, có thành tích tốt, được triều đình Bảo Đại tặng bằng khen Hàn lâm đãi chiếu (hư hàm) nghĩa là cứ đợi đó, bao giờ chiếu chỉ vua gọi về triều đình Huế mới được nhận thực chức gì đó ở Viện Hàn. Nhưng ở làng quê, được như thế cũng là danh tiếng lắm, hơn hẳn Cửu phẩm văn giai hay Bát phẩm văn giai. Ông Hàn GẬU thân với Ông Tiên Cầu Nhân, thỉnh thoảng mời ông này về Ngọc Phương chơi hoặc cúng lễ. Ông Tiên Cầu Nhân đổi tên Ngọc Phương thành Ái Đức (Chữ “Ái Đức” đối với “Cầu Nhân”). Nhưng cái tên Ái Đức trình lên cấp trên chưa được phê duyệt. Vì thế, địa danh hành chính vẫn là Ngọc Phương.

Thái thượng hoàng, Hà thiên tử, Hàn GẬU Thừa tướng bị cấp có thẩm quyền bắt giam một thời gian rồi “tạm tha”, bởi “chủ mưu” chỉ là một ông tiên điên điên ngộ ngộ nói năng nhảm nhí. Tuy nhiên, ông Hàn GẬU mất đứt chân giáo viên tiểu học, phải trở về chánh quán Văn Đoài (làng tôi).

Ở đây, ông lấy người vợ thứ, có nhà cửa, con cái. Ông trở thành người có vẻ si mê, đần độn, suốt ngày làm lụng ngoài vườn tược, chẳng nói, không cười. Sáng sớm, ông đi gánh nước giếng đầu làng (vì cả làng từ xa xưa dùng chung một giếng, sau có thêm giếng Khổ ở xóm Bắc). Không nhà ai được phép đào giếng riêng, bởi làng sợ động chạm long mạch. Ông Hàn lấy tất cả năm vợ. Trên đường đi gánh nước qua hông nhà tôi, bọn trẻ nghịch ngợm hát giễu ông:

Ông Hàn hàn khắp đông tây

Những nỗi đồng thung không khỏi tay ông thợ hàn!

Ông Hàn GẬU vẫn lẳng lặng cúi đầu gánh nước, bước đi không nhanh, không chậm, tai như điếc, đầu óc như si mê.

Tính về quan hệ, thì ông Lòi lấy con gái ông em, ông Hàn Gậu lấy con gái ông anh cùng làng. Ông Gậu được thả từ năm kia, nay có dịp, ông Lòi lại lôi ông Gậu ra, rằng thằng nọ, thằng kia để chửi mắng, phê phán gay gắt. Tôi tin chắc ông Lòi không biết rõ vụ án không thành án “*Cầu Nhân vi quân, Ái Đức vi thần*”, mà chỉ là kẻ ăn ốc nói mò, cốt chửi bới người ta cho sướng miệng.

Đêm thứ nhất, ông Lòi xoay quanh chuyện tên Gậu, phân tích đi, phân tích lại thế nào là “quân”, thế nào là “thần”, có nghĩa chúng muốn khôi phục chế độ phong kiến áp bức bóc lột, cai trị dân ta ra sao...

Đêm thứ hai, chủ đề là bọn phản động Quốc Dân đảng và Hội Phật Giáo. Ông Lòi nói đúng. Xóm tôi có hai tên lính Quốc Dân đảng. Đầu năm 1945, quân Tàu Vàng của Tưởng Giới Thạch sang nước ta tước vũ khí Nhật, theo lệnh Liên quân Đồng minh thế giới (Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung).

Quân Tưởng đóng ở thị xã Thanh Hoá, một hôm thấy hai thanh niên đi lang thang trên đường phố, hỏi “Đi đâu?”, hai anh trả lời: “Bọn tôi đi kiếm công việc làm ăn”. Họ lại hỏi: “Có muốn làm y tá tiêm thuốc chữa bệnh không?” Hai anh đáp: “Có”. Thế là họ bắt khai danh tính, quán chỉ rồi cho đi học thật. Mới học được vài tháng, hai anh bị quân Việt Minh bắt, hỏi đầu đuôi, sau khi đánh cho một trận lại cho ăn uống tử tế. Hơn một tháng, quân Tàu Vàng bị quân Việt Minh đuổi về nước, hai anh cũng được tha, trở về quê quán.

Ông Lòi, dĩ nhiên để kết tội hai tên Quốc Dân đảng cũng phải có ít xít ra nhiều. Ông kể tội rất nhiều kẻ thù trong làng, trong nước, lên án phong kiến đế quốc cấu kết với quân phát xít Nhật khiến dân ta một cổ đôi ba trùng. Nhưng qua ba đêm đấu tranh chính trị không có đối thủ, ông Lòi vẫn bỏ sót, bỏ quên một người, đó là chính ông – Lê Quang Lòi!

Lê Quang Lờ đã từng làm lính “tuần sai” cho phát xít Nhật. Sau khi đánh đổ đế quốc Pháp, phát xít Nhật ở Thanh Hoá dựng lên chính quyền tay sai mới, thành lập đội lính tuần sai làm công cụ dò la, đàn áp. Chúng mộ lính, ngoài sức khoẻ tốt, còn phải biết đi xe đạp. Thời ấy đa số thanh niên nông thôn không biết đi xe đạp. Chú tôi (Hoàng H. Thuyết) người cùng làng, đang học trường Trung học tư thực Nord’ An Nam biết đi xe đạp, nên được ông Lờ nhờ cậy vào thi hộ.

Dĩ nhiên chú tôi không biết mình giúp người ta như thế là sai, nên nhận lời. Lê Quang Lờ trúng tuyển lính “tuần sai”, đội quân tay sai đặc lực của phát xít Nhật. Không rõ Lờ có làm nên công trạng gì cho giặc Nhật, chỉ biết, sau Cách mạng Tháng Tám, Quang Lờ tìm nơi trốn tránh một thời gian. Sau thấy tình hình ở địa phương không ai hỏi đến, nên Lờ mò về, tham gia công tác cách mạng rất tích cực, rồi xông lên hàng đầu cuộc đấu tranh chính trị mạnh như bão tố!

Đêm thứ ba, đối tượng là cường hào ác bá, chánh phó tổng, lý trưởng, hương kiểm, hương mục, hương bạ, hương bản, hương dịch, bọn lưu manh xã hội; thầy bói, thầy cúng, thầy chùa, thầy tướng, thầy số, thầy địa, thầy... Ông Lờ không quên thành phần phú nông, địa chủ ngồi mát ăn bát vàng, phát canh thu tô gánh nặng gãy lưng, cho vay nặng lãi gấp đôi, gấp ba!

Nhà tôi gần đình làng Đoài, ngôi đình to lớn đồ sộ, nghe văng vẳng tiếng ông Lờ oang oang, giọng ông Lờ hùng hồn, khi thể đấu tranh hùng hực của ông rực lửa suốt ba đêm liền, từ 8 giờ tối đến 11 giờ khuya. Cảm tưởng như trong làng chó cũng không dám sủa, gà không dám gáy... Tất cả chìm vào im lặng, nín thở chờ đợi những đêm đấu tranh gay gắt khốc liệt hãy còn ở phía trước!

Đúng vậy! Mấy hôm sau đến lượt quần chúng vùng dậy đấu tranh, không bằng chính trị mà bằng những trận đòn thù! Mở đầu,

anh Sử trại Cồn tố cáo anh Trị xóm Đồn “càn” trộm vịt, người ta nói, còn dấm lại!

“A! Hấn cậy thế có anh là Phó Cai tổng Văn Trinh đó mà!” Có tiếng người nói.

Quang Lờ gọi: “Thằng Trị mô ra đây!”

Trị “Dạ” một tiếng, bước ra trước bực sân khấu làm sau Cách mạng Tháng Tám để thanh niên diễn kịch, bây giờ các vị lãnh đạo đang oai vệ ngồi.

Một người hô to: “Đánh bỏ mẹ hấn đi!”

Lập tức, Sử nhảy lên trước tiên, dấm đá Trị túi bụi. Rồi mấy người cũng xông lại cùng đánh, Trị tối tăm mặt mày, đau quá không kêu được gì, từ từ gục xuống. Lúc này người ta mới dừng tay.

Mặc kệ kẻ tội phạm nằm gục đó, Quang Lờ nói: “Ai muốn tố cáo cứ tố cáo, đừng lo kẻ địch trả thù, có tôi đây là chính quyền cách mạng!”

Trong đám đông, một người giơ tay: “Tôi xin tố cáo thằng Sử là phản động theo đuôi bọn Phật giáo!”

Lê Quang Lờ gật gật đầu: “Đúng! Nhà hấn cũng có người đi lễ Phật! Thằng Sử mô rồi lại đây!”

Sử mới đánh Trị xong, đang đứng gần đó, run sợ bước ra, vái Lờ một vái. Lờ bật cười: “Tao có phải Phật tử nhà mi mô!”

Sử chưa kịp kêu oan, đã bị nhiều người xúm lại dấm đá. Sử kêu trời được mấy tiếng, rồi ngã lăn quay ra nền đình. Có lẽ Sử hết sức bất ngờ về cuộc đấu tranh này: mình vừa nện cho thằng Trị một trận nên thân, thì chính mình cũng bị mấy đứa ghét mình đánh cho đau hơn! Nhưng chắc chắn điều này phải sau đó, lúc hồi tỉnh trong cơn đau đớn, Sử mới nhận ra!

Đêm đã khuya, người ta có vẻ dè chừng, thận trọng về lời tố cáo. Lê Quang Lờ kêu gọi, gợi ý mãi cũng chỉ thấy có mấy cái tên phản động đầu sỏ: Thuỳ, Thuyết, Hân, Điều đã bị bắt bỏ tù cả rồi.

Từ Nhen đề nghị chính quyền cách mạng xã gửi giấy lên cấp trên giải những tên đầu sỏ phản động về địa phương để nhân dân đấu tranh, bắt khai ra bè lũ tay chân của tụi hần trong làng xã. Quang Lờì gật gật đầu khen ý kiến anh Chư (Lê Trí Chư, tức Từ Nhen) rất đúng! Lê Quang Lờì tuyên bố: Cuộc đấu tranh buổi đầu thắng lợi, cho bà con tạm nghỉ, đêm mai lại tiếp tục.

Tôi và anh Nậu buộc phải đến, không phải để tham dự, mà để chứng kiến. Nay mai sẽ đến lượt chính chúng tôi phải tố cáo tội ác phản quốc hại dân của cha, chú mình!

Về nhà, anh Nậu nói nhỏ với tôi: “Tau đéch kinh! Cái hạng dân ngu cu đen như tau thì biết cạy chi!”. Mẹ tôi đang thức, hỏi chuyện đấu tranh ngoài đình. Tôi lo họ bắt tôi khai báo, không biết gì để khai báo, họ lại kết tội mình cũng là phản động hoặc liên quan phản động. Mẹ tôi nói: “Con tuổi nhỏ mới lớn, đang là học trò, chắc ông Lờì không để ý”. Tôi ngỏ ý muốn tránh lên Nông Cống một thời gian, chờ bão tan sóng lặng hãy trở về. Nhưng mẹ tôi dứt khoát: “Chạy trời không khỏi nắng! Để sớm mai mẹ nói với anh Lưỡng công an, cậy nhờ giúp đỡ”.

Trời chưa sáng, mẹ tôi đã gõ cửa nhà anh Lưỡng. Nhà anh gần nhà tôi, cách một quãng đường vòng đi qua ao đình làng với ao nhà ông Mục Chúc và ngõ ông Từ Chúc là đến. Mẹ tôi phải đi lúc này vì nhà ông Lờì chỉ cách nhà anh Lưỡng một cái ngõ. Sợ ông ấy nhận thấy lại nghi ngờ.

Nhưng sau mấy đêm hò hét, đấu tranh, chắc ông Lờì không thể thức dậy sớm. Anh Lưỡng làm công an thôn, vốn người tốt bụng, gia đình nghèo khó, bố anh là ông Kỹ làm nghề bán nước chè xanh ở chợ Nguyễn, lúc này cũng đã thức dậy sửa soạn hàng. Ông Kỹ hiền lành như đất, không để ý đến khách của con. Anh Lưỡng vui vẻ nhận lời. Nhưng vì không có quyền hành gì, nên chỉ hứa sẽ nói khéo với ông Trần Ngọc Khai, xã đội trưởng kiêm Trưởng công an xã, thương tình che chở.

Trưa hôm ấy, anh Lưỡng báo tin ông Khai đã nhận lời, hẹn tối sẽ đến gặp, gia đình nên tiếp đãi tử tế. Mẹ tôi vâng dạ rồi rít. Mẹ tôi và anh Nậu bắt con gà mái duy nhất còn lại trong nhà đang nhảy ổ, cục ta cục tác mấy hôm rồi mà chưa đẻ. Anh Nậu tiếc, cầm cái tách nửa trong tay, chân chừ không nỡ cắt cổ nó. Mẹ tôi bảo: “Người còn không tiếc được, nói chi con gà! Chả nhẽ bắt em nó cắt?”

Anh Nậu bắt đắc dĩ phải xuống tay. Tôi quay mặt đi chỗ khác. Từ hôm thấy người bị trọng thương khiêng đến bệnh viện trường y sĩ quân y sơ tán tại Cổ Định, bị thủng hông, toác ngực, cụt tay, mất chân bởi máy bay giặc Pháp ném bom chợ Mực Nhuận (huyện Đông Sơn), tôi rất sợ cảnh máu chảy, không dám nhìn thấy máu. Tôi biết mình là kẻ nhát gan, không chỉ nhát gái, còn sợ cả cảnh chết chóc!

Buổi tối, khoảng 8 giờ, anh Lưỡng đưa ông xã Trần Ngọc Khai đến, vào thẳng nhà dưới. Ông Khai to mập, đầu đội mũ bộ đội có lưới, mặc quần áo bộ đội màu cỏ úa đã cũ, kiếm được từ thời còn đi bộ đội địa phương huyện. Đặc biệt ông có một khẩu súng lục rút trong bao da đeo xệ xuống một bên hông, khiến ông trở nên oai vệ khác thường, bước đi khệnh khạng, ngất ngưỡng. Tôi cứ dán mắt vào khẩu súng ấy, cảm giác sờ sờ...

Mâm cơm rượu đã được dọn sẵn, chỉ chờ khách đến là bung ra. Ông Khai hỏi: “Cái chi rứa?” Mẹ tôi xoa xoa hai bàn tay run rẩy vào nhau, miệng lắp bắp: “Dạ bẩm ông, có chén rượu lạt mời ông, anh Lưỡng... cho ấm bụng...”. Ông Khai đưa mắt hỏi anh Lưỡng: “Ra rằng đồng chí?”. Anh Lưỡng cười: “Thôi thì gia đình có lòng thì ta có bụng (bụng)! ”

Mâm cơm mời khách quá đơn sơ, chỉ có món gà luộc và chai năm rượu (chừng nửa lít). Nhưng trong hoàn cảnh kháng chiến gian khổ, được như thế đã là sang lắm. Anh Lưỡng rót rượu ra chén tống, mời thủ trưởng. Ông Khai nhấp thử một ngụm, “khà” một tiếng, khen: “Được!”. Thấy anh Lưỡng không uống, ông nhắc:

“Đồng chí! Uống đi chứ!”. Anh Lưỡng rót nửa chén rượu: “Em còn phải làm nhiệm vụ!”

Hình như đến giờ anh mới nhớ ra một nhiệm vụ quan trọng. Anh đứng ngay dậy, bảo mẹ tôi: “Biểu thằng Nậu, tôi cần dặn”. Anh Nậu đang đứng sau cây cột, bước lại gần tai. Anh Lưỡng ghé vào tai anh Nậu: “Mi ra ngoài ngõ đứng canh, có ai vô thì nói công an xã đang mần việc, không được vô!”. Dặn dò xong, anh Lưỡng yên tâm ngồi xuống ghế, nâng chén.

Mẹ tôi hai bàn tay run run, vừa xoa xoa vừa nói. Bây giờ bà đã mạnh dạn hơn lúc đầu: “Bẩm ông và anh Lưỡng, xin thương tình... giúp đỡ...” Ông Khai vừa gấp miếng lưỡi hái gà trắng nõn bỏ vào mồm nhai nhồm nhoàm vừa nói: “Được, có chuyện chi tôi biểu đồng chí Lưỡng!”.

Hai người ngồi uống hết chai năm rượu, nhắm với hai đĩa thịt gà đầy có ngọn, chỉ còn lại miếng cổ, rồi đi ra khỏi nhà, không chào hỏi ai. Chợt anh Lưỡng ngoảnh lại dặn: “Nhớ không được hé răng nửa lời với ai!”. Mẹ tôi và tôi đều nói: “Bẩm vâng, hai ông đi...” Riêng anh Nậu đang mắc bận sờ tay vào mấy miếng cổ gà lật đi lật lại, chẳng nói chẳng rằng...

Tối hôm sau, công an Lưỡng đến nhà trói tôi lại dẫn ra đình. Trong đình làng đã đầy người. Ngoài sân một đoàn người đang đứng sắp hàng. Họ đều bị trói chung một dây dài. Công an Lưỡng dắt tôi buộc nối vào cái dây người ấy, chỗ đầu hàng. Tiết trời đông lạnh giá, dưới ánh trăng non, tôi không rõ ai với ai. Ông Khai tay cầm gậy giới thiệu từng tên phản động từ rớt hàng lên đầu hàng. Ông thuộc lòng danh sách lũ phản động trong xã chuẩn bị “nổi lên cướp chính quyền”. Tên nào làm chức vụ gì đã được sắp sẵn. Chánh, phó cai tổng, lý trưởng, hương kiểm các làng trong xã đều có cả.

Xã tôi thời ấy rất lớn, từ cầu Chèo xuống núi Văn Trinh, hơn 10 làng to nhỏ. Cứ giới thiệu đến tên “ngụy quyền” nào dứt lời, ông Khai liền cầm gậy quật ngay một cái vào người nó. Dân làng ồn ào, chửi mắng ầm ĩ, ai cũng muốn xông ra đánh. Ông giơ gậy lên như vẫy về phía quần chúng: “Trật tự! Trật tự!”. Bằng giọng hùng hồn, ông nói: “Tôi biết bà con dân làng căm thù lắm. Ai chẳng căm thù lũ phản động, đánh đập bà con, dìm dân ta xuống tận bùn đen đất đỏ! Nhưng một dây dài cọc tre tôi đã sai dân quân chôn sẵn ngoài ngõ chợ để trói mỗi thằng vô một cọc. Ngày mai có phiên chợ Nguyễn, mời bà con đi thật đông, tha hồ xử tội đưa bán nước hại dân!”

Dân làng tạm nguôi cơn giận, không khí căm thù bớt sôi sục. Tôi không khỏi giật mình kinh sợ. Vì chính tôi cũng là phản động. Ông Khai giới thiệu tôi: “Còn cái thằng ni, người thấp nhỏ, gầy đen, tuổi nhỏ nhất lại làm chức to nhất: Bí thư!”. Cả làng xôn xao bàn tán. Ông Khai lại giơ cao cái gậy lên: “Trật tự! Trật tự!”. Ông thông thả nói tiếp: “Tên này do bọn phản động Phật giáo làng Bích Khê bị đánh đau phải khai ra. Để rồi còn phải xem coi đúng sai ra rắng!”

Tôi đang run bắn cả người, được lời ông, nổi kinh hoàng giảm bớt. Nếu lúc này, có ai hỏi tôi, tôi đã cúi đầu nhận tội, không thì người ta đánh chết! Mà chết lúc này chỉ thiệt thân, lấy ai minh oan cho mình? Nguyên do cái chức bí thư to bằng quả núi, một thằng học trò nhỏ bé như tôi, học chưa hết lớp tám bậc phổ thông đội gánh sao nổi. Bởi thế dân làng tôi khó tin, thậm chí ngoài sức tưởng tượng! Trong đám đông có một người xông ra đứng giữa thềm đình xuống lên thật to:

– “Mi là con nhà nòi phản động. Không phải bí thư cũng là thư ký. Khai nhận thì tha. Không nhận thì phải khai ra đứa mô là bí thư? Cứ ngoan cố thì sớm mai giải xuống ngõ chợ. Già đòn non lẽ!”

Thì ra ông Lờ! Ông quyền hành to nhất nhì trong xã. Vua không nói chơi! Tôi sợ cuống quýt. Mai phải giải xuống chợ thì chết là cái chắc! Ông Khai quát hỏi tôi: “Mi nhận làm bí thư hay thư ký? Mi phải nhận một chức mới được! Không lý mô quân phản động Bích Khê khai khống cho mi?”

Có lẽ ông Khai muốn tôi cứ nhận đi một cái gì cho yên chuyện rồi sẽ liệu tính sau. Nhưng tôi run sợ lắm! Nhận gì cũng chết, không nhận gì cũng chết! Cố hết sức trấn tĩnh, tôi lắp bắp mãi mới thành lời: “Dạ bẩm, tôi đang học dở phổ thông mới về...”. Ông Khai giơ cây gậy lên dứ dứ vào mặt tôi: “Thôi được! Hãy cứ biết rứa. Chừ tạm tha cho về tại ngoại hậu cứu. Không được rồi khỏi nhà để khi kêu đến phải có mặt liền!”. Tôi mừng quá, vâng dạ rồi rít. Công an Lưỡng cưỡi trời cho tôi, tạm tha cho về.

Tôi chỉ sợ ông Khai đổi ý bắt trở lại, nên rào bước thật nhanh. Phía sau tôi vang vang tiếng ông Khai: “Bây chừ mời bà con dân làng về nhà nghỉ để lấy nơi giam giữ bọn phản động, chờ sáng mai giải xuống chợ Nguyễn!”. Tôi nghĩ: Đêm nay chắc họ phải ngồi hoặc nằm trên cái nền đình bằng đất lạnh lẽo, không cửa, gió sương tha hồ lùa vào, chắc họ đến chết cồng mât!

Sáng hôm sau mẹ tôi sợ không dám xuống chợ. Anh Nậu đi xem về kể lại: Nhiều người ác quá! Họ hạ gánh xuống, lấy đòn gánh tre giơ nghiêng ra sức đánh vào từng người một, không kể tay chân, lưng, hông, hay bụng. Càng kêu xin, họ càng đánh chỗ hiểm, không chết thì sống cũng thành tật! Thằng Hợp con Chánh Chào bị đánh vào mồm gãy răng, dập môi sưng vếu, mắt bị đấm như lòi cả con ngươi!... Mẹ tôi rùng mình nói: “Thôi thôi, đừng nói nữa, tao kinh lắm! Tao cũng đang bủn rủn cả tay chun đây!”

Đến chiều tối, công an Lưỡng lại đến bắt trời tôi dẫn ra đình Đoài. Tôi bị trời nối với đoàn người tối hôm qua. Nhưng một số người bị đánh đau quá đã nằm liệt giường, số còn lại thì sưng mặt, gãy răng, chảy máu rách môi, có người không giơ tay được, chân

bước lê tập tễnh... Ông Khai đã kịp bắt thêm một số người mới để bổ sung vào dây phản động, càng đông càng tốt!

Tôi bị giải theo dây người xuống thôn Gia Hà, tất cả chừng mười lăm người. Thôn Gia Hà, một làng nhỏ ở khoảng giữa đầu núi Văn Trinh và cầu Cống Trúc, có nhà thờ đạo mái nhọn, mở cửa hồi, trên nóc cắm cây thánh giá. (Từ năm 1955, xã Quảng Hoà chia hai xã, Gia Hà thuộc Quảng Hợp). Cách đây chưa lâu, làng Gia Hà bị giặc Pháp ném bom, nhà cửa tan hoang, một số người chết và thương tích. Lũ tôi xuống đến nơi, dân làng đã họp tại đình làng, người không đông lắm.

Ông Khai bắt chúng tôi đứng sắp hàng giữa sân. Và cũng như tối hôm trước, ông bắt đầu chỉ tên vạch mặt từng đứa, cuối cùng là đến tôi, được xem là đứa nhỏ bé nhất, lại có chức vụ to nhất: Bí thư!

Đồng bào công giáo Gia Hà im lặng lắng nghe và thì thầm gì đó với nhau. Ông Khai nói: “Không có quân phản động ni chỉ điểm thì địch biết chi được mà ném bom làng ta! Tội quân ni đáng xử tử bỏ tù một gông!” Vừa nói, ông Khai vừa giơ cây gậy dứ dứ về phía chúng tôi. Bà con Gia Hà vẫn im lặng như không biết căm thù là gì. Dưới ánh trăng non chênh chếch, tôi thấy nhiều người làm dấu thánh giá. Bản tính bà con hiền lành không dám làm điều ác, sợ bị Chúa trừng phạt chăng?

Rồi chúng tôi tiếp tục bị giải sang làng Trinh Miếu. Năm học lớp đệ nhất trường tư thực Hoài Văn, hàng ngày đi bộ qua Gia Hà đến Trinh Miếu, tôi biết làng này cũng nhỏ. Ở đây, chúng tôi lại bị chỉ tên, vạch mặt từng thằng. Ông Khai khơi dậy lòng căm thù của dân chúng. Nhưng người Trinh Miếu đã đấu tố mấy đêm liền hình như cũng mệt. Một ông xướng to: “Đánh mãi mỗi tay, nhọc người. Đề nghị cấp trên cứ bỏ tù tất cả những đứa phản động từ thằng nhỏ đến thằng lớn là xong!”. Ông Khai gật đầu: “Được, được! Đồng bào ai muốn đánh thì cứ nện thẳng cánh kỳ sượng tay thì thôi!”

Nhưng không ai muốn nhảy ra đánh nữa. Lát sau ông Khai nói: “Thôi bà con ta mỗi mệt rồi, đêm nay hãy về nghỉ ngơi, để đêm khác tôi cho giải quân phản động đến. Phản động còn nhiều, phải bắt thêm. Tôi cũng mệt mỗi vì lũ hần lăm!” Ông Khai ra lệnh công an thôn: “Đưa mô ở thôn mô giải về thôn nứ giam giữ!” Đề phòng chạy trốn, họ bị trói vào cột nhà suốt đêm, có dân quân canh gác. Riêng tôi được công an Lưỡng tạm thả cho về.

Đêm nằm trần trọc thao thức không ngủ được, tôi nhớ lại hôm bố tôi bị bắt, dắt đi bằng sợi dây thừng, tôi lo sợ sẽ đến lượt mình. Bây giờ, nỗi sợ ấy đã xảy ra: Tôi cũng đã thành một con vật, nay buộc, mai trói, dắt đi hết nơi này đến nơi khác! Có thể đêm mai ai đó nhảy đến đâm đá cái thằng nhỏ nhất, làm chức to nhất là tôi. Chắc chắn tôi chết mất! Làm thế nào? Thôi đành chịu chứ biết làm sao? Lúc sau, tôi cố hết sức bình tĩnh tự nhủ: Lo sợ cũng không được!

Biết tôi vẫn trần trọc, mẹ tôi thở dài bảo: “Đành liều nhắm mắt đưa chum, lo nghĩ đến mấy cũng không được!”. Tôi “Vâng”, cố nhắm mắt lại ngủ, nhưng lòng vẫn thức, cứ tỉnh như sáo. Lâu dần, mệt mỏi quá, tôi thiếp đi lúc nào không biết...

Chiều hôm sau, anh Lưỡng đến truyền lệnh ông Khai: “Nấu cơm ăn sớm để lên xã!” Tôi vừa cố nuốt cho xong bát cơm chát đắng đã thấy anh Lưỡng từ ngoài ngõ đi vào. Qua mấy lần rồi mà không quen được, cứ thấy bóng ông Khai, anh Lưỡng từ đằng xa, trống ngực tôi đã đánh lớn hơn trống làng! Hôm nào cũng bị trói và giải đi thế này mình chết mất, không chết cũng phát điên! Thà mình có tội tình gì cho cam! Tôi lại bị trói quặt hai tay ra đằng sau.

Tôi được biết có nhiều cách trói tùy theo tội nặng nhẹ.

Nhẹ nhất: Trói phạm nhân vào cánh tay dắt đi.

Thứ hai: Trói hai cổ tay với nhau.

Thứ ba, cách thông thường nhất: Trói hai cổ tay ra sau lưng.

Thứ tư: Trói hai cánh khuỷu, vẫn còn có thể giơ hai bàn tay ra phía trước bụng.

Thứ năm, trói giật cánh khỉ: Hai khuỷu tay bị trói chặt vào nhau, hai cánh tay không cử động được.

Thứ sáu, trói ru- lô: Trói lẫn dây thừng từ cổ tay đến khuỷu tay (sau hai cánh tay bị liệt nếu thêm hình thức treo ngược lên).

Thứ bảy, trói ngón tay: Hai ngón tay cái trói chặt vào nhau rồi treo lên.

Thứ tám: Lộet trần truồng hai người trói úp lưng dọc đường (áp dụng cho trai gái thông dâm).

Thứ chín: Trói vào đuôi ngựa cho ngựa phi.

Thứ mười: Trói vào bè chuối cho trôi sông!

Có thể người áp giải hoặc giam giữ áp dụng thêm một số hình thức nữa đau đớn hơn hoặc để làm nhục. Ví dụ: Bó tôi bị trói giật cánh khỉ còn thêm cùm quặt hai cổ tay ra sau lưng. Người giải “phát huy sáng kiến” buộc dây vào cổ kéo đi. Phải chăng đây là cách theo ngôn ngữ dân gian gọi tên “trói cổ”, “lôi cổ”?

Anh Lưỡng thường áp dụng với tôi: “Trói quặt cổ tay hoặc cánh tay ra sau lưng. Đây là hai cách tương đối nhẹ nhàng trong số 10 hình phạt kể trên. Anh Lưỡng giải tôi lên xóm trại làng Trinh Xá, trói vào cây cột nhà anh Bảng. Nhà anh Bảng nghèo, bố mất sớm, mẹ anh nuôi mấy đứa con khôn lớn. Anh Xuân con trai đầu đi công nhân chiếu bóng. Anh Bảng con thứ, lấy chị Tiệu xóm tôi. Cả nhà hiền lành phúc hậu. Tại nhà anh Bảng có một người con gái đang bị trói vào cột nhà. Cô gái hơn tôi độ ba bốn tuổi. Hai mẹ con anh Bảng đang làm vườn.

Trong nhà vắng vẻ, chị ấy hỏi tôi: “Anh có phải...?” Có lẽ chị đoán chừng nên ngập ngừng dờ câu. Tôi trả lời: “Phải, tôi là con ông Đản Thù”. Chị tự giới thiệu: “Tôi ở làng Chèo, con ông Bổng. Thày tôi vô Phật giáo, nhưng chỉ biết “Nam mô Phật”, chữ nhất là một còn không biết! Họ định bắt thày tôi, nhưng thày tôi đang bị ốm, nên họ bắt tôi ra đấu. Tôi không biết chi, họ biểu tôi ngoan

cố, rồi trói giải lên xã. Đầu tiên giam ở trại Chào, sau giải sang trại Nguyễn!”

Tôi biết trại Nguyễn là xóm trại làng Nguyễn, trại Chào tức xóm trại của Chào Thôn.

Chị Bồng kể tiếp: “Ở trại Chào, anh Xương, anh Hợp con ông Chánh Chào cũng đều bị bắt trước tôi năm sáu bữa, bị họ đánh cho đau lắm!” Tôi hỏi: “Chị có bị đánh không?” Chị đáp: “Có phải mấy cái tát nẩy đom đóm mắt!” Tôi thở dài đáp: “Có lẽ họ thấy tôi gầy nhỏ nên cũng không nỡ đánh, chỉ cho ăn vài cái tát vào mặt thôi! Dù sao chúng ta cũng phải cảm ơn họ!”

Tôi liếc nhìn chị Bồng, thấy mặt chị hình như hơi bị sưng. Nhưng không phải. Đó là do gò má chị hơi cao, hai mắt khóc sưng húp, cái khăn chít đầu sổ tung, tóc xoã loà xoà nên trông chị già trước tuổi. Chị cũng nhìn tôi, khoé mắt đỏ hoe chứa đầy sự cảm thông cùng chung cảnh ngộ.

Không còn gì để nói nữa, tôi và chị Bồng ngồi im lặng, mặt nhăn nhăn nhó nhó vừa đau vừa tê vì cái dây thừng trói. Để tự an ủi mình, tôi ngẫm lại lời kệ bố tôi đọc trước đây, mỗi lần thỉnh chuông: “Khổ hải vạn trùng ba! (Bể khổ sóng muôn trùng). Cho nên người ta xuất gia tu hành. Nhưng đi tu rồi cũng không thoát khổ. Nghe nói trong đấu tranh chính trị có nhiều ông sư bị bắt như kẻ trần gian, bị kết tội “mồm miệng nam mô, bụng bồ dao găm!” Chả biết đúng hay sai. Như mình đúng hay sai? Bắt tội mình liên quan Phật giáo là đúng, nhưng bảo mình làm phản động thì sai! Tôi biết mình là ai hơn ai hết. Tuy vậy, làm thế nào để chứng minh? Không có cách gì cả!

*

Chiều tối, anh Lưỡng giải tôi về trong làng Nguyễn, vào nhà nào đó, cũng nhà tranh vách đất như nhà anh Bàng. Một lát, ông Khai ở đâu đó về, bảo anh Lưỡng mở trói cho tôi, rồi anh được lệnh về,

vì đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng sáng sớm mai phải đến đây. Ông Khai mượn chủ nhà ngọn đèn chai.

Tôi nhận ra trong ba gian nhà tre có một phụ nữ từ góc tối bước ra: Chị Phương! Chị là cô hàng xén xinh nhất chợ Nguyễn! Dáng người thanh thanh, da trắng hồng, mặt mày không nét nào đáng chê. Gái quê như chị là hiếm lắm. Đàn ông ai cũng ước ao. Nhưng chị đã sớm hứa hôn với một thanh niên trong làng, đang đi bộ đội xa, chưa thể về cưới. Ông Khai lấy trong bao da khẩu súng lục giơ lên: “Phải ở đây chờ tau. Đứa mô bỏ trốn tau bắn bể sọ cái!”

Tôi rất sợ súng đạn, thoát đầu nhìn khẩu súng tối hôm ông Khai đến nhà tôi đã phát khiếp. Vốn tính nhút nhát, sợ ma, sợ cả người... như ông Khai!

Ông Khai, Trần Ngọc Khai đáng sợ nhất! Ở xã tôi, một xã đông tới 12 làng, ông Xã đội trưởng kiêm Trưởng công an an xã là thống soái to chức và quyền hành hơn cả Chủ tịch xã Lê Quang Lờ, muốn bắt ai thì bắt, muốn tha ai cũng được. Tất nhiên ông phải có cấp trên chỉ huy, nhưng là vị nào, tôi không biết. Quan xa, bản nhan gần. Ông Khai và ông Lờ chưa trực tiếp đánh ai, nhưng sự thực các ông đã đánh tất cả những ai đã bị đánh bằng bàn tay quần chúng!

Ba đêm hò hét, chửi bới của ông Lờ chính là phát súng đại bác mở màn phát động quần chúng đấu tranh tiêu diệt tận gốc rễ bọn phản động và thổi lên ngọn lửa căm thù bùng cháy, thiêu đốt hàng trăm sinh mệnh chính trị của hàng trăm con người lương thiện làng tôi. Một người mắc tội phản động, cả gia đình lớn nhỏ, già trẻ, thậm chí cả kẻ thân thuộc quen biết đều mắc tội liên quan. Nặng thì “khắc chữ” vào mặt, nhẹ nhất, cũng phải đeo cái biển ghi rõ “phản động” đeo ở trước ngực. Đó là cách nói hình tượng. Thực tế, bia miệng đáng sợ hơn bia đá... Tôi sợ cái tiếng xấu phản động của gia đình tôi sẽ giống như vết chàm đen di truyền lý lịch đến nghìn năm...

Ông Khai đi đâu đó bên hàng xóm đã trở về. Ông nói như ra lệnh: “Có một cái giường vừa bằng chàng đái, không đủ tau gác chun. Bay ra bốc rác ngoài sùn vô mà trải ổ. Mùa đông được nằm ổ sưởi bằng tiên!”.

Lát sau cái ổ rác đã trải xong. Ông khai kéo chiếc chiếu lác đàn vừa ngắn vừa hẹp xuống trải lên phía trên rác. Ông “Hừ!” một tiếng rồi truyền lệnh tiếp: “Phải nằm kiểu úp thìa mới đủ!”. Dường như chị Phương đã biết ý đồ ông Khai từ trước, vội nói: “Tôi nằm trong, anh Phổ nằm giữa, anh Khai nằm ngoài...” Tôi cũng chợt nhận ra ông Khai đưa tôi đến đây chỉ để làm màn che cho hành vi đồi bại của ông. Nếu không đạt được lòng mong muốn thú vật, nó thù mình thì chết dễ như chơi! Bất giác tôi từ chối: “Để ông Khai nằm giữa, tôi nằm ngoài cùng, đêm ngủ tôi hay cựa lăm!” Ông Khai vui hân lên: “Đúng! Tau phải nằm giữa để còn canh giữ cả hai đứa!”

Không có cách nào khác, chị Phương buộc phải nằm ghé mép chiếu phía trong, úp mặt vào vách đất. Tôi cũng nằm ghé mép chiếu ngoài, khoảng giữa rộng nhất dành ông Khai. Ông cởi thắt lưng bao da, lấy khẩu súng lục gởi xuống đầu giường, đưa mắt nhìn tôi, có lẽ ý muốn bảo tôi: “Đừng có sờ mó vào nó, nó cướp cò thì chết cả lũ!” (Về sau, người ta nói với tôi đó là khẩu súng đã hỏng, ông Khai xin của Huyện đội để ra oai với thiên hạ!).

Tôi cố gắng nằm im lặng quay mặt ra ngoài như đã bắt đầu ngủ vô tư. Sự thực, tôi không nghĩ về thân phận mình mà lo thay cho chị Phương! Đêm nay chị sẽ đối phó ra sao trước miệng hùm răng sói? Tình cảnh chị đúng là “Phẩm tiên rơi xuống tay hèn!”. Tôi cảm thấy thương và lo cho chị. Nhưng bản thân tôi lúc này cũng đang trong cảnh cá chậu chim lồng, ốc chưa lo nổi mình, thương rêu sao được?

Không biết ông Khai giở trò ma quỷ gì, làm chị Phương rên rĩ, kêu đau suốt đêm. Sáng thức giấc, tôi thấy chị Phương dậy sớm nhất. Hình như cả đêm chị không nhắm được mắt. Chị nói với ông

Khai, giọng thiếu nǎo: “Em bị đau bụng suốt đêm, bây chừ hǎy còn đau, xin anh cho phép em về nhà...”

Ông Khai không giấu được bức bối: “Rõ cái đồ liên bà con gái, trong lúc người ta đang cần lại giở trò đau bụng đau bǎo!”

Chị Phương nhăn nhó: “Em đến kỳ đau bụng thật mà!”

Ông Khai hất hàm khoát tay: “Tạm tha cho về, bữa mô phải đến tiếp tục công việc... khai báo chưa xong!”

Chị Phương vội vàng ra về, không dám ngoảnh cổ nhìn lại.

Anh Lưỡng cũng vừa đến. Ông Khai ra lệnh: “Đồng chí đưa thằng Phổ về, tạm thời cho quản thúc tại gia, cấm bước chân ra khỏi ngõ!”

Anh Lưỡng ngập ngừng: “Báo cáo thủ trưởng, “đưa” ra rǎng ạ?”

Ông Khai đang cǎu, có vẻ vì chuyện đêm qua: “Rǎng với chǎ lợi! Cứ theo luật!”

Luật gì? Có lẽ là luật bắt trói, giam giữ, đánh người vô tội vạ! Một thứ luật không có văn bản của thủ trưởng Trần Ngọc Khai, chỉ có nhân viên Lê Quang Lưỡng hiểu được. Anh trói tay tôi lại, theo “nguyên tắc” quặt hai cánh tay ra sau lưng, nhưng không đến nổi chặt, hẳn vì bữa cơm rượu tối hôm nọ hǎy còn hơi men?

Qua Tết Nguyên đán, không khí đấu tranh chính trị có phần lắng dịu. Dân làng tôi ngày càng trở nên sôi nổi hơn trong việc dân công tiếp tế phục vụ chiến trường Điện Biên Phủ. Đợt trước chưa về, đợt sau đã lên đường. Đàn ông, đàn bà, con trai con gái đều nô nức xung phong. Số người được trực tiếp vận tải ra tận chiến trường không nhiều. Phần đông làm nhiệm vụ gánh chuyên cho nhau từng đoạn dài.

Đoạn mở đầu từ Quảng Xương lên tận Suối Rút, Cǎnh Nàng (Quan Hoá, Bá Thước). Ngày nghỉ, đêm đi. Mỗi người một đôi bô nặng trên vai và một chiếc đèn chai xách tay. Đầu không nón mũ, chân không giày dép. Gặp cơm mưa rừng, chỉ một mảnh ni lông dành cho đôi bô gạo, vì người ướt sẽ khô, gạo ướt không thể khô.

Đoàn dân công nối nhau dài vô tận, vui hơn ngày Tết, đông hơn trăng hội.

Ở nhà, các cụ ông đan bồ, đẽo đòn gánh không kịp. Làng tôi không trồng lúa, nhưng tre thì nhiều. Nhà nào cũng um tùm, xum xuê bóng mát một vài bụi góc vườn, đầu ngõ. Anh Nậu nhà tôi cũng được đi. Anh là con nhà phản động, nhưng con nuôi. Các gia đình khác, đã thuộc thành phần phản động, con cái liên quan cũng không được đi, hoặc chỉ được đi đoạn đường ngắn, khoảng dăm bảy chục cây số. Người ta đề phòng thành phần xấu đi sẽ đổ bột gạo trong rừng đi cho nhẹ gánh, thậm chí có thể dùng gương chiếu lên trời làm tín hiệu báo cho tàu bay địch đến ném bom vào đoàn dân công.

Anh Nậu gánh bồ gạo lên đến Cành Nàng (huyện Bá Thước, chừng hơn 200 cây số) trở về kể chuyện vui lắm. Anh tha hồ “hò”, được hoan nghênh rất nhiều. Ai cũng vừa đi vừa thi nhau hò, quên cả mệt nhọc. Anh Nậu hết sức kinh ngạc: “Không biết gạo ở mô ra mà lắm rứa!”

Mẹ tôi nói: “Thì ở trong dân chứ còn ở mô!”

Tôi chợt nhớ đến số “thuế khả năng” 10 tạ cả thóc cả tiền của nhà mình. Vô cùng to lớn so với khả năng của nhà mình. Bò cày, mâm thau, nồi đồng, giường, tủ... và những tạ thóc, biết bao hạt vàng, hạt ngọc, hạt mồ hôi, hạt nước mắt! Chắc trong số thóc khổng lồ như núi, như non vận tải ra chiến trường có phần đóng góp vô cùng nhỏ bé, chỉ bằng hạt cát của nhà mình?

Nghe tôi nói về đầy hứng thú, mẹ tôi bảo: “Như rứa cũng đáng. Nhưng không khéo tất cả lại đổ vô mồm thằng Lòi, thằng Cán!”.

Tôi giật thót mình: “Chết! Mẹ nói thế lỗ ra đến tai các ông ấy!”

Mẹ tôi điềm nhiên: “Thì tau nói nhỏ ở nhà thôi, ai nghe!”

Tôi lắc đầu: “Bờ vách có tai, bờ rào có mắt!”

Tuy nhiên, không khí đấu tranh chính trị ở làng tôi chỉ là bầu trời lặng gió trước cơn bão tiếp tục quét xuống gia đình tôi dữ dội

hơn.

Chủ tịch xã Lê Quang Lờì lệnh bắt tôi giải lên huyện. Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Đỗ Đan Quế phân tích cho tôi hiểu điều hơn lẽ thiệt: “Gia đình anh trước Cách mạng bị phong kiến cường hào chèn ép, đế quốc phế bỏ. Cha anh làm Thư ký Sở Địa chính được dăm năm thì chúng đuổi về. Lại đầu đội vai vác như ai! Tại sao sau Cách mạng, gia đình anh, cụ thể là cha anh, chú anh lại làm phản động chống phá cách mạng, phản quốc hại dân. Bi giờ hối lỗi còn kịp. Cha chú anh khai báo cả rồi! Còn anh, anh biết gì cũng phải thành khẩn!”

Ông Chủ tịch huyện chỉ nói đúng một nửa – nửa trước Cách mạng – còn sau Cách mạng ông không hiểu. Tôi thưa: “Tôi không biết mình mắc tội gì”. Ông Đỗ Đan Quế nói: “Được, tí nữa toà làm việc, anh sẽ rõ”.

Trở lại câu chuyện. Hôm ấy, sau khi Chủ tịch Đỗ Đan Quế đi khỏi, có hai ông người dong dỏng cao, đeo kính cận, quần áo tươm tất, dáng vẻ trí thức đến. Một ông Thẩm phán Toà án Tỉnh, một ông Thẩm phán Toà án Huyện. Thỉnh thoảng họ trao đổi với nhau bằng tiếng Pháp. Có lẽ trước đây hai ông học trường Luật. Tuổi tác các vị trong khoảng từ bốn đến năm mươi. Họ vặn hỏi tôi về súng đạn. Tôi trả lời không biết. Vì thực tình tôi chưa từng nghe ai nói về súng đạn.

Ông Thẩm phán Tỉnh đập bàn quát: “Nói láo! Cha mày và chú mày đã khai nhận có súng đạn mà mày còn dám chối!”. Ông Thẩm phán Huyện gườm gườm nhìn tôi: “Phải! Chúng mày chuẩn bị nổi dậy cướp chính quyền cách mạng, tất phải có súng đạn! Nếu không có, sao cha, chú mày lại thú nhận có súng đạn đang cất giấu ở nhà?” Tôi lúc ấy ngây thơ và ngu dại, tưởng cha, chú mình đã thú nhận rồi thật, nhưng quả tình mình không biết thì biết trả lời sao! Tôi sợ tái mặt, lúng túng.

Vị quan Toà tỉnh hạ giọng gợi ý: “Hay là thằng nào đến mang đi rồi?”

Tôi sợ hãi, lúng túng thật sự, run rẩy, lắp bắp nói: “Tôi không thấy... ai đến, hay là họ đến mà tôi không biết!”

Ông Thẩm phán Huyện gật đầu một cái: “Thế là mày đã khai nhận có súng đạn nhưng không biết ai đến lấy mất!” Tôi giật nảy mình, càng run sợ không nói nên lời!

Ông Thẩm phán Tỉnh đỡ: “Cứ nói tên ai đó ra, Toà phán xử rất công minh, sẽ thả cho mày về ngay với mẹ mày!”

Phải một lúc cố trấn tĩnh, tôi mới nói nổi: “Tôi không nhớ... đã thấy ai...”.

Ông Thẩm phán Huyện trợn mắt: “Mày nói quần nói quanh để đánh lừa Toà hả? Cha con mày muốn chết chung một hốc với hai thằng sư hổ mang Tuệ Quang, Tuệ Chiêu!”. Tôi cúi đầu, nước mắt chảy ra giàn giụa.

Ông Thẩm phán Tỉnh lại gợi ý: “Thằng nào hay thậm thụt ra vào nhà mày thì đích thị là nó! Hoặc mày khả nghi kẻ nào cũng được! Cứ nói, đừng sợ!”

Tôi nghĩ không ra ai. Muốn nói bừa một cái tên nào đó cho xong, nhưng đầu óc tôi sao tối tăm mù mịt, không còn biết ai là đồng bọn với Tuệ Quang, Tuệ Chiêu để cung xưng với toà. Tôi mà cũng bị bắt đi tù nữa thì mẹ tôi chết mất! Đầu óc tôi bỗng vụt sáng lên, nhớ đến một người cũng ở chùa, đầu tóc trọc lóc, mặt mũi xấu xí, có lần đến nhà tôi nói chuyện với bố tôi về sư Tuệ Quang, Tuệ Chiêu. Tuệ Quang tôi mới nghe lần đầu. Còn Tuệ Chiêu tôi đọc báo Đuốc Tuệ cũ (xuất bản vào khoảng 1942, 1943) sở dĩ tôi nhớ được, vì ông sang Lào, nhà vua cho ngồi ngai vàng để thuyết pháp...

*

Tôi còn ngần ngại gì nữa? Ông Thẩm phán đã bảo thế, mình cứ thế mà khai. Có lẽ ông ấy sốt ruột, muốn có một cái tên cho xong

việc! Nào ngờ tôi vẫn là thằng ngây thơ, ngu ngốc: Việc toà án đâu phải chuyện chơi! Tôi thưa: “Tên Ha thầy chùa!”

Ông Thẩm phán Tỉnh hỏi ông Thẩm phán Huyện: “Ha nào?” Ông Thẩm phán Huyện nhíu mày suy nghĩ. Rồi ông khe khẽ lắc đầu: “Không phải! Tên Ha người cùng xã cũng bị bắt một hôm với tên Thuỳ, không thể nào còn đến nhà tên Thuỳ để cất giấu súng đạn!” (Thuỳ là tục danh bố tôi).

Ông Thẩm phán Tỉnh hỏi ông Thẩm phán Huyện: “Ha có phải thằng coi chùa, dốt nát, chữ nhất không biết, nhà nghèo rớt mồng tơi, mặt mũi trông như con khỉ đột, chỉ được cái láu lỉnh giống nòi nhà khỉ?”

Ông Thẩm phán Huyện đáp: “Đúng nó, thưa anh!”. Ông Thẩm phán Huyện thấy tôi đang cúi đầu lo sợ, bảo ông Thẩm phán Huyện: “Bây giờ đã gần 11 giờ trưa, cho nó nghỉ ngơi, suy nghĩ thêm để chiều làm việc tiếp”.

Ông Thẩm phán Huyện nói “Vâng” bằng tiếng Pháp rồi bảo tôi: “Cho mày sang nhà bếp, nói với thằng Tạm để nó cho ăn cơm trưa rồi chờ đó sẽ có người đến gọi!”

Nhà bếp ở liền kề bên cạnh. Nhà gỗ lợp kè ba gian nối dài cái chái dọc làm bếp. Chủ nhà đi đâu vắng cả. Anh Trần Văn Tạm, quê xã Quảng Nham, cùng huyện Quảng Xương, làm nghề đánh cá, bị án tù sáu tháng về tội gì không rõ. Mãn hạn, anh được giữ lại làm cấp dưỡng cho Ủy ban huyện. Anh vừa đi chợ về. Người anh vạm vỡ, mặt hơi đỏ, tính tình vui vẻ. Tôi nói: “Các ông Toà án bảo tôi xin anh cho ăn cơm trưa”. Anh cười: “Tưởng cái chi chứ cơm trưa thì được, mi muốn ăn mấy thì ăn, gạo thóc ở huyện không thiếu như ở xã nhà mô”. Thấy anh xởi lởi, tôi cũng vui lây.

Món cá anh mới mua ở chợ về là cá biển nhỏ nhiều loại, thường gọi tên “cá lão nháo”, do dân chài kéo ròng mới được, còn tươi xanh. Anh Tạm rửa cá đổ vào nồi, bắc lên bếp, rưới ít nước mắm, rồi cứ thế châm củi đun. Tôi ngạc nhiên hỏi anh: “Tại sao anh không đổ thêm nước, để thế cháy nồi mất!” Anh cười: “Trong cá

có nước rồi, đổ thêm nước mát ngon, nhưng phải nấu nhỏ lửa, cá vừa chín, bắc ra, cá không bị lạt”. Tôi chợt hiểu, “à” lên một tiếng.

Bữa cơm chỉ có cá và cá. Ăn xong, anh trở cái giường phía gian gần bếp: “Mi cứ lên giường tau mà nằm nghỉ trưa, tau còn phải đi mua rau, sửa soạn bữa chiều”.

Nhà cửa vắng vẻ, tôi tha hồ được yên tĩnh nghĩ cách trả lời sao để thoát tội, cái tội mình không sai phạm, cũng không hề biết! Con đường tối om tôi đang tìm lối thoát cứ mù mù mịt mịt, thỉnh thoảng thấy một tia sáng chợt loé lên rồi lại vụt tắt! Đầu óc tôi ngày càng mờ mịt như con đường hầm không lối thoát, đang phải lần mò từng bước. Tôi nghĩ ngợi lan man, chuyện nọ xọ chuyện kia. Tôi nhớ mình đã đọc một tập sách mỏng rất hay: Bao Công kỳ án có chuyện Bao Công tra án Quách Hoè. Tôi ước gì hai ông Thẩm phán cũng là những Bao Công thời nay!

Tôi cố nhắm mắt nằm yên, muốn quên đi mọi việc, rồi sẽ ra sao thì ra, nhưng trong mắt tôi lại hiện lên sợi dây thừng, cái cùm sắt, sợi dây thừng trói xiết cánh khi, cái cùm sắt cùm quặt cổ tay ra sau lưng..., có cả cái dây thừng buộc vào cổ bò, cổ chó lôi đi, dắt đi...

Thôi thôi càng nghĩ càng sinh quẩn... Giá như người ta bảo cứ nhận tội đi rồi tha cho, mình nhận ngay! Đằng này người ta có nói thế đâu. Họ bắt khai ra súng đạn cất giấu ở đâu, ai đã cất giấu. Thế mới chết! Bởi sự thật tôi chưa hề thấy mặt mũi khẩu súng hay viên đạn lớn nhỏ ở nhà tôi! Ước gì mình có phép thần thông biến hoá ra súng đạn. Không được! Thế thì chết cả lũ! Đành cứ sự thực trả lời, may ra còn sống được!

Hai giờ chiều, các ông Thẩm phán lại gọi tôi đến chỗ làm việc buổi sáng. Ông Thẩm phán Huyện giọng nhẹ nhàng: “Nghĩ kỹ rồi, bây giờ nói thật đi, để khỏi mất thì giờ. Ở nhà, chắc mẹ mày đang mong mày được tha về”.

Tôi khoanh tay lại trước ngực như thuở nhi đồng học tiểu học với thầy giáo trường làng mỗi khi thầy hỏi bài: “Thưa các ông

Thẩm phán, xin hai ông xét rõ, tình thực tôi đi học xa nhà từ năm 13 tuổi, mãi đến lúc sắp đấu tranh chính trị, thầy mẹ tôi không còn tiền gạo cho trọ học xa nữa mới bắt trở về. Tôi đi cùng anh Nậu, trưa nay về đến nhà thì sáng sớm mai thầy tôi bị bắt. Tôi không hề biết chuyện gì về súng đạn. Tính tôi vốn nhát như cáy, rất sợ súng đạn, thấy khẩu súng lục của ông Khai đã phát run!”

Tôi nói một mạch như học trò đọc bài thuộc lòng. Vì tất cả đều là sự thật, đều xuất phát từ sự thật, không có gì thật hơn!

Tuy nhiên, lời sự thật, những lời moi từ gan ruột của tôi không được ai tin cả. Hai ông đều lắc đầu. Ông Thẩm phán Tỉnh trưởng mắt nhìn tôi: “Cha con mày đều là giống lừa ưa nặng. Mai tao cho mày lên gặp cha mày để xem cái cổ cò của mày có cứng bằng cha mày không”. Ông quay sang nói với ông Thẩm phán Huyện: “Đồng chí báo cho công an huyện, đêm nay gửi tạm nó ở đấy một đêm. Nhớ cho nó nếm thử: Khoá trái tay đằng sau và cùm tréo chân đằng trước. Nó kêu thì nhét giẻ rách vào mồm nó. Sáng mai giải nó lên tỉnh, nếu nó không đi được thì cứ dùng chũa hay thừng trói cổ lôi đi!”

Ông Thẩm phán Huyện “vâng” một tiếng gọn lỏn!

Không còn hy vọng gì nữa! Đêm nay chắc chết, chết trong đau đớn tột cùng! Sức vóc tôi yếu đuối chịu sao được nổi một đêm! Tôi chưa chết, họ cũng kéo cái xác dở sống, dở chết của tôi lên tỉnh như kéo cái xác một con chó. Tôi bỗng nhớ mẹ tôi và oà lên khóc. Càng cố nén xuống cổ họng càng bật lên tiếng khóc! Tôi nhớ mẹ tôi! Tôi thương mẹ tôi!

Nhưng tôi bỗng giật nảy mình vì nghe tiếng quát ùng ùng như sấm sét bên tai: “Mày khóc mả cha mả mẹ mày! Cha mày chưa chết, mẹ mày còn sống. Nếu mày thương mẹ mày thật thì hãy khai báo thành khẩn, cứ một mực ngoan cố, mẹ mày sinh có mình mày biết ăn ở với ai? Tuổi già sức yếu cậy nhờ ai? Mày được mẹ sinh ra nuôi ăn học, không biết thế nào là đạo hiếu phải báo đền hay sao?”

Tôi cố nén chịu để thôi không khóc nữa, nhưng vẫn ầm ầm ứ, ứ, ứ... không thể nào nín lặng chịu im được! Tôi “ứ” cái gì? “Ứ” đòi bắt công! Tôi “ứ” cái gì? “Ứ” trời không có mặt! Nỗi niềm này từ lâu, bây giờ có dịp mới ào ra theo dòng nước mắt! Bài thuyết giảng đạo đức của ông Thẩm phán không sai, nhưng chỉ làm tôi thêm chán ghét ông ta. Không làm được Bao Công thì thôi, sao ông lại làm kẻ vô đạo “nhập nhân chi tội”?

Ông Thẩm phán Tỉnh có vẻ ngán ngẩm cấp cấp lảng lảng đi sang hàng xóm. Rồi ông Thẩm phán Huyện cũng ôm một tập giấy tờ đứng lên đi theo. Ra đến cửa ông không quên ngoái cổ ra lệnh cho tôi: “Cứ ở đây, sẽ có công an huyện đến!” Tôi “thưa vâng” và ngồi thụp xuống đất, vì đứng lâu, đôi chân mỏi nhừ, lòng dạ rối bời. Tôi nghĩ đến sợi dây thừng, cái cùm sắt và đêm nay... Mẹ tôi đã bảo: “Chạy trời không khỏi nắng!” Quả không sai! Có lúc một ý nghĩ “chết” đến với tôi. Nhưng làm sao “chết” được? Chết dễ mà chết cũng khó. Thắt cổ tự tử tôi không có gan! Nhảy xuống sông, ở đây không có sông! Uống thuốc độc, lấy đâu ra?

Tôi nghĩ ngợi lan man chuyện sống chết, chuyện số phận, chuyện đời là bể khổ...

Khoảng 5 giờ chiều, anh công an huyện đến. Tôi giật nảy mình, trống ngực nổi lên. “Mi là thằng Phở phải không? Toà tạm tha cho về, phải luôn luôn ở nhà để lúc cần Toà kêu lập tức có mặt. Lần sau phải thành khẩn khai báo để được khoan hồng. Mi ngoan cố lắm! Xã còn báo cáo lên huyện nhiều việc của nhà mi, của mi, cấp trên nắm hết, Toà hỏi chỉ để xem coi mi có thành khẩn hay không, để xét khoan hồng hay trừng trị. Mi còn nhỏ nên khờ dại lắm! Phải nhớ lời tao mới được!”

Tôi vui sướng không xiết, miệng nói “ạ vâng”, hai chân mừng quỳnh chạy ra sân, ra ngõ. Tôi lúng túng, cuống quýt hỏi thăm đường. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không biết nhà ấy là nhà nào, ở thôn gì vì lúc đó sợ bị nghi ngờ hỏi thăm nơi huyện làm việc để báo cho máy bay địch đến bắn phá!

Sau khi bất ngờ được tạm tha, tôi trở về nhà, sống theo kiểu tù giam lỏng. Nghĩa là tuyệt đối không được bước chân ra khỏi ngõ. Nhà tôi không có bò, chỉ giữ lại dăm sào để khỏi phải ăn đong, do mẹ tôi và anh Nậu lo cày cuốc cấy hái, suốt ngày vật lộn với công việc đồng áng. Tôi ở nhà quét dọn nhà cửa, nấu nướng cơm nước.

Mẹ tôi không có tiền đi chợ, bữa ăn triền miên rau lang luộc chấm nước mắm cáy thối, do bị gió thổi lật bay mất chiếc nón lá rách đội trên vai, nước mưa chảy vào. Ngoài ra còn có món cà thâm, cà trắng, muối từ mùa cà tháng ba năm ngoái. Vai cà muối hơi đầy. Cái nén cà bằng đá nhồi hơi nhẹ, nước chỉ lên được nửa vai. Khi lấy cà để ăn, anh Nậu moi chọn quả trắng đẹp ăn trước, sau còn lại đều cà thâm. Cà thâm hết, đến cà lùn cũng ăn. Cà lùn phải bỏ nôi kho lại. Anh Nậu khéo vét trong hông lọ mỡ rán hồi Tết Nguyên đán, sót lại, bỏ vào món cà lùn sau khi nấu chín, làm mất mùi hôi, hơi có mùi thơm, dễ ăn hơn.

Ăn uống kham khổ rồi cũng quen dần. Thì giờ rảnh rỗi nhiều, tôi không có sách báo gì để đọc, rất buồn, nhưng chỉ quanh quẩn trong sân vườn, chứ không bao giờ đi ra đến đầu ngõ. Trước nhà tôi có cái ngõ chạm đục bằng tre, ban ngày chống lên, ban đêm sập xuống, chốt lại vào cọc tre phía trong, lại có ông chó đá nhỏ ngồi canh, không cho ma quỷ xâm nhập.

Hồi bắt đầu đấu tranh chính trị, ngõ bị phá dỡ, chỉ còn ông chó đá bốn mùa, bát tiết vẫn ngồi đó dãi dầu nắng mưa bão tố (ông chó đá ấy đáng đẹp và độc đáo về tạo hình, sau này còn sót lại sau bao tang thương biến đổi, tôi đặt làm tượng thờ bên gốc cây hoa ngâu, có đủ bát hương, be chén, ở lối ngõ vào sân, chiều 30 Tết ngào ngạt khói hương thơm ngát). Cửa ngõ mở thông thoáng, chẳng sợ kẻ gian phi, vì chúng đến làm gì cái nơi tiếng cả, nhà không. Hai con chó giữ nhà cũng đã phải bán trước Tết, vì người còn đang lo đói, lấy đâu cơm gạo nuôi chó! Tôi nhớ lời anh công an huyện, chỉ quanh quẩn chán trong nhà, lại ra sân, vườn.

Sân nhà tôi rộng. Trước năm tôi ra đời (1935), nó là sân đất nện và hẹp vừa. Mẹ tôi muộn màng, năm 26 tuổi mới sinh ra tôi. Thời xưa, bằng tuổi ấy mới sinh đẻ là quá hiếm muộn. Cầu trời khẩn phật mãi mới được thằng cháu đích tôn, ông nội tôi mừng quá, vay tiền của bà chị gái lấy chồng trại Cồn (nhà giàu, hơn mẫu vườn trồng chè) để lát sân gạch, mở rộng thêm gần 2m bằng gạch chỉ, diện tích chính toàn gạch bát Cẩm Trướng.

Tỉnh Thanh Hoá thời Nguyễn gạch ngói Cẩm Trướng (huyện Yên Định) nổi tiếng tốt nhất. Nhờ ở gần sông Mã, Cẩm Trướng sẵn củi mua từ trên rừng chở về, không phải đốt bằng rơm rạ. Chất đất Cẩm Trướng nhiều sét, ít sạn sỏi. Gạch nung kỹ, chín đều, phẳng mịn, góc cạnh vuông vắn. Đặc biệt giữa viên gạch bát nào cũng có một lỗ thủng thông hơi để độ nung được chín đều. Nghe nói thời mới lát, sân gạch đỏ chót, sau mỗi cơn mưa to hay nhỏ, ông nội tôi cũng bắt quét đi quét lại sạch bóng, để phòng trong điều kiện ẩm ướt, rêu mọc bám.

Nhà nông, đã thuộc bậc trung, rất cần có cái sân gạch rộng. Mùa màng phơi phong lúa má, phơi khoai thái lát, phơi rơm... sạch sẽ, chóng khô... Xong mùa lúa khoai, mảnh sân rộng rãi quang lang, người, vật tha hồ đi lại, không lo lóc đất, mưa nhiều chẳng sợ đất nhão thành bùn. Trên cái sân mênh mông này (dưới mắt bọn trẻ), tôi và thằng bạn hàng xóm tha hồ đùa nghịch, chơi trò đuổi bắt nhau, đánh cù, đánh khăng, đá banh. Những đêm sáng trăng mùa hè, người lớn bắc ghế hoặc trải chiếu ngồi chơi, uống nước chè xanh, rít thuốc Lào kêu giòn tan, thêm đàm thắm câu chuyện nhà nông.

Dấu ấn khó phai mờ là những tối trăng rằm Trung thu. Lễ tết gia tiên nhà tôi cúng xong lúc chập chiều, bây giờ mới đến cỗ tết gia đình. Mảnh sân gạch còn tươi màu gạch Cẩm Trướng, được quét sạch tinh, sạch bóng. Anh Nậu trải hai chiếc chiếu rộng, một chiếc ngay ngắn chính giữa, một chiếc chệch bên cạnh phía Bắc, gần nhà dưới (nhà ngang). Chú thím tôi dọn mâm. Cỗ bàn đơn sơ,

những món sang bấy giờ có cá rán, trứng đúc, gà rang... ngày Tết Nguyên đán mới có. Tết Trung thu nhà tôi thông thường, ngoài lộc Tổ xôi nếp cái, thịt lợn luộc, là món không bao giờ cúng: Rau muống luộc chấm nước cá om...

*

Rau muống ngon nhất cỡ Tháng Tám âm, trời nhiều mưa, ngọn mập non ngọt không có vị chát, luộc đúng cách mềm và xanh. Cá đồng loại ăn tạp, chén khoẻ như rô, giếc, chuối, hên, chạch... gặp nước to, ruộng lắm mồi, con nào cũng béo. Cá đồng om nấu với mẻ, mẻ chất chua gặp cá chất tanh, thành vị chua ngọt, gia vị lá gừng, lá nghệ, mùi tàu, chút ớt... vừa cay cay thơm thơm, làm món nước chấm rau muống luộc, tạo nên mối tình duyên ưa, phận đẹp không gì hơn.

Nhà tôi, chú Côi là con nuôi ông bà tôi, anh Nậu con nuôi bố mẹ tôi đều là những tay “sát cá”. Chiều tối, hai người thường đặt mấy cái lờ (lờ) ven bờ ruộng. Ban đêm, lũ cá đi ăn thường bơi dọc ven theo bờ để kiếm mồi, sáng sớm nhấc lờ lên thế nào cũng được dăm ba chú cá giếc, rô, chuối, hên... Loại cá nhỏ chúng chui vào lại chui ra dễ dàng. Chú Côi lớn tuổi hay úp nơm chơm buổi tối ở cống nước chảy, nơi cá chuối hóng mồi.

Ban đêm, trời mưa, chú Côi, anh Nậu thích đi kéo vó tại chỗ cống to nước chảy thông qua đường, từ cánh đồng này sang cánh đồng khác như cống đồng Kép, đồng Yểng, đồng Trai hoặc xuống tận sông Lý kéo vóng. Nếu cần ăn rằm có thể đánh cá ao. Nhà tôi có cái ao rộng trước vườn, thả nhiều cá mè, đủ lứa. Đánh cá mè ao dễ mà khó. Loài cá này ăn nổi, lúc đầu một người kéo vó giữa ao, một người xua đuổi quanh bờ. Mẻ vó thứ nhất, thứ nhì dễ được, đến mẻ thứ ba, thứ tư trở đi chỉ thấy trắng vó, vì chúng chạy vào bờ trốn hết. Phải bỏ vó, dùng nơm, tay úp, chân vùng, khiến cá sợ, càng sợ chúng càng nép vào bờ để trốn.

Đã là cá đồng, cá gì nấu om cũng ngon. Cá om nấu kỹ, cùng gia vị lá thơm (gừng, nghệ, lá lốt) khi cá chín, nếu có bỏ thêm một vài đũa mắm tôm (tuỳ theo lượng nước) càng thêm dậy mùi, tăng vị ngọt. Có thể nói rau muống luộc chấm nước cá om xứng đáng gọi là ngon tuyệt!

Đặc sắc nhất trên mâm cỗ là món củ chuối lươn đậm đà phong vị làng quê, nhà tôi thường chỉ chế biến vào dịp Tết Trung thu.

Cá rô quện với nôi rang

Còn như củ chuối lươn vàng quện nhau

Củ chuối hột là món ăn chống đói. Những năm mất mùa bạch lạng, nhà tôi như nhiều là nông khác, ăn củ chuối hột thay cơm là chuyện thường. Củ chuối hột chế biến làm thức ăn ngon phải vào mùa thu mưa nhiều, ít chát, mềm ngon. Chọn cây non, thái nhỏ bằng đầu đũa, ngâm kỹ nước lã.

Con lươn chọn giống lươn vàng hoặc lươn nâu, làm thịt kỹ, bỏ ruột, rửa sạch xương sống, chặt khẩu mía, ướp với gia vị mẻ, hành khô, nước mắm, ruốc (rất ít) ớt, sau đó trộn chung với củ chuối hột thái, cho ngấm các thức vào với nhau, tạo điều kiện để đôi bạn lươn (âm) củ chuối (dương) “quen hơi bén tiếng”, sau đó đổ thêm nước sôi hoặc nóng vừa đủ xăm xấp, đậy vung kín, đun nhỏ lửa “bung” như. Củ chuối và lươn chín như, bắc ra, gia vị thêm lá lốt, mùi tàu thái nhỏ, trộn đều, nhẹ tay để thịt lươn khỏi nát. Món lươn bung củ chuối múc ra bát tô ăn chung, đông người thì dùng bát nhỏ cho tiện.

Tết Trung thu, trên chiếc chiếu trải rộng, cả nhà quây quần chung quanh mâm “cỗ Tết”. Nhà tôi đông người, phải dọn hai mâm. Đàn ông ngồi một mâm, tiện khẻ khà tay đưa tay chén. Đàn bà, trẻ con, thứ hạng em út ngồi riêng một mâm. Chiếc mâm đồng được đánh sáng bóng, tròn vành vạnh in rõ khuôn mặt chị Hằng như vàng trắng thu. Chiếc bánh đa cũng tròn trịa như bà hàng bánh muốn mô phỏng bóng trắng thu.

Nồi củ chuối bung lươn bắc trên bếp được bung ra, vừa mở vung, toả bay ngào ngạt, mùi thơm khá đặc trưng của món ăn độc đáo làng quê Tết Trung thu kích thích mạnh khứu giác mọi người. Những chiếc bánh đa vùng thơm ngon, cũng được bẻ đôi bẻ ba, kêu vang lên đồm độp, răng rắc nghe vui tai lạ, hoà vào không khí rộn rã bữa ăn chỉ có món củ chuối bung lươn, cùng rau muống, cá om, mà thành bữa tiệc ngon miệng hấp dẫn. Ai gấp được, gấp được những sợi củ chuối kèm miếng lươn, củ chuối sần sật, miếng lươn mềm mềm, nhai kỹ, nghĩ sâu mới thấy thật thấm thía, thấu hiểu thế nào là “củ chuối lươn vàng quện nhau”.

Từ năm đi học xa, Tết Trung thu năm nào tôi cũng cố về nhà, nhưng không khí Tết kém vui dần, vì ông nội tôi đã mất năm 1946, chú thím tôi ra ở riêng nhà bên cùng với bà nội tôi. Nhà tôi chỉ còn lại bốn người, vẫn trải chiếu giữa sân với mâm “cỗ Tết” đơn sơ rau muống luộc, cá đồng om mẻ. Đặc biệt không bao giờ thiếu món củ chuối bung lươn. Đêm ấy, nằm bên mẹ, tôi lại được nghe tiếng ru ngâm giọng ấm áp, ngọt ngào như tuổi còn ấu thơ:

Đang cơn bình địa nổi ba đào

Ai đem củ chuối mà ngào với lươn

Tất cả đã xa xưa lắm rồi! Bây giờ gia đình tôi chỉ có nỗi buồn đau, khi âm thầm, lúc sôi động như vô tận. Trên khoảng sân rộng trở nên mênh mông. Chỗ “ngày xưa” trải chiếu cả đại gia đình ngồi ăn Tết thưởng trăng, nay đám gạch bát sắc nâu tươi đã hoá màu tiết đọng thâm sì. Đó là đại dấu tích, một vết thương tích lớn về trận hoả thiêu độc nhất vô nhị đối với kho sách vở của gia đình tôi tích lũy qua nhiều đời.

Chúng bị kết án là tàn tích phong kiến đế quốc, là tài liệu tuyên truyền phản cách mạng, mặc dù rõ ràng giấy trắng, mực đen, nội dung là tuyên truyền, giáo dục cách mạng. Cho cả đến cuốn gia phả họ Hoàng và quyển học bạ lớp 7 phổ thông, giấy chứng nhận học lực của tôi cũng thành tro bụi. Họ vô tình hay cố ý triệt tiêu

từ nguồn gốc gia đình, dòng họ đến cả tương lai, hy vọng của tôi, nếu tới lúc nào đó có thể hy vọng chút tương lai hết sức bé nhỏ?

Càng nghĩ càng buồn! Tôi nhớ một câu hát cũ: “Ôi ta buồn ta đi lang thang...” Riêng tôi, tôi đâu có được đi lang thang để khuây khoả nỗi buồn mênh mang không bờ bến? Tôi chỉ được ra đến ngõ, nếu tôi vượt quá giới hạn, ông chó đá ngồi canh giữ tà ma sẽ nhắc tôi dừng bước. Chủ tịch Lờ đã sai công an Lưỡng đến nhà tôi truyền lệnh: Hễ ra khỏi ngõ nửa bước, cứ trối nghiêng lại, điệu cổ hấn lên xã lập biên bản tội chạy trốn, để bỏ tù một gông, tiết hết giống nòi phản động!

Tôi đã bắt đầu nhận ra bản chất Lê Quang Lờ. Mồm miệng ông thở ra khói, ra lửa. Lờ lẽ ông có sắt của gươm, có thép của súng, có đồng của đạn. Súng đạn còn ở đâu nữa, ở ngay mồm ông, cất giấu trong bụng ông! Không biết thời gian làm lính bảo an tay sai cho Pháp- Nhật, ông đã lập thành tích phản dân hại nước gì?

Vườn nhà tôi ở phía trước nhà, rộng khoảng hơn hai sào ta. Vốn xưa kia nó là cồn cây, mả củi của ông tộc trưởng họ Lê Văn, nằm chung thân đất với sân và nhà. Đằng sau cái nhà trên của gia đình tôi, là ngõ ổng dài đi vào khu nhà thờ họ Lê Văn. Thế đất “chó ỉa đầu làng” của nhà tôi phải trải qua 200 năm, các cụ ra sức cải tạo, mở mang mới thành một thế đất được nhiều người khen là đẹp.

Buồn quá, tôi thơ thẩn ra sân, càng buồn hơn, tôi lại thẩn thơ ra vườn. Vườn rộng, nhưng là vườn tạp. Tuy vậy, thuở ấu thơ đến thời niên thiếu, nó là thế giới kỳ diệu, hấp dẫn, một khu rừng tuyệt vời đối với tôi. Tôi không thể nhớ hết có bao nhiêu giống cây cỏ. Hồi nhỏ, chúng tôi hay chơi trò đổ lá. Mỗi đứa ra vườn hái một ôm lá cây và cỏ đem vào sân để đổ nhau, đoán xem là lá cây, cỏ gì. Nhiều thứ lá bị bứt khỏi cây, rất khó nhận ra. Bạn nào đoán trúng nhiều thì thắng, được búng tai bạn thua ba cái. Cả bọn vỗ tay cười vang. Bởi vậy, kiến thức về thế giới thực vật nhờ vào quan sát của chúng tôi được nâng cao, không trông chờ ở sự chỉ bảo của người lớn.

Sau thời gian bận học hành xa nhà, vườn cây cỏ nhà tôi vẫn thủy chung xanh tốt, rậm rà chờ đợi. Cây dung ngày nhỏ cho tôi nhiều quả ăn lúc đói lòng. Cây sắn thuyền bắt đầu có quả chín tím đỏ giữa những chùm xanh chín chít như sung. Hai cây dừa vô tư đứng nghiêng nghiêng soi gương mặt ao, lá dài thướt tha, nhàn nhã phe phẩy ghẹo trêu đàn cá mè nổi lên hóp không khí. Giữa vườn, một đám chè xanh vài ba chục cây tuổi tác nhiều năm, cánh hoa trắng muốt, nhụy vàng thơm ngát. Thân chè rêu mốc, gỗ làm nõ điều hút kê giòn giã, gọt miếng sáo điều thả bay lên trời vang vọng tiếng vi vu, xen lẫn âm thanh ru ru như công chiêng, lúc mơ hồ, khi thoảng hoặc như chốn tiên cung, thượng giới...

Sớm sớm, bà nội tôi bắc ghế cao hái chè, đủ uống trong ngày. Các cụ quen uống nước chè xanh đặc, gọi là đặc “cặm tằm”. Chè vừa đun xong, đun trong ấm đất, rót ra bát tô, mùi thơm toả hương, khói bay nghi ngút, các cụ uống ngay, vừa thổi phì phù, vừa hít hà, tận hưởng hương vị đất trời đã cho con người một loài cây lá đặc biệt!

Đứng giữa bờ vườn sát ngõ đằng đối với phía bên kia là cây núc nác:

Vào rừng không biết lối ra

Thấy cây núc nác ngõ là vàng tâm

Đó là chuyện của ai kia, với nhà tôi, các cụ xem núc nác là cây quý. Vở nó chính là vị hoàng bá nam làm thuốc, thay cho hoàng bá bắc phải tìm mua của Trung Quốc, công dụng không khác gì nhau.

Chợ Nguyễn xã tôi thường bán nhiều cá nhám tươi, dân biển đưa lên, giá rẻ, thịt nạc, chỉ có một cái xương sống là xương sụn, cũng cứng như đầu của nó, nhai mềm sần sật. Bộ lòng cá nhám nấu dấm rất ngon. Cá nhám chữa đẻ con. Trong bụng con cá nhám có thể chứa đến gần chục cá con, cũng cho ta nôi dấm mẻ, dấm khế, không thứ cá nào sánh nổi. Nhưng nhược điểm của cá

nhám là mùi khai, thành ra, “cái nết đánh chết cái đẹp”! Bà nội tôi kho thịt cá nhám với lá núc nác, dùng lá núc nác trị cái “nết khai” của nó. Thực ra, chỉ hạn chế được phần nào thôi. Muốn cá nhám hoá thơm tho, ăn ngon tuyệt, phải nướng cháy lớp da. Đây là thủ phạm gây ra mùi khai, vị nồng khó chịu. Cho nên, cá nhám ăn gỏi rất ngon, không kém gì cá đuối, cá lạnh... Tất nhiên, phải lột bỏ lớp da nhám xạm xạm.

Theo quan niệm xưa, cây núc nác kỳ tà ma quỷ quái. Nó đứng ở đâu, lũ ấy đều không dám bén mảng tới gần. Thế mà một cây núc nác phía bên kia bờ ngõ, cao đến ba thước tây đang tươi tốt bỗng rụng bị héo rũ dần rồi chết! Nói bị sâu ăn rễ hay đục thân? Điều này ít xảy ra với giống cây gỗ xơ.

Bố tôi trên đường lên huyện Nông Cống thăm chú Ngãi ở xã Thượng Vạn, làng Lê Xá, đi qua Đò Sông, hay ghé vào chơi với ông thầy Mù, làng Bến (nay thuộc xã Hoàng Giang). Ông bị mù từ lọt lòng, cha mẹ nhân đó đặt tên Mù. Càng lớn lên ông càng thông minh, mẫn tiệp. Cha mẹ cho đi học, ông không đọc được chữ, cũng không biết viết, nhưng chỉ nghe qua một lần bạn học, thầy giảng là nhớ nhập tâm ngay, không sai nửa chữ. Thầy cho học Kinh Dịch, ông thuộc từ đầu chí cuối. Thế là ông thành thầy bói và bói rất giỏi, nổi tiếng gần xa. Nhờ nghề này, ông tự kiếm sống, không phải ăn bám vào ai.

Người ta nói: Thầy bói “nhân nhập tâm” nên thông minh sáng suốt, thấy hết, biết hết việc đời. Tôi nghĩ không phải người mù nào cũng được như vậy. Đặc biệt, tai người mù rất thính, thính đến mức nếu đã được gặp gỡ một hai lần, chỉ cần nghe tiếng bước chân đủ biết người ấy là ai, lạ hay quen, nếu quen thì đích thị là ai.

Lần ấy, bố tôi vào thăm chơi, thầy Mù không cần gieo quẻ, chỉ bấm đốt ngón tay rất nhanh rồi nói: “Này anh ký Thuý, tôi biết anh vô đây thăm tôi, không có ý hỏi tôi việc chi, nhưng chỗ thâm giao, tôi biết chi thì cứ nói. Nhà anh có một cái cây bị chết do đũa cường tà xâm nhập nhà ta để quấy phá, nên các pháp sư bắt trời

giam giữ đã lâu. Anh cứ để mặc hắn ở đó với cái cây chết, không cần bận tâm!”

Bố tôi cười: “Anh Mù làm thầy thiên hạ rõ xứng danh lắm!”

Thầy Mù bật cười to: “Mù tôi không xứng còn ai mới xứng!”

Khi trở về nhà, bố tôi đem chuyện kể lại với ông nội tôi. Nghe xong, cụ im lặng, không nói gì.

Cây núc nác cứ đứng như trời trồng, cành lá trơ trụi, trên ngọn teo tóp dần, trông rất chướng mắt. Ai nói chuyện chạt đốn đi, ông nội tôi nghiêm mặt; “Hãy cứ để đó!”. Kỳ lạ thay! Chừng một năm sau, cây núc nác ấy dần dần sống lại! Vì thế, trong gia đình tôi ai cũng bảo: Giống núc nác thiêng thật!

*

Một buổi sáng, bố tôi đột ngột trở về. Đi kèm áp giải là công an đeo súng lục, bộ đội đeo súng trường, cùng rất đông cán bộ, chính quyền đoàn thể. Trông bố tôi chẳng khác nào kẻ tử tù bị đưa đến như xử tội. Tôi nhìn mà run bắn cả người.

Họ không đưa bố tôi vào nhà mà bắt ông dẫn thẳng ra ngoài vườn, chỗ cây mít nhão. Đoàn người vây quanh cây mít. Máy công an thôn xã đã chuẩn bị sẵn thuổng cuốc. Họ bắt tay đào bới, hăm hở như muốn lục tung, lật ngược cả gốc cây mít để tìm vàng bạc, châu báu. Nhưng ngoài mấy mảnh vỡ của nồi đất, be sành, thì không thấy gì cả!

Bỗng bố tôi kêu to: “Ôi trời! Đứa nào đã đào lấy trộm mất rồi!”. Lập tức, bố tôi bị một quả đấm như trời giáng vào giữa mặt, kèm theo một cú thúc chí tử vào mạng mỡ. Ông loạng choạng rồi gục ngã ngay dưới gốc mít! Tiếng ai đó hét lớn: “A, mi dám cả gan đánh lừa bọn tau, đánh chết tươi chôn liền xuống gốc mít mới đáng đời quân phản cách mạng!”. Hoá ra họ đào bới để tìm khí giới, súng ống. Vì bị cực hình tra tấn, nên bố tôi buộc phải nhận

tội và khai bừa là đang giấu ở góc mít cho xong. Điều này đúng như lời hai ông thẩm phán đã tra hỏi tôi trên huyện...

Ông chỉ huy (tôi nghĩ vậy) khoát tay ra lệnh: “Thôi! Giải đi!”. Tôi đoán họ sẽ vào khám nhà, lục soát mọi xó xỉnh. Bố tôi và đoàn người áp giải, súng ống lăm lăm đã vào đến sân. Tôi không còn hồn vía nào, đầu óc tối tăm mù mịt. Tôi như chuột chạy cùng sào, chỉ còn biết ôm cây sào chờ chết, chết trong lúc mẹ tôi và anh Nậu cầm đầu cúi cổ nhỏ cổ lúa chiêm ngoài đồng. Bữa trưa hôm nay thiếu vắng tôi, chắc mẹ tôi nước mắt chan cơm...

Chợt loé lên một tia sáng. Tôi nhận nhớ ra trong buồng mẹ tôi ngủ và cất đồ đạc linh tinh còn có một cái giường cưới đóng bằng tre, thời mẹ tôi về nhà chồng. Nhanh như cắt, tôi nhảy lên giường, đắp chiếu nằm co quắp như người đang ốm. Mà tôi ốm thật. Người nóng bừng bừng như đang lên cơn sốt!

Có tiếng chân người đông và tiếng nói xôn xao. Hình như họ đang tiến vào nhà trên. Có lẽ là lục soát xong nhà trên rồi mới đến nhà dưới. Tôi nằm im, không cựa quậy, nín thở như người đã chết. Vậy mà hai hàm răng cứ va vào nhau cầm cập! Tôi cố giữ bình tĩnh mà không được. Không hiểu sao tiếng bước chân thành thịch, tiếng lao xao bàn tán của đám đông lại như xa dần, mờ dần. Đầu óc tôi mê mẩn rồi sao?

Tôi đẩy tụt chiếc chiếu xuống chân, hé mắt nhìn ra. Nửa mừng, nửa lo. Tôi thấy nhà cửa không một bóng người, ngoài sân vắng ngắt. Một sự im lặng đáng sợ! Nhưng đúng là họ kéo đi cả rồi. Chắc họ giải bố tôi đi để tiếp tục tra khảo, và ông sẽ phải chịu hình phạt ghê gớm hơn dành cho kẻ ngoan cố. Nhưng đâu phải bố tôi ngoan cố. Tôi gì thì có thể khai bừa, chứ khí giới, cái đồ tàn bạo của kẻ giết người kia lấy đâu ra? Tôi bán tín, bán nghi, ngờ rằng bố tôi bị oan, chứ làm gì có súng, có đạn.

Khoảng hai tuần sau “cuộc truy tìm kho súng đạn”, anh công an Lưỡng đến nhà bảo tôi:

- Tỉnh có lệnh gọi mi lên có việc gấp, mi phải sửa soạn sáng mai tau dẫn đi sớm!

- Tôi hỏi: “Không có giấy gọi hay sao?”

- Anh Lưỡng trả lời: “Tau chỉ biết làm theo lệnh của ông Lôi, chớ có hỏi đến giấy má mà thêm lời thôi cò kéo, để ông nó phạt lây đến tau!”

Tôi nghĩ: Lần trước gọi mình lên huyện cũng không thấy giấy má gì. Chắc lại chuyện súng đạn? Đến bố tôi còn không biết súng đạn cất giấu ở đâu nữa là tôi! Tôi đành cứ phải “Dĩ bất biến ứng vạn biến!”

Suốt đêm mẹ tôi không ngủ, trong khi anh Nậu vẫn “kéo bễ” phì phì. Anh mắc bệnh hen suyễn do hồi nhỏ đi ở nhà ông cố Thuý, phải làm việc nhiều, quá sức. Tính anh siêng năng, chịu khó, sáng ý, biết việc, sống vô tư lự, ba lần lấy vợ không thành, vẫn chẳng tỏ ra nghĩ ngợi, buồn phiền gì. Mẹ tôi thì cả nghĩ, thương con thương chồng, dẫu hay cãi trả chồng. Giả dụ, chỉ cần cãi chồng một câu đủ mắc tội chết, mẹ tôi chết thì chết vẫn cứ cãi, cãi xong rồi chết ngay tức khắc cũng cam lòng! Tôi biết mẹ tôi lo lắng. Trước lên huyện còn gần, nay phải lên tận tỉnh xa xôi mịt mù, con chim non sớm phải xa tổ, rời cành, không biết số phận thế nào, liệu ông trời có thương...

Trời mới mờ sáng đã thấy anh Lưỡng xuất hiện trước cửa với cuộn thùng trong tay.

Mẹ tôi khóc.

Tôi an ủi mẹ: “Con phải lên tỉnh như lên huyện thôi, vài hôm con về”. Mẹ tôi mếu máo nói với anh Lưỡng: “Anh cho em nó thư thư một tí, ăn bát cơm đỡ đói. Nhà chỉ có cơm vó cà, nên không dám mời anh”. Anh Lưỡng xua tay, lắc đầu: “Thôi, ăn uống chi. Có tiền bà đưa cho hần mấy đồng, dọc đường uống nước. Phải đi sớm, chiều tôi còn về”.

Anh Lưỡng mở cuộn dây thùng trói ngay hai cánh tay tôi ra sau lưng. Tôi hỏi: “Anh trói chặt tôi thế này, đường xa tôi đi sao

nổi?” Anh Lưỡng ghé tai tôi nói nhỏ: “Đây là lệnh ông Lòi, áo giải phạm nhân phải theo đúng nguyên tắc. Mi chịu khó đi khỏi xã, qua tai mắt ông Lòi, tau sẽ mở trời!”

Mẹ tôi nhét vội mấy đồng bạc vào túi áo tôi. Nhà làm gì có tiền, chắc mới vay được tối qua. Cũng như bố tôi hôm bị bắt, tôi bị giải đi đầu trần chân đất! Cái mũ cát hồi còn đi học đã rách vãi bọc, long cả gỗ bắc đệm cốt bên trong, và đôi dép lốp xe cũng đã tụt hết dây quai cao su. Mẹ tôi lấy cái mê nón rách đây vại mắm cáy thối ngoài sân, chạy vội theo đặt lên đầu tôi. Tôi thập thững bước thấp, bước cao, chân mỏi rời, tay tê cứng. Năm ngoái bị trói, giải hết làng này đến làng khác, nhưng được đi chậm chậm, không đến nỗi bị thúc ép đằng sau như thúc giục con bò gầy yếu ịch kéo cày đồng sâu.

Đường lên tỉnh xa thật! Anh Lưỡng cứ đưa tôi dọc theo đường sông nông giang ngược lên phía Tây, tận 5 giờ chiều mới đến địa điểm cơ quan Toà án tỉnh đóng trụ sở. Tìm được nhà thì đã hết giờ làm việc. Anh Lưỡng gặp ông văn phòng trực cơ quan. Ông ấy hỏi có công văn gì không? Anh Lưỡng lấy từ túi áo ngực đưa cho ông một phong bì. Ông bóc ra xem. Ông hơi nhíu mày nghĩ ngợi. Ông ngồi vào bàn viết nguệch ngoạc mấy chữ vào tờ giấy đóng sẵn dấu không chỉ, đưa cho anh Lưỡng. Anh Lưỡng vội chào ông ra về, chắc còn phải đi tìm nơi nghỉ trọ đêm nay để mai xuôi sớm.

Ông văn phòng đưa tôi đến một ngôi đình lớn, bên ngoài có bộ đội canh gác. Đây là nhà tù hay trại giam? Năm gian đình gỗ lợp ngói, không có cửa, bị rào kín bằng tre gai. Tôi cố trấn tĩnh. Điều mình lo sợ nhất bấy lâu, nay đã hiện diện ngay trước mắt!

Ông văn phòng Toà án tỉnh nói với anh bộ đội đang ngồi ở phòng trực canh, trên bàn đặt ngang khẩu súng trường. Anh bộ đội đứng dậy dẫn tôi vào buồng giam đầu tiên (số 1). Thìa khoá vụn lách tách. Cửa buồng mở ra. Tôi bước vào, thấy mình đang bị đẩy xuống địa ngục. Trong buồng rất đông người đang “kề vai sát

cánh” ngồi đông lõ nhố như đám khán giả nông thôn phải chen nhau ngó lên sân khấu để xem rõ mặt một diễn viên mới.

Tôi đang tìm một chỗ ngồi, liền nghe những tiếng quát nhỏ: “Đi vô”, “Đi vào!”. Người ta né tránh cho tôi đi. Tôi vẫn phải len từng bước chân cố tránh dẫm lên vai, lưng họ. Ngoài trời, ánh chiều đã tắt. Trong đình bắt đầu nhá nhem tối. Lòng đình chỉ sâu chừng 5m mà sao tôi đi mãi không hết, cứ sâu hun hút. Mỗi bước chân càng tối tăm hơn, cảm giác đang rơi xuống đáy giếng địa ngục.

Không còn cảm thấy hay nghi ngờ gì nữa. Tôi đã xuống địa ngục thật rồi! Chỗ của tôi ở sát tận xó đình, ngay kề bên nồi vòm, còn gọi là nồi đình, đồ gốm đất bán ở chợ Vòm (huyện Thiệu Hoá), một cái bô vệ sinh tập thể. Lệ buồng giam nào cũng vậy. Đứa vào sau thay chỗ đứa trước. Tôi phải nằm ngồi, ăn uống ở chỗ này đến lúc nào có kẻ mới vào thế chân tôi, tôi sẽ được ra xa hơn một chút...

Tù nhân được ăn cơm lúc 5 giờ. Bây giờ trời đã tối mịt. Khoảng giữa buồng giam một chiếc đèn treo ba quang thắp dầu hoả, bóng đèn ám đầy muội khói, không đủ soi khắp. Người ta bắt đầu làm cái việc xếp hàng tranh hạng thứ tư của món “tứ khoái”! Mùi khai thối cùng lúc bắt đầu nổi lên nồng nặc. Tôi phải lấy hai bàn tay bịt chặt lấy mồm mũi, nhưng không được lâu, vì dù thế nào cũng phải thở. Một lúc lâu, cơn mưa uế tạp ngót dần.

Tôi hỏi anh bạn vừa được tôi thế chỗ: “Anh vào đây lâu chưa?”

Anh ta đáp: “Đã lâu! Trong trại cấm phạm nhân không được chuyện trò hỏi han gì nhau. Kẻ nào trái lệnh sẽ bị xiềng chân, xích tay, sống dở chết dở. Ở đây xa Ban trực canh, nói nhỏ, bên ngoài họ không nghe được, được cái hay là dễ chuyện trò”.

Trước cửa, ngoài hàng rào, một ông cán bộ đeo túi xà cốt xuất hiện. Ông đứng trước cửa khịt mũi mấy lần và vỗ tay mấy cái: “Im lặng! Im lặng!”. Trong buồng giam đang ì ì chột lặng ngắt như tờ: “Các anh nghe đây! Phải luôn luôn nhớ rằng mình không phải là tù chính trị để mà chó có tự hào, đòi hỏi cái này cái kia! Các anh

chỉ là một lũ lưu manh trộm cướp, không hơn không kém! Hãy yên tâm cải tạo, chờ ngày cấp trên khoan hồng! Lợi dụng đêm tối, thằng nào dám tính chuyện trốn trại sẽ bị bắn bẻ sọ!”

Xong bài huấn thị ngắn gọn, súc tích, ông cán bộ hất nhẹ cái xà cọt ra sau lưng, kể tóm tắt tình hình kháng chiến trong nước, khắp nơi giặc Pháp bị đánh thua tới bờ, chúng sắp phải đầu hàng ở mặt trận Điện Biên Phủ. Bây giờ kẻ nào muốn theo chân bám gót nó kiếm chút bơ thừa sữa cặn cũng đành chịu tro mồm...! Các anh vì ngu muội đã bị lừa, bị lừa hết! Tuệ Quang, Tuệ Chiếu hai tên đầu sỏ cầm đầu các anh là ai? Bị lừa, bị lừa hết! Đó chỉ là mấy đứa thầy tu hạng bét loại sư hổ mang, chỉ biết ăn thịt chó, miệng nam mô bụng bồ dao găm!

Thằng Tuệ Quang nửa chữ căn làm đôi không có, thằng Tuệ Chiếu học được mấy tiếng Tây giả cày, chuyên làm bồi bếp cho Tây... Thế mà dám thành lập đảng Liên tôn diệt Cộng xưng danh lãnh tụ! Những tôn giáo nào theo chúng? Chủ yếu cánh Phật học, Phật giáo rào rào chạy theo như đàn vịt cùng lũ địa chủ cường hào ác bá và bọn quan chức nguy quyền cũ tri phủ, tri huyện, chánh phó tổng! Còn quân Công giáo những ai? Không nhiều lắm vì chúng khôn khéo như cá trê ăn ngấm, chỉ có thằng cha Tần cầm đầu là ghê gớm nhất thì đã bị tóm cổ cho tù một gông!”...

*

Trại giam chuyển sang phần sinh hoạt ca hát. Chỉ có ba bài hát quen thuộc: *Diệt phát xít*, *Một mùa thu*, *Bao chiến sĩ anh hùng*, cứ hát đi hát lại, mỗi miệng rơi hàm vẫn cứ phải hát! Nhiều người vừa ngủ gật vừa hát, lè nhè, ồm ồm câu được, câu chẳng, đầu lắc lư, thân ngã nghiêng như say rượu, đến nổi cụng cả trán vào gáy anh ngồi trước. Năm gian đình là năm gian buồng giam.

Nhìn từ buồng bên này qua kẽ hở hàng rào tre gai có thể thấy rõ buồng bên cạnh. Buồng nào cũng đông, chật kín người như

nêm cối, ước đến gần bốn trăm người tất cả. Buồng thứ năm, buồng cuối, nhất toàn phụ nữ. Ai cũng phải hát thật to, trưng họng gân cổ lên mà hát, dù biết hát hoặc không biết hát, giọng ồ ồ bò đái hay khàn vẹt đực, hợp thành một bản đại hợp xướng năm bè bảy mảng, chín phải mười phe, độc nhất vô nhị!

Hôm nào cũng phải hát như thế từ tối đến khuya! Hát sừng cổ sừng họng để làm gì? Cải tạo tư tưởng tâm hồn chẳng? Không phải! Có lẽ để tù nhân quá mệt mỏi, đến 12 giờ đêm mới được ngả lưng, tắt ngủ say như chết!

Tôi đang nghĩ vậy, bỗng buồng bên vang lên tiếng tố cáo: “Thưa Ban giám thị, tên C. nói giọng người Huế trọ trẹ mới biểu rằng: ‘Đứa mô muốn trốn thì trốn, nỏ phải vì hát ít hát nhiều!’”

Anh trực đêm liền quát: “Chống lệnh Ban giám thị! Tuyên truyền vận động kẻ trốn trại! Kỷ luật!” Người tù tố cáo hỏi: “Dạ thưa... kỷ luật thế nào?”

Anh trực đêm nói không cần suy nghĩ: “Trói ru- lô treo lên xà nhà!”

Rồi anh ném cuộn thừng mới vào buồng giam và hỏi: “Thằng tố cáo tên chi?” Người ấy vội vàng thưa: “Dạ bẩm... dạ thưa, con tên là B.” (những tên người tôi viết tắt vì chỉ mới nghe qua một lần, mà thời gian đã quá lâu, không thể nhớ được). Anh trực đêm khen ngợi: “Tốt! Thằng B. cải tạo tốt, cho làm trưởng buồng để thưởng công!”

B. chấp tay thưa: “Con xin cảm ơn Ban giám thị”. Cái giọng nịnh hót ấy nghe thật khó chịu. Tại sao tù nhân lại phải xưng “con” với giám thị? Hôm sau tôi mới hiểu. Chính tôi cũng suýt nữa bị kỷ luật về tội khinh thường ông trực canh, chống lệnh Ban giám thị, vi phạm nội qui nhà giam! Rất may được anh trưởng buồng tốt bụng, báo cáo thằng nhỏ mới vào tối qua chưa được học nội qui trại.

Trưởng buồng B. bảo thêm hai người nắm lấy hai cánh tay tội nhân bẻ quặt ra sau lưng. Họ trói anh từ cổ tay, ép sát vào nhau, buộc chặt hết vòng này, đến vòng khác, cứ vòng nọ tiếp giáp vòng

kia đến tận khuỷu tay, lại néo thêm mấy vòng nữa. Cái xà gỗ đình quá cao, họ phải cố công kên nhau mới buộc được sợi dây thừng. Mấy người xúm nhau lại kéo rút tội nhân treo lên lơ lửng. Đau quá, con người khốn khổ ấy kêu la dữ dội. Bên ngoài có tiếng quát: “Nhét giẻ chùi đít vô cái mồm thôi hoặc của hần đi!”

Lệnh trên vừa truyền, tức thì được thi hành. Tiếng kêu la im bật. Cả trại giam lặng ngắt như nhà xác của bệnh viện, đến nỗi chỉ còn nghe tiếng muỗi bay vù vù như ong vỡ tổ. Mặc dù không khí buồng giam như cái lò vôi, lò gạch nóng hừng hực hơi người, nhưng tôi vẫn rùng mình mấy cái, cảm thấy ớn rét, xương sống lạnh buốt. Thì ra, ở đây cái tạo là thế.

Anh C. người to lớn, có lẽ nặng đến sáu bảy chục cân bị rơi xuống đánh huych! Đám người dưới đầu anh kêu la ôi ối, ngã dúm dúm đè lên nhau, mấy kẻ bị súng trán treo chân...

Trưởng buồng B. hoảng hốt, líu lưỡi: “Thưa ban trực, tên C. kéo đứt dây thừng treo rơi xuống rồi!”

Ông B. trực canh liền mắng: “Mi ngu quá! Tại con tru đặc (trâu đặc) lớn xác quá nặng, còn tay mô mà kéo. Cứ mặc kệ xác hần nằm chết trương đó, mai đem chôn! Bậy chừ tất cả ngồi im lặng nghe Ban trực đếm điểm danh trước giờ được phép đi ngủ!”

Ông ấy tay trái cầm đèn hoa kỳ, tay phải cầm quyển sổ, gọi tên từ buồng số 1 đến hết buồng 5. Tên tôi ở dưới cuối sổ. Ông ta hỏi trưởng buồng số 5: “Bay là phạm nhân Thị Mệt cả, mần rằng lại có cả tên liên ông?”

Trưởng buồng 5 ấp úng: “Dạ thưa Ban, con cũng không biết ạ!” Trực ban ra lệnh nghe tên điểm mặt từng đứa một. Không có! Ông ta nghĩ ngợi một lát, chợt nhớ ra: “À, có lẽ thằng ma quỷ ni mới cho lộn vô đây!”

Lệnh đến giờ ngủ đã ban truyền. Tất cả tù nhân rào rào nằm xuống, ai chỗ nào vào chỗ ấy. Lối kiến trúc thời xưa lòng nhà bề rộng hẹp, thường mỗi gian đình chỉ rộng độ 2m5 (trung bình), riêng gian giữa rộng nhất 3m trở lên. Gian số 1 và số 5 hẹp nhất.

Hai hàng người nằm châu đầu vào nhau, nhưng không được nằm ngửa, phải nằm nghiêng, ôm lấy nhau đằng lưng, kiểu úp thìa, đôi chân co quắp cho đủ chỗ. Vẫn còn thừa người, ở giữa phải xếp thêm một hàng nằm ngang kiểu gấp cá. Còn tôi nằm đâu? Tôi phải nằm ôm lấy nôi vệ sinh của cả buồng mà ngủ.

Anh nằm sát cạnh tôi, ôm lấy lưng tôi theo kiểu úp thìa, thì thầm:

- Mình là Vinh, quê Thọ Xuân đang học lớp 9 thì bị đấu tố, xã đánh một trận như đòn, giải lên huyện, huyện giải lên tỉnh, tỉnh tống cổ vào đây.

Tôi hỏi:

- Tội gì?

Anh Vinh đáp:

- Có kẻ tố cáo mình làm thư ký cho Hội Phật học!

Tôi lại hỏi:

- Anh vào đây bao lâu rồi?

Anh Vinh nói:

- Hơn hai tháng!

Im lặng một lúc, anh Vinh hỏi:

- Cậu thế nào?

Tôi kể tóm tắt họ tên, quê quán, đang học, xảy ra đấu tranh, can tội liên quan gia đình Phật giáo phản động, đã được tha, không hiểu tại sao lại bị bắt lên tỉnh rồi đưa vào đây.

Anh Vinh dặn:

- Xem như bọn mình không quen biết gì nhau. Trong buồng này còn có anh Bùi Đăng Duy, sinh viên Dự bị Đại học; Đoàn Phổ, tức Cao Phan, quê Nga Sơn vẽ công tử con quan lắm! Lại có cả Thi sĩ Mộng Huyền bị bắt chỉ vì họ khám thấy cuốn *Chinh phụ ngâm* bản dịch tiếng Pháp ở trong cặp, họ ngờ tài liệu của Tây!...

Nhưng thôi, cứ xem như không biết gì cả là tốt nhất. Ai hỏi cứ lắc đầu.

Lát sau anh Vinh lại nói:

- Bọn mình cùng cảnh phải biết thương nhau. Cậu nằm có khai thối không? Lúc chiều, sau bữa cơm, họ cho đi đổ nôi ỉa đái trong ngày, mình đã cố gắng thau rửa cẩn thận, nhưng đã lưu cữu, tránh sao khỏi... Cậu vừa mới vào, chắc chắn sáng sớm mai phải bung nôi đi đổ, cố gắng kỳ cọ cho kỹ, vợ cở bên bờ ao mà kỳ...

Tôi chỉ “Vâng”.

Đã bắt đầu thấy buồn ngủ, vì phải cuốc bộ suốt ngày, vào đây lại bị tra tấn cả thể xác lẫn cân não! Mệt mỏi quá rồi!

Tôi vừa thiu thiu ngủ, không biết đã chớp mắt được dăm phút chưa, đã giật mình mở choàng mắt, vì mấy tiếng rất to: “Xin báo cáo!”

Trưởng buồng nằm sát bên cánh cửa như anh ta có nhiệm vụ canh gác cái cửa, lên tiếng:

- Thưa Ban trực, có người xin phép báo cáo!

Ông trực gác ngoài hiên trả lời:

- Nói đi!

Phạm nhân nào đó ngồi bật dậy thưa:

- Thằng... đập vô đầu con, đau quá!

Ông trực gác đáp:

- Có đập vô mặt mi cũng đáng! Nằm xuống ngủ đi!

Một lát lại có phạm nhân:

- Xin báo cáo.

Ông trực gác lại quát:

- Nói!

Một người nào đó lại ngồi bật dậy:

- Dạ thưa ông trực, thằng X. đánh địt (rắm) vô mũi con!

Ông trực phiên nổi cáu:

- Hân có đánh vô môm mi mô mà mi kêu!

Lúc sau lại có ai đó kêu:

- Xin báo cáo!

Ông trực đêm không thể chịu được nữa, giơ khẩu súng trường chìa vào buồng giam:

- Cả trại nghe cho rõ đây! Từ bây chừ thằng mô mà còn cáo ví mèo nữa, cho trưởng buồng vả vô môm! Tất cả nằm im ngủ. Thằng mô ngóc đầu lên tau bắn bỏ mẹ!

Thế là cả trại im phăng phắc nhường lời cho đàn muỗi háu đói mặc sức vo ve trong ngôi đình năm gian đồ sộ.

Tôi phải thức quá khuya, bị quá giấc lâu, rất khó ngủ. Trong buồng giam đã bắt đầu vang lên bản nhạc “Thiên Thai” của tù nhân trong giấc mộng lên tiên tuyệt vời, có đủ hoà âm phối khí: *Khò khè, cò cúa, phì phò, o o, ồ ồ, khớ khớ, pho pho, khi khi...* tạm gọi là bộ bát âm, tuy hoà mà không hợp, nhưng cũng là một chút âm hưởng của nhà tù, đôi lúc lại tái hiện tâm trí tôi rõ mồn một...

Anh Vinh cũng đã ngủ. Tôi cố gắng hết sức để ngủ, dùng phương pháp đếm cổ điển một, hai, ba, bốn, năm... Đếm là biện pháp bình ổn tư tưởng, tập trung tinh thần cao độ đi vào giấc ngủ, nhưng khi tư tưởng nặng nề, tinh thần căng thẳng không được hoàn cảnh cởi mở, cuộc sống giải toả, thì yoga, hay thiền định cũng mất tác dụng. Chỉ có rèn luyện. Muốn rèn luyện phải kiên trì, nhẫn nhục.

“Chữ nhân là chữ tương vàng”. Phải gắng sức chịu đựng để được tự do. Trường hợp như anh C. buồng bên mới xảy ra là một bài học đắt giá, có lẽ mình suốt đời không thể nào quên. Tôi tự xác định cho mình để yên tâm ngủ. Sát bên cạnh tôi, anh Vinh và nhiều người khác vẫn ngáy vô tư. Tôi cũng phải vô tư như họ. Tôi nhắm mắt lại, ôm chặt lấy cái nôi vệ sinh, cố gắng quên đi tất cả. Quên... quên... quên...

- Xin báo cáo!

Ba tiếng “xin báo cáo!” đánh thức tôi dễ dàng, trong khi các bạn tù chỉ cựa mình một cách khó khăn. Ông trực gác như chợt nhớ đến việc phải cho đám phạm nhân được trở mình, liền hô to:

- Trở mình!

Các trưởng buồng luôn một tai thức, một tai ngủ, tức thì hô theo:

- Trở mình!

Liên tiếp các buồng cũng đều cất tiếng theo. Nhiều tiếng hô giọng còn lè nhè ngái ngủ. Nằm kiểu úp thìa, gấp cá, khi trở mình rất khó khăn, lộn xộn, không tránh khỏi kẻ xô người đẩy, thành ra cả trại lao xao như cảnh bến thuyền, chợ búa. Khi buồng giam vừa trở lại trật tự, liền tới tấp vang lên tiếng thưa bẩm gần xa.

- Báo cáo...

- Nói! Trưởng buồng bảo.

- Con xin đi tiểu tiện.

Trưởng buồng nhắc lại:

- Báo cáo! Tên Cột xin đi tiểu tiện!

Ông trực ban lệnh cho phép ngắn gọn:

- Đi!

Tiểu tiện xong, Cột trở về chỗ cũng phải báo cáo:

- Con đã về chỗ!

Trưởng buồng báo cáo với Ban trực:

- Tên Cột đã về chỗ!

Ông trực canh ban lệnh vắn tắt:

- Được!

Tuy nhiên hàng trăm con người đâu dễ cứ lần lượt kẻ trước người sau, mà chỗ này báo cáo, nơi kia báo cáo, lung tung lộn xộn cả lên, không biết thế nào mà lần. Ông Trực ban phát huy sáng kiến, thổi hồi còi dài ra hiệu tất cả im lặng nghe lệnh. Gần 400

con người đều không dám ho một tiếng nhỏ. Tôi buồn đi tiểu cũng cố nén chịu, mặc dù đang ôm cái nôi vệ sinh nằm co quắp. Anh Vinh một tay ôm bụng, một tay chỉ qua vai tôi vào nơi giải thoát, về quần quai...

Ngoài hiên, tiếng ông Trục ban ồm ồm từ cái loa phóng thanh sắt tây gò thủ công phát ra vẫn không kém phần đồng dục:

- Từ nay, buồng giam nào cũng phải có người đứng trực gác, chia phiên cắt lượt theo trưởng buồng. Ai muốn đi tiểu tiện báo cáo với trưởng buồng, để trưởng buồng đồng ý là được. Mỗi phiên gác một giờ đồng hồ theo hiệu lệnh còi Ban trực. Khi đổi phiên đếm tù nhân cẩn thận, tên đổi phiên nhận đủ số tù nhân thì báo cáo với Ban trực. Sớm mai điểm danh, nếu thấy thiếu đứa nào, cứ tróc cổ tên gác cuối cùng!

Trưởng buồng số 1 xin phép báo cáo:

- Dạ thưa, còn đi đại tiện thế nào ạ?

Ông Trục ban dằng chừng một mõi:

- Ban ngày đã được cho đi rồi, ban đêm còn đòi đi nữa, ăn cho nhiều, uống cho lắm vô! Hết đại đến ỉa, rõ khổ!

Trưởng buồng đánh bạo thưa:

- Dạ, trong ni nhiều tên mắc bệnh táo kiết, ngày đêm đi không biết mấy lần!

Ông Trục ban phát câu:

- Thì cho đại với ỉa luôn một thể! Thằng ni rằng không biết linh động mà giải quyết? Đồ ngu như lợn!

Ông Trục ban thổi một hồi còi dài để kết thúc bài huấn thị quan trọng.

Tiếng còi vừa dứt lại rộ lên tiếng “Báo cáo”. Dẫu vẫn ồn ào nhưng không đến nỗi lộn xộn như lúc đầu, vì việc buồng nào trưởng buồng ấy chịu trách nhiệm. Họ bị thúc giục phải “đi” cho nhanh, nên đại toé cả ra ngoài. Có anh mắt nhắm mắt mở cứ rớt tồ tồ xuống người tôi, cả đầu tôi. Anh Vinh nhắc nhỏ:

- Đái bậy lên đầu người ta rồi!

Người ấy chẳng những không biết lỗi còn quặc lại:

- Đầu mi có bằng đầu c. tao không? Mà tao còn ỉa lên đầu bay cả lượt kia!

Tôi muốn cởi áo lau đầu. Anh Vinh can:

- Vô ích. Để trưa mai được đi tắm rồi thay giặt luôn thể. Thôi, cố ngủ đi, ngủ được là quên tất!

Đúng, ngủ được thì quên hết! Nhưng đã thức dậy nửa chừng, đâu dễ ngủ lại.

Tôi nhớ lời ông cán bộ đeo xà cọt nói lúc tối: “Các anh... không phải là tù chính trị...”

Tôi đọc sách báo cách mạng thấy hình ảnh người cộng sản đẹp lắm, dù ở đâu cũng vậy, ở ngoài đời hay trong lao tù... Rồi tôi cũng ngủ thiếp đi, ngủ mê như chết, không còn biết trời đất gì nữa, dĩ nhiên cũng chẳng còn biết những ai vệ sinh lên đầu lên người tôi nữa, dù bị tắm từ đầu đến chân!

*

Sáng sớm hôm sau, đúng 6 giờ, ba hồi còi rúc vang rền, tôi giật mình thức giấc, ngồi nhồm dậy. Đầu tóc quần áo tôi ướt đầm đìa, mùi khai thối nồng nặc đến phát lộn mửa! Nhìn vào nồi vệ sinh thấy nước tiểu đầy phè, phân nổi lênh phênh bắt đầu tràn ra ngoài!

Một hồi còi dài rúc lên... Ban trực điểm danh từng tên một. May quá không thiếu ai. Nếu thiếu người, thứ nhất trưởng buồng, thứ hai tên đứng gác, thứ ba kẻ nằm bên cạnh đều phải chịu trách nhiệm.

Anh Vinh thì thăm kẻ trộm: Đã có lần thằng Vũ Văn Văn, quê Hoàng Hoá, đi dân công chiến dịch, bỏ lại gánh gạo trong rừng, đào ngũ về nhà, bị tóm cổ đưa ra đấu tranh chính trị, đánh đòn

nhừ tử, hỏi: “Ai xui mi bỏ dân công đào ngẫu?”. Văn đau quá, khai báo lung tung, bị xã kết tội phản động, là tay sai Tuệ Quang- Tuệ Chiếu, thế là họ đem tống cổ vào đây!

Anh Vinh nói: “Mình không biết rõ hai tên ấy là ai. Là hai hay chỉ là một. Cũng bị kết tội tay sai! Không cãi được!”

Tôi khẽ lắc đầu:

- Đó là hai người cầm đầu vụ án. Tôi có hơi biết vì thầy tôi liên can nặng lắm!

Chúng tôi ở tít trong cùng gian đình, cái xó xỉnh tối tăm, khai thối, không mấy ai thèm để ý, nên dễ thâm thì to nhỏ với nhau...

Điểm danh xong, lại một hồi còi vang lên báo giờ đổ nôi. Từ lúc điểm danh, mọi tù nhân đều ngồi suốt lượt, không ai được phép nằm, kể cả người mệt nhọc. Nếu kẻ nào bị đau ốm nặng, Ban trực cho xuống buồng bệnh. Đó là ba gian nhà gạch thấp nhỏ, chung quanh cũng rào tre gai kín mít, phía trước sân đình, có lẽ nó vốn là cổng nghi môn, và đình này vừa thờ thần vừa hội họp. Chính Vũ Văn Văn trốn trại tại nơi này trong đêm tối. Còi rúc liên hồi. Chân chạy hối hả. Súng nổ đùng đoàng. Gần xa náo động. Không biết nó trốn ở đâu mà tài thế? Trên hiên trại giam, ba anh bộ đội đi đi lại lại, ngón tay đặt sẵn vào cò súng, tù nhân nằm im la liệt như bãi xác chết. Không báo cáo báo mèo, ỉa đái chi hết, cứ thế cho đến sáng!

Anh Vinh báo cáo trưởng buồng là cái nôi đầy phè khó bùng nổ, sẽ bị trắc hết ra ngoài. Trưởng buồng báo cáo Ban trực cho phép hai thằng khiêng. Ban trực gật đầu: Được! Trưởng buồng được phép, bảo tôi và anh Vinh cùng khiêng, hễ đánh trắc ra nền đình giọt nào thì lấy áo lau sạch ngay giọt ấy!

Ôi! Cái nôi vòm cỡ đại, hai chúng tôi xúm tay khiêng, cố gắng hết sức căng bắp, lên gân, nín thở như lực sĩ cử tạ, nhích dần từng bước... Anh em bạn tù bịt mũi bùng mồm, mặt nhăn tít, xô dạt nhau ra một phía nhường lối giáp tường hồi cho chúng tôi đi. Phải

qua sân đình ra đến cổng nách chúng tôi mới đặt tạm nồi vệ sinh xuống vệ đường thở phào...

Nhưng vừa thở được vài cái, báng súng đã thúc vào hông! Biết thân phận lao tù phải chịu kiếp khổ sai, anh Vinh bảo tôi:

- Cố lên em! Sắp đến cái ao đằng kia... Nào!"

Ì à ì ạch như khiêng đá leo dốc lên núi, chúng tôi nhích từng bước từng bước mãi rồi cũng đến bờ ao liền đổ ào ào trút cái của tội của nợ để làm mới cho lũ cá, mới dám thật sự thở phào, nhẹ hẫng cả người. Nhưng cũng hết sức mệt mỏi, hai cánh tay tôi đau nhừ.

Tôi xin phép tắm giặt. Anh Vinh nói thêm:

- Đêm qua nó bị đá nhằm vào đầu, quần áo cũng bị ướt đầm đìa!"

Ông bộ đội đứng gác ở chỗ cách chừng 15m, gật đầu và xoe bàn tay năm ngón giờ lên ý nói thời gian cho phép năm phút thôi!

Anh Vinh ngồi trên bờ ao kỳ cọ cái nồi vệ sinh. Tôi cũng lập tức lội xuống ngay cái ao duy nhất ấy, ra giữa ao và hối hả tắm gội, giặt giũ. Ông gác xem đồng hồ đeo tay. Cái đồng hồ chạy như ngựa phi nước đại, loáng cái đã hết năm phút! Tôi mặc quần lót, dầm nước ao chảy ròng ròng bò lên bờ. Anh Vinh lột quần lót của anh cho tôi mượn, còn anh mặc quần dài không. Anh chỉ cho tôi cái hàng bờ rào xương rồng gần đó để phơi quần áo. Tôi đành trở về trại với chiếc quần cộc, thân hình bày ra mấy khúc tre khô gầy guộc bọc trong lớp da đen thui và đầu tóc còn ướt đầm.

Anh Vinh tốt quá, xách giúp tôi cả cái nồi vòm nặng trĩu, đã cọ rửa cẩn thận, mặc dù còn hơi hám. Cái khổ người ta chịu mãi cũng quen!

Sau đổ nồi đến việc toàn trại đi nhà xí! Chúng tôi tập trung cả ngoài sân đình, tù nhân buông nào đứng riêng buồng ấy. Mỗi Trưởng buồng được phát hai cuộn dây thừng trói người buông mình vào cánh tay thành một dây dài để dắt đi.

Trưởng buồng đi trước, quán đầu dây vào cổ tay mình. Một ông bộ đội đeo súng trường theo gác đằng sau. Gần 400 con người già trẻ, trai gái, chia năm đoàn rồng rắn lôi kéo nhau vừa đi vừa chạy nhanh như đi ăn cướp, sợ chậm chân thì hết phần!

Trên bãi tha ma rộng mênh mông, năm cái hố xí dài, trên mái lợp sơ sài mấy tấm tranh cỏ sậy rừng. Trưởng buồng phải nhớ nhà xí của buồng mình, tránh nhầm lẫn sinh tranh giành, xô đẩy lẫn cả xuống hố như đã có vài lần xảy ra.

Thời gian đi vệ sinh hạn định tối đa 15 phút. Ai không mót cũng phải cố rặn, một là cho kịp thì giờ, hai là khi về buồng, tuyệt đối không được cáo mèo lôi thôi, trừ tên mắc bệnh kiết, có Trưởng buồng chứng thực. Để đảm bảo “vệ sinh” mà!

Thật không ngờ tôi lại gặp ông Ha ở đây. Cái ông mà ông Toà án Huyện gọi là một con khỉ đột, mặt mày ngấn ngùn, mũi hếch, da nhẵn tít, đen đúa như hòn than, chỉ được cái tính thông minh, láu lỉnh, nhanh mồm nhanh mép! Ông làm thầy chùa làng Ao cùng xã (xã cũ, nay là Quảng Hợp, bên cạnh Quảng Hoà xã tôi). Ông Ha xin phép đi nôi, vì ông đã được Trưởng buồng chứng thực bị bệnh kiết lỵ kinh niên, không phải cách ly xuống buồng bệnh.

Ông Ha đến ngồi xuống nôi vòm sát sau lưng tôi, vừa rên đau vừa hỏi chuyện tôi:

- Thằng bên mi có tốt không?
- Tốt lắm!
- Mần răng mi phải vô đây?
- Tôi không biết!
- Thày mi có về tìm súng đạn không?
- Có về. Nhưng không thấy có chi.
- Tau biết mà. Mần chi có. Khai lão cả. Toàn chuyện bịa đặt!
- Ông có khai không?
- Thằng mô cũng như thằng mô. Đau quá, khổ quá không chịu nôi!

- Có đảng Liên tôn... không?

- Liên tôn cái con buồi!

Ông Ha ngừng một lát để kêu rên ử ử, tay bóp bụng, mặt nhăn như khi... trông thật thảm hại! Rồi ông Ha lại tiếp tục câu chuyện:

- Nhưng mà cũng sắp kết thúc rồi. Chờ làm án xong, toà đem ra xử là xong!

- Liệu ông có việc gì không?

- Tau à? Năm thằng có tóc, ai nắm chi đũa trọc đầu? Mi coi đầu tau lúc mô cũng trọc lóc! Toà xử xong là tau về!

Tôi chợt nhớ câu trẻ con hay hát “Đầu trọc như củ bình vôi...” và bật phì cười, may hăm kịp chỉ có tiếng “hì”! Ông Hà nói:

- Tau biết rồi! Mư mô thằng Lờ, thằng Khai muốn nhổ cỏ nhà mi phải nhổ cả rễ! Xã tao ở đây còn có con Thuý cháu gái Nguyễn Đức Kinh, giàu nhất làng Cồn. Phải giam tù mà hấn còn đẹp như tiên giáng trần. Thằng Cầu trưởng buồng 4 phải lòng nó. Cầu là con trai đại điền chủ Nguyễn Hữu Ngọc, Đại biểu Quốc hội bị xử bắn đầu tiên ở tỉnh ta. Nhà con Thuý chạy trốn vô Nam hết. Còn ông nội và nó thế nào mà không trốn được phải gánh tội. Hôm đi lấy gạo, đêm bị trời mưa, phải trú trong cái ghé. Lợi dụng lúc đêm tối, thằng Cầu ôm con Thuý làm mưa làm gió một trận tới bời... Sáng ra, thằng Cầu vẫn khoẻ như vâm, vác cả gạo cho con Thuý!

- Ông đã biết sắp đem xử Tuệ Chiếu thì có biết ông ấy can tội chi không?

- À! Cái tội không tán thành “Đảng trị”!

- Đảng trị” là gì?

- Đảng là Đảng mà trị là trị!

Tôi chưa kịp hỏi thêm điều muốn hỏi, thì có tiếng Trưởng buồng gọi:

- Tên Ha rằng đi lâu rứa?

Ha vội vàng xắn quần đứng lên, vận một cái là xong, động tác rất thành thạo:

- Dạ, con... thưa Trưởng buồng, em xong ngay đây ạ!

Đến giờ phát cơm trưa, mỗi tù nhân một nắm không thể gọi là to và một nhúm muối trắng. Ít người có bát, phần nhiều cầm nắm cơm trên tay, bẻ ra ăn dần và chấm với muối trắng đựng trên mảnh lá đa khô do trại phát. Bụng tôi mặc dù đói cồn đói cào, cố gắng lắm cũng chỉ ăn hết nửa nắm cơm, còn nửa nắm cho anh Vinh. Anh ăn cơm tù đã quen nên xơi ngon cả nắm cơm. Anh Vinh chưa kịp ăn thêm đã thấy ông Ha mò lại tọt ngay quần ngồi xuống miêng nôi, hỏi nhỏ tôi:

- Cơm mi ăn chắc không thể hết, còn lại ở mô rồi?

Anh Vinh đưa cả nắm cơm của tôi cho ông Ha. Ông đón ngay lấy, xoay mặt úp vào tường, một tay ôm bụng, một tay cầm nắm cơm vừa rên hừ hừ vừa nhai nhồm nhoàm...

Sau bữa cơm sáng, từ 12 giờ đến 1 giờ chiều, tù nhân được phép ngủ trưa 60 phút. Tất cả lại phải ngồi im lặng bên nhau, có miệng như câm, không được hé răng nói với nhau nửa lời!

Năm giờ chiều, Ban trực rúc còi cho phép đi đổ nôi. Ban ngày ít hơn ban đêm, chỉ có chừng nửa nôi, một mình tôi có thể bưng bê đi được. Anh Vinh nhắc tôi nhớ lấy quần áo. Đổ nôi xong đến giờ phát cơm chiều. Vẫn như bữa trưa. Theo lời anh Vinh, đến chủ nhật mới đổi bữa: Mỗi người một suất rau muống độ mười ngọn già, luộc đầy hơi khói thơm sì, dai ngoách và một quả chuối tiêu to bằng ngón chân cái. Anh em trong này ăn cả vỏ, nhiều người khỏi bệnh kiết nhờ cách ăn của kẻ ăn mày ăn mót này.

Bụng tôi đói veo đói vắt, cứ ào ào sôi từng cơn một, nhưng cầm nắm cơm với nhúm muối trắng lại thấy đắng chát trong cổ họng, lòng càng xót xa cay đắng. Rồi cũng phải ăn, không ăn chết đói ai thương tôi? Chỉ có mẹ tôi thương tôi nhất và đang đổ mắt mong chờ con, đứa con độc nhất của bà.

Anh Vinh bảo tôi:

- Thôi ăn đi, nghĩ ngợi mà làm gì? Chúng ta phải sống chứ!

Tôi vâng, tay trái gạt nước mắt, tay phải cầm lấy nắm cơm. Đang lúc sắp bẻ nắm cơm, bỗng thấy có tiếng gọi tên tôi ngoài hè. Cánh cửa buồng mở, một khuôn mặt lộ vào, sau khi nghe tiếng dạ to của tôi. Tôi nhận ra ông cán bộ trực văn phòng Tòa án tỉnh. Ông bảo tôi mang theo tư trang ra ngoài.

Tôi mừng quýnh, nhưng lại ngờ tai mình nghe lầm, đứng sững người. Ông cán bộ văn phòng vẫy tay về phía tôi. Anh Vinh cầm bộ quần áo mới giặt của tôi và đẩy nhẹ tôi một cái: “Đi đi!”. Tôi liền ném nắm cơm vào lòng anh Vinh, cùng cái quần lót của tôi chưa kịp thay để trả lại quần anh tôi mượn hồi sáng. Tôi cố len bước qua các bạn tù, khôn xiết cảm động, không nói nổi lời chào từ biệt.

Ông cán bộ văn phòng dẫn tôi đến một nhà dân và căn dặn: Cấp trên cho tại ngoại, không được bỏ trốn về nhà hay đi đâu xa, để có lúc các ông ấy cần gọi đến phải có mặt ngay! Rồi ông cán bộ gọi một người chừng hơn 30 tuổi: “Tên này là Hoàng Tuấn Phổ tại ngoại ở đây với các anh. Các anh có năm người, thêm tên này là sáu. Từ mai đến nhà bếp lĩnh thêm một suất ăn. Nếu thấy hắn đi đâu vắng phải báo cáo ngay với cán bộ”.

Tôi biết mình chưa được tha, lòng cảm thấy buồn thiu, nhưng lại nghĩ thế này cũng sướng gấp vạn lần cái nhà giam tù nhân hay phạm nhân kia! Tuy vậy, vốn tính cả nghĩ, hay lo xa, tôi nghĩ, tôi lo biết đâu có ngày mình lại trở lại...

Tôi không dám nghĩ tiếp nữa. Chợt nhớ lời ông Ha, vụ án Liên tôn do Tuệ Quang, Tuệ Chiêu cầm đầu sắp kết thúc, ông Ha sẽ được tha, hướng chỉ kẻ chưa ráo máu đầu như mình... Tôi tạm yên tâm. Vâng, tất cả đều tạm thời, ở đời có gì mãi mãi được đâu! “Chữ nhẫn là chữ tương vàng”, đã biết là “tạm” thì phải “nhẫn”, phải chịu đựng để vượt qua vạn trùng ba của bể khổ!

Mở đầu hồi ký này, tôi đã viết:

“Năm 1953 đói vừa

Năm 1954 đói lắm...”

Từ năm 1955 thế nào? Năm 1955 bắt đầu có người chết đói! Năm 1956 số người chết đói tăng thêm, tăng thêm mãi... Kẻ xấu số không thuộc dân nghèo mà ngược đời, lại là địa chủ, phú nông... Chính họ bị cái đói đuổi ra khỏi làng để tha phương cầu thực, nói toạc móng giò, để đi ăn xin, ăn mày, đúng như lời dân gian xưa đã có câu:

Ăn mày là ai/Ăn mày là ta/Đói cơm rách áo hoá ra ăn mày!

Năm 1954 gia đình tôi đói lắm. Nhà thêm miệng ăn. Bố tôi sau Hiệp định Đình chiến Geneve được tha tù trước thời hạn. Từ năm 1953, anh Nậu đã lấy vợ ra ở riêng, nhà là cái bếp cũ nhà địa chủ. Anh phải đổi họ Hoàng sang họ Lê, nhưng chỉ là mượn tạm danh họ Lê, còn anh vốn họ gì anh cũng không biết. Anh Nậu không thuộc Lê nào. Nhưng anh được hưởng quyền lợi thành phần bị bóc lột. Dĩ nhiên, địa phương hoan nghênh anh, vì anh là người bị bóc lột, chứng minh kẻ bóc lột không ai khác ngoài bố mẹ tôi đã nuôi anh làm con nuôi từ nhỏ.

Bố tôi không biết làm gì ngoài hai nghề phù thủy, lang y và giao du. Con bão tố đấu tranh chính trị đã cuốn đổ cả nghề miếu, chùa chiền; đến thánh, tiên, Phật cũng tượng gãy, bia tan, hồn xiêu phách lạc! Hỏi ai còn dám cúng lễ, dám mê tín dị đoan? Còn nghề thầy thuốc? Hình như tạo hoá có lòng nhân, đã bắt đói thì không bắt ốm. Cả làng, cả xã không thấy ai kêu đau ốm!

Cho dù có ai lở đau bụng nhức đầu cũng chẳng ai dám gặp mặt hỏi thuốc bố tôi. Gia đình tôi như nhà mắc bệnh truyền nhiễm phong hủi, ho lao... cả hai thứ đều thuộc “tứ chứng nan y” (phong, lao, cổ, lại) thời trước. Đáng tiếc, gia đình tôi có môn thuốc phong đơn thấp khớp thần hiệu. Thời gian bố tôi bị tù giam học thêm được nghề bắt mạch và châm cứu tinh diệu của Lương y Lê Trần

Đức. Ra tù, cụ Đức được Hội Đông y Việt Nam mời về công tác ở Trung ương Hội. Cụ viết bài nghiên cứu đăng trên Tạp chí Đông Y, dịch sách thuốc, biên soạn các tác phẩm: “Cuộc đời và sự nghiệp đại y sư Tuệ Tĩnh”, “Y phương ca quát”...

Mẹ tôi lẩn quẩn với vài ba sao ruộng còi, những thửa tốt nhường cả cho anh Nậu. Không làm thì đói, làm thì chọi xương hom! Mẹ tôi phải về bên ngoại mượn bò cày bừa, còn đám nào thì cuốc rồi dẫm theo lối canh tác nguyên thủy. Bố tôi cũng phải tham gia cuộc góc, dẫm cỏ. Còn tôi? Tôi giúp mẹ xé bẹ kè để mẹ tôi chấp thùng buổi tối. Được dẫm đôi thùng kè, loại thùng này bền tốt lắm, tha hồ ngâm bún nước khi cày bừa, mẹ tôi đem chợ bán. Nhưng chẳng khác nào câu thơ Nguyễn Khuyến: *Mấy năm làm ruộng vẫn chân thua/Chiêm mất đàng chiêm, mùa mất đàng mùa.*

Mùa màng bạch lạng, thóc cao gạo kém, không ai mua thùng làm gì, người ta có cần thất cổ đâu!? Biết làm gì để sống đây? Tôi mang chiếc đòn gánh tre, đôi giăng nứa, thử xuống chợ Hội xem có ai cần gánh thuê.

Chợ Hội đông người, cách nhà tôi 6km, không mấy ai quen biết tôi con cái gia đình thành phần phú nông địa chủ phản động, chắc họ sẽ không thù ghét. Nhưng từ sáng tới trưa, chẳng ai thuê mướn gì! Có lẽ người ta thấy cái thân hình thấp nhỏ, còm nhom như tôi thì gánh vác nổi gì! Vả chăng, bản thân họ cũng đang phải cõng cái nghèo trên lưng, chưa biết san sẻ cho ai. Giá như tôi có thể gánh đỡ bớt cái nghèo cho họ thì họ cũng thuê tôi thật! “Chợ Hội lắm lươn, chợ Trường lắm cáy”. Nay thì đổi chác, chợ Hội nhiều hàng cáy, cũng lắm còi lác. Thứ vật liệu để dệt chiếu này, nhiều người mua nhưng không ai mua nhiều, bởi họ vốn ít.

Chợ búa nào cũng vậy, hàng quà bánh tấp nập nhất. “No đất bói, đói đất quà”. Các thầy bói đã phải học tập, cải tạo rồi. Chỉ còn hàng quà, không bị dẹp bỏ nên tự do phát triển: Bánh đúc, bánh tà, bánh dẻo (bánh cuốn), bánh lá, bánh xèo, bánh sắn, bánh hủ,

bánh nếp, bánh khoai, bánh trắng,... Những ai tiêu thụ cho hết? Đó là dân có tiền bán hàng: bán cây, bán cá, bán lác, bán chiếu, bán đay, bán muối, bán cà, bán đỗ, bán vừng,... toàn dân lao động đầu tắt mặt tối cả, chẳng qua bớt chút, đỡ cơn đói lòng! Hạng người kiếm ăn không lương thiện cũng chẳng hiếm...

Vụ đói năm Ất Dậu (1945) tôi theo mẹ đi chợ Nguyễn thấy thiên hạ bán ê hề đủ thứ, bày la liệt dưới đất, từ bát đĩa, ấm chén, đến bàn thờ, bát hương, ngai ỷ,... Người bán chào khách mỗi miệng, người xem thì nhiều, phần đông chỉ lắc đầu. Bố tôi kể chuyện chợ Nguyễn còn bán cả sắc phong, cờ, biển vua ban. Ai giàu ba họ, ai khó ba đời! Cho nên, trên tờ trích lục thời Tây có ghi câu chữ Nho: “Nhất điền thiên vạn chủ” do chính tay ông viết (không phải tất cả), vì thời ấy ông làm Thư ký đặc điền, Sở địa chính Thanh Hoá, nên được gọi là Ký Thuý, tức Thuý, tên huý bố tôi.

Cái biển vua ban đem bán ở chợ Nguyễn là của nhà họ Trương xã Thiên Linh (nay thuộc xã Quảng Yên, cạnh xã tôi). Hai chú cháu Trương Hữu Hiệu, Trương Hữu Thiệu cùng đỗ Tiến sĩ thời Lê Trung hưng, cùng nối tiếp nhau giữ chức Đốc đồng Sơn Nam. Hai cái biển này ghi đôi liễn đối: “Tam giáp đồng tiến sĩ- Nhất môn lưỡng tướng công”, không phải vua ban, mà do người ta đề tặng. Nhà họ Trương giữ mãi đến năm Ất Dậu phải mang ra chợ bán vì gia đình đói quá không còn gì quý giá hơn để bán! Buồn thay! Chẳng có một ai mua cả. Và có lẽ nếu cho không cũng chẳng ai chịu khó lấy hộ về chơi cái đồ “tiến sĩ”, “đốc đồng” ấy ở thời Tây Tàu nhộn nhạo này!

Tết năm Ất Mùi (1955) là bốn cái Tết Nguyên đán gia đình tôi không có Tết. Bàn thờ tổ tiên, ông bà ông vải cũng hương tàn khói lạnh! Gia đình tôi là tộc trưởng họ Hoàng, nhưng đã lâu, không con cháu nội ngoại nào dám qua cúng giỗ làm Tết, vì sợ mắc tội “liên quan phản động”! Đúng như lời các cụ “Trưởng bại ông vải hừ”!

Lại nghe tin Thanh Hoá sắp sửa cải cách ruộng đất! Nhà mình đã trải qua cuộc đấu tranh chính trị kinh thiên động địa, nay đến Cải cách ruộng đất, nghe nói còn lỗ đất long trời hơn. Cha mẹ, ông bà cùng các cụ liệu có trụ nổi?

Không có thống kê chính xác về cuộc đấu tranh chính trị, nhưng chú tôi bị tù ở Nghệ An, nghe bạn tù Thanh- Nghệ- Tĩnh kể chuyện thì hàng vạn người bị đấu tố, hàng nghìn người bị bắt giam, hàng trăm người bị đưa ra toà xử án. Còn các gia đình liên quan nhiều không biết bao nhiêu mà kể!

Hôm xử án, Toà án tỉnh dựng một cái chòi cao, trên đó nhốt hai tên nguy hiểm nhất cầm đầu đảng phản động “Liên tôn diệt cộng” là Hoà thượng Tuệ Chiếu, Sư ông Tuệ Quang. Khi thẩm án, Toà hỏi thủ phạm Tuệ Chiếu, tông phạm Tuệ Quang. Án Tuệ Chiếu xử “tử hình”, án Tuệ Quang “hai mươi năm tù” hay “chung thân” gì đó.

Bạn tù có người kể lại: “Vụ án này Phật giáo bị mất một cái đầu, thế mà Công giáo thì không, sao gọi là “liên tôn”? Hỏi Phật giáo “liên” với ai? Chủ trương “độc lập tự do” mà tôi không tán thành “đảng trị” lại bị bắt tội tử hình thì còn “độc lập tự do” hay không?” Những điều này là nghe sau đó truyền lại, chứ lúc ấy nhân dân đông ngàn ngạt, đèn đuốc như sao sa, có ai hiểu sự thể thế nào.

.....

Bố mẹ tôi kể: Chú Thuyết tôi trong quê yếu lắm rồi, có lẽ cũng chết vì ốm nặng, không có tiền mua thuốc, tiền bán bò tiêu hết từ lâu. Nhà không được cứu tế gạo nên đến miếng cháo cũng không, mà củ chuối với cám không ăn được! Trong nhà còn nửa chum thóc, thím tôi bảo phải để dành, lỡ chết còn có bát gạo nấu cơm nhờ người ta đào huyệt! Chú tôi cùng can vụ án với bố tôi, nhưng tội nặng hơn, bị xử tám năm tù. Tất cả xuất phát từ vụ án mơ hồ có tên “Liên tôn chống (hay diệt?) Cộng” do Tuệ Quang – Tuệ Chiếu cầm đầu. Trong đấu tranh chính trị “phá án”, chú tôi bị bắt

giam ở vùng thượng du nước độc Nghệ An nên mắc bệnh sốt rét ngã nước, khi được thả về thì đã thân tàn ma dại...

Rồi xã Thanh Long rục rịch cải cách ruộng đất. Trong dân một số người dư luận: Nhà ông Phổ trong Thanh chắc phải giàu có lắm, nếu không, con cái không thể được học hành. Họ nói thế là dựa vào tình hình thực tế địa phương mình. Bố tôi linh cảm thấy mình khó yên ổn, bảo mẹ tôi: “Chạy trời không khỏi nắng, ta nên trở về Thanh Hóa, có chết cũng còn có ông bà, tổ tiên!”

Bắt đầu cải cách ruộng đất, đường sá canh gác nghiêm ngặt đề phòng địa chủ chạy trốn. Đi đâu phải có giấy tờ tùy thân, nếu không sẽ bị bắt. Bác Biển chơi thân với ông Cự chủ tịch xã cấp cho bố mẹ tôi cái giấy chứng nhận ông bà về thăm quê cũ, nay trở về nơi trú quán. Hai ông bà nhờ có lương thực và mười đồng bạc mang theo, dọc đường đi khỏi bị đói khát, nhưng cũng phải mất hơn một tuần mới về đến nhà.

Đầu năm 1956, đội cải cách ruộng đất về xã Thanh Long. Họ chọn nhà bác Tống làm nơi đóng trụ sở. Gia đình bác Tiên Vội Hoàng Xuân Tống lập tức bị đuổi khỏi nhà đầu tiên. Với 80 mẫu ruộng, bác Tống thừa tiêu chuẩn đại địa chủ để Tòa án Nhân dân đặc biệt xử tử hình! Người ta không cần biết thành tích kháng chiến của bác Tống ra sao. Lúc này Đội cần một đại địa chủ chứ không cần người hoạt động cách mạng. Có người còn bảo Hoàng Xuân Tống trước đây vào Thanh để hoạt động gián điệp.

Bác Tống bị trói cổ giam lại. Bác bà bị khảo tra tiền của cất giấu ở đâu, vì khổ nhục, uất ức đành thắt cổ chết cho thoát kiếp. Bà hai, cô Phúc, cô Nhẫn không rõ chạy trốn nơi nào. Chị con dâu vợ anh Quán về nhà cha mẹ đẻ bên làng Châu Xá thuộc thành phần trung nông lớp dưới. Nhà bác Giao, Đội tịch thu chia cho bản cố nông, còn gia đình bị đuổi đi đâu tôi cũng không biết. Bác Biển được xem là địa chủ kháng chiến, chỉ bị tịch thu ruộng đất, con trâu và một ít đồ đạc. Ông Cự chủ tịch xã bị cách chức, tra xét về tội tham gia tổ chức Quốc dân đảng, không biết theo căn cứ nào.

*

Đoàn uỷ Cải cách Hưng Yên cho cụm mấy xã Thanh Long, Trai Trang, Hưng Đạo, Liêu Xá mở Toà án Nhân dân đặc biệt tử hình, bắn thí điểm Cai tổng Quỳnh để rút kinh nghiệm.

Nhân dân mấy xã kéo đi đông nghịt. Tôi cũng đi để chứng tỏ mình cũng “hưởng ứng” Cải cách như ai. Chỉ theo người ta đi, tôi không rõ địa điểm mở phiên toà. Đêm tối, đèn đuốc sáng rực trời. Đông người lắm lời nhiều tiếng, cứ ầm ì chuyển động như sóng biển. Chợt nghe tiếng hô “Đả đảo Cai tổng Quỳnh”. Cả biển người lập tức vang dậy: “Đả đảo! Đả đảo! Đả đảo!”

Người ta trói Cai tổng Nguyễn Hữu Quỳnh lôi đi. Ông ấy không bước nổi. Chẳng hiểu vì bị giam cầm hành hạ hay bởi quá sợ hãi. Mắt ông bị bịt kín. Miệng ông bị tống đầy giấy rách, sợi xơ vải toè cả ra quanh mồm.

Cai tổng Quỳnh bị trói nghiêng, hai tay hai chân căng ra hai cái cọc dài chôn đứng, khoảng cách độ vài mét. Đội du kích dàn hàng ngang, súng trường trong tay ngắm vào mục tiêu. Anh đội trưởng đồng dục hô to: “Hai, ba,... Bắn!” Mười nòng súng trường mười viên đạn bay ra toé lửa giữa rừng đuốc sáng như sao sa. Tôi bị biển người chen lấn, xô đẩy, rồi tiến mãi vào gần chỗ Cai tổng Quỳnh đền tội. Tội gì? Chỉ cần nghe hai tiếng “Cai tổng” đủ biết! Cai tổng tất phải cường hào gian ác. Đã cường hào gian ác là có nợ máu với nông dân, mà có nợ máu với nhân dân phải trả bằng máu! Cái lý nó đi như thế.

Không cần hỏi, không cần biết cụ thể tội ác của Cai tổng Quỳnh. Mà có hỏi cũng biết được. Đại loại những chuyện như nó cho người ở đợ ăn cháo chim bồ câu vật không hết lông để sinh bệnh ho lao mà chết v.v...

Tôi theo dòng người đến gần chỗ thi hành án. Sau loạt súng nổ vang trời, thân hình Cai tổng Quỳnh bị văng dần xuống. Có lẽ ông

chết không kịp ngáp! Thiên hạ reo hò vang trời. Còn tôi, tôi sợ chết khiếp, chân tay run lẩy bẩy, suýt bị dẫm đè chết bẹp trong đám người đông như kiến cỏ...

Đêm hôm ấy tôi không ngủ nổi, trong khi cả làng cả xã đèn đuốc đổ ra đi tìm bác Tống. Bởi chính giữa lúc súng nổ vang trời, bác Tống lừa dịp canh phòng sơ hở, tự cởi được thùng trói chạy trốn, hy vọng thoát khỏi những họng súng trường đang nhắm vào Tiên Vội Hoàng Xuân Tống, tiếp sau Cai tổng Nguyễn Hữu Quýnh!

Cả làng cả xã, bốn thôn Nhân Lý, Châu Xá, Thượng Tài, Long Vỹ cùng đốt đuốc đi tìm bắt Hoàng Xuân Tống. Họ đoán phạm nhân lợi tắt cánh đồng Nhân Lý qua đồng Liêu Xá lên đường Năm chạy vào Thanh Hoá hoặc ra Hà Nội. Trong Thanh là nơi Tiên Vội từng “hoạt động gián điệp”, còn Hà Nội là nơi có nhà quen chỗ con trai là Hoàng Xuân Quán trọ học, và nghe nói Tiên Vội còn có một cửa hàng tạp hoá nhỏ ở Hà Thành. Nhưng bác Tiên Vội bật vô âm tín, một đi không trở lại từ đêm hôm ấy.

Sau Cải cách sửa sai, chủ nhà anh Quán trọ học mới tình cờ thấy một mẫu giấy nhét vào bản lề cánh cửa, dòng chữ viết nguệch ngoạc: “Đừng tìm tôi mất công. Hôm nay là ngày giỗ tôi!” Có lẽ bác đã nhảy xuống sông Hồng tự vẫn?

Bởi họ Hoàng làng Nhân Lý có những ba địa chủ, trong số này đại địa chủ Tiên Vội đã trốn thoát. Bản thân tôi, quần chúng dư luận là con địa chủ trong Thanh, nên Đội cải cách xã không cho ở nhà thờ nữa, bắt về giam lỏng tại cái nhà bếp cũ của bác Tiên Vội vốn để cho người làm thuê tạm trú.

Tôi bị Đội giam lỏng trong căn nhà bếp hai gian, không cửa sổ, cửa chính toang hoang, vì cánh cửa mất đã lâu, lỗ bản lề trông như cặp mắt toét. Không còn bếp núc gì. Chỉ có mấy hòn gạch vữa ám khói đen, cái nồi đất sứt miệng và một cái giường hẹp, lưa thưa vài nan vạc tro trọi, thiếu cả manh chiếu rách. Tôi ngồi ghé vào cạnh giường, ngửa mặt nhìn lên mái nhà dột nát. Một luồng ánh nắng rọi chiếu chính mặt. Quả đúng là “Chạy trời không khỏi

năng"! Lúc này tôi không giận ai, oán ai, biết phận mình nó thế, chỉ thấy buồn...

Cái bếp tôi ở “tọa lạc” trước ngõ nhà bác Tống – giờ là Trụ sở Đội Cải cách xã Thanh Long. Ngày đầu tôi phải nhịn sông. Ngày thứ hai vẫn chẳng có gì ăn, tôi không dám đi đâu ngoài cái bếp dột nát, vì Đội đã bảo “không được đi đâu”!

Đói quá, muốn kêu trời, nhưng ông bà nông dân thường nói “Nhất Đội nhì trời"! Mình có kêu cũng vô ích, không khéo lại nguy hơn. Lúc này quê Thanh cũng đang tiến hành đợt cải cách ruộng đất cuối cùng giống như Hưng Yên. Nhà cũ do ông bà nội tôi để lại: nhà trên ba gian một chái, cột kèo gỗ hàng tạp, lợp kè, vách sau dùng phen nửa, cửa trước bằng gỗ; nhà dưới (nhà ngang) ba gian, một gian cổng trâu bò, hai gian đàn bà con gái ở; thêm cái xối nối hai nhà làm buồng cất chứa đồ đạc thóc lúa. Cả hai nhà, Đội Cải cách ruộng đất (CCRĐ) đều lấy chia cho hai gia đình nông dân. Bố mẹ tôi xin ở nhờ cái đình Bắc, thấp nhỏ như cái điểm canh, được một tháng thì bị đuổi.

Thương ông bà sống vạ vật dưới gốc cây trôi đầu làng, anh Viên Hải con địa chủ rủ hai người cùng thành phần, tìm kiếm ít tre nửa cũ che tạm một túp lều vệt bên bờ ao đình làng, tạm có chỗ chui ra chui vào, che mưa, tránh nắng. Ông bà sắm mấy chục cái te làm nghề kéo tép.

Gà gáy đầu ra đồng đặt te, mờ sáng thu dọn te, được dăm ba bát tép, đem đi chợ Nguyễn bán mua gạo, mắm muối. Hôm nào bán ế vì biển lặng nhiều cá, mang tép về phơi khô, chờ khi biển động. Tép đồng kéo te sạch hơn tép vè nhủi, trăm con óng ả cả trăm, còn sống nhảy lao xao trong giành (một loại đồ đựng đan bằng nửa) trông rất ngon, rất dễ bán. Gần đấy có ông từ Năm hiền lành phúc hậu. Những hôm trời mưa gió, bố mẹ tôi không thể đi kéo te, ông thường cho gạo và cà muối. Nhưng ông phải chờ đêm tối vắng người, vội ném đùm gạo hay gói cà muối qua cửa vì sợ

làng xóm trông thấy, quy cho là liên quan địa chủ phản động, sẽ bị mất hết quyền lợi!

Trở lại chuyện tôi bị giam lỏng trong căn bếp ở Hưng Yên.

Sáng ngày thứ ba, tôi bò ra vườn khoai mọc trộm củ, nhưng khoai mới có rễ. Tôi hái lá vào nấu canh. Nồi là cái niêu đất sứ miệng, nước mức ở góc đám vườn nhỏ trồng khoai lang, nước mưa từ rãnh luống chảy dồn lại một vũng. Tôi xếp lại mấy viên gạch vỡ, thế là thành bếp. May còn giữ được hộp diêm trong túi. Bụng tôi mỗi lúc một thêm nôn nao cồn cào. Nước mới réo, tôi đã bỏ rau vào. Tôi nghĩ vừa nấu vừa ăn, vào trong cái bụng đang sôi sùng sục, rau nào mà chả chín! Tôi liền mức canh vừa thổi phù phù vừa húp sùm sụp mấy miếng liền.

Hồi 1953, tôi đã ăn cám thô, cố nuốt rồi uống ngụm nước, dần dần miếng cám cũng trôi khỏi họng. Vậy mà đối với canh rau khoai sống dở không muối lại nôn ọe, làm cho cái bụng đang đói càng thêm đau quặn lại!

Đêm nằm trên cái vạc giường rách, tôi mê mết thiếp đi trong cơn đói lả. Sáng hôm sau, một bóng người vụt qua, gói gạo đùm trong khăn mặt ném qua lỗ thủng tường noi sau bếp, kèm mấy quả cà muối gói bằng tờ giấy xé từ vở đã viết. Tôi không kịp nấu cơm, bốc gạo ăn cùng với cà muối. Chao ôi! Cái của ngọc thực sao mà thần tiên kỳ diệu đến thế. Mát ruột, khoẻ người, tỉnh hẳn lại. Tôi không phải bò mà lê bước ra vườn khoai lang, nằm rạp xuống vũng nước trong ừng ực một hồi...

Lúc này tôi mới nhặt lại tờ giấy gói cà, nhận ra nét chữ một học sinh tôi dạy lớp Ba, người cùng xóm này, độ mười sáu mười bảy tuổi, còn họ tên gì, tôi quên mất. Đến bây giờ, đã bao lần lục tìm trong ký ức vời vợi vẫn không nhớ nổi. Đành chịu lỗi với anh bạn trẻ. Với gói gạo, mấy quả cà, anh đã cứu sống tôi...

Đã cơn đói khát, bụng tôi no căng, đập bàn tay vào bình bịch như trống thùng. Ngồi nghỉ một lúc bên vũng nước, tôi lê bước đi về bếp, cái bếp giờ trở thành người thân yêu của tôi, nằm vật

xuống cái giường khấp khểnh, ngủ thiếp đi, không phải vì đói lả, mà bởi no quá. Gạo sống vào bụng nở ra, cứ trương dần lên, may sao nó cũng tiêu hoá được tất cả...

Sáng dậy, đó là ngày thứ tư đẹp trời. Tôi nghe được cả tiếng chim hót xa xa. Bỗng nhớ anh Tỏi con địa chủ họ Hà, cuối năm ngoái rủ tôi đi Nam. Anh bảo đi dễ lắm. Anh sẽ dẫn tôi qua đường tắt lên phố Nối, nhảy xe hỏa ra Hải Phòng, xuống bến, có sẵn tàu thủy đón vào Nam, đất thiên đường của Chúa... Tôi không đi, vì còn cha mẹ ở quê Thanh. Hơn nữa, đời tôi, tôi tin còn dài. Tôi phải sống trên đất Bắc để minh oan, để chứng minh gia đình mình không phản dân hại nước như đã bị quy sai, hiểu lầm. Nhưng cảnh ngộ chưa chết đói hôm nay, để ngày mai có thể đói đến chết, tôi nhận ra con đường minh oan còn khó hơn đường lên trời...

Tôi ngồi bệt xuống đất, nhón tay nhặt từng hạt gạo vãi đưa lên miệng. Không thể ăn ngấu nghiến như hôm qua, vì của ngọc thực mà cậu học trò tốt bụng giấu đem cho sắp hết. Hẳn anh bạn trẻ thương người đã phải dùng cảm lắm mới vượt qua cái lưới tai mắt của Đội vây bọc.

Đang nghĩ vẩn vơ, bỗng một người đàn ông lạ mặt dong dỏng cao xuất hiện trước khung cửa hẹp, tay cầm tờ giấy. Tôi giật nảy mình. Hạt gạo chưa kịp nhai nuốt mắc lại cổ họng. Ông đã nhìn thấy tôi đang nhặt từng hạt gạo ăn sống. Một giọng Hà Thành dễ nghe cất lên:

- Tôi là cán bộ, Đội phó Đội Cải cách Thanh Long, vì bận nhiều việc quên bằng chuyện anh đang ở đây. Thôi, bây giờ anh sang ngay văn phòng, tôi có việc cần đến anh...

Ông cán bộ Đội phẩy bàn tay làm hiệu dẫn tôi vào nhà bác Tống, hiện đã bị tịch thu làm Văn phòng trụ sở Đội. Anh Đội phó lấy cơm nguội cho tôi ăn, xả phòng cho tôi tắm rửa, thay quần áo sạch sẽ, rồi bảo ngồi vào cái bàn nhỏ kê ở góc phòng. Trên bàn đặt sẵn tập giấy trắng, bút mực và hai mảnh giấy viết nguệch ngoạc.

Anh cán bộ tự giới thiệu:

- Tôi là Đoàn Hưng Nông, cán bộ Bộ Công an biệt phái làm Đội phó Đội cải cách phụ trách Tòa án. Có mấy cái đơn tố cáo của khổ chủ, chữ viết như gà bới, lời văn lủng củng ngây ngô quá. Anh là giáo viên, nhờ anh sửa sang lại, không cần văn hay chữ tốt, chỉ cốt mạch lạc, rõ ràng. Nếu anh chép được bằng tay trái cho kiểu chữ đơn này khác đơn kia càng tốt, để đưa vào hồ sơ vụ án được hợp lệ.

Văn phòng rộng rãi. Bàn ghế trơ trọi không có người ngồi. Anh Đội trưởng lên Đoàn uỷ báo cáo công tác. Các đội viên xuống xóm “ba cùng”, tức cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nông dân để phát động đấu tranh căm thù giai cấp phú nông địa chủ, cường hào ác bá. Vì nhiều lý do, nhiều người khổ mà không dám tố khổ. Hoặc là còn sợ bóng sợ vía ông nọ bà kia, hay bởi vấn vương tình cảm anh em họ hàng.

Có chuyện cũ lâu ngày, phải khơi gợi mãi mới nhớ ra. Nhân đó, đám chuối rễ không thiếu hạng ông bà cố bịa đặt chuyện bị tên nọ tên kia hãm hiếp, bóc lột, đánh đập, vên vên, để được thành tích, cấp trên khen ngợi, đưa ra làm ông cán bộ. Ví như ông chủ tịch Cụ bị đưa ra đấu tố về tội tham gia Quốc dân đảng, một cố nông lên thay, phải học tập mãi mới viết nổi chữ “cờ y ky sắc ký” (ký) vào công văn giấy tờ.

Hàng tuần, ngày chủ nhật, cán bộ Đội đi “ba cùng” về tập trung tại Văn phòng Đội để báo cáo công tác. Anh Đội trưởng tôi không biết tên, còn rất trẻ, trắng trẻo, đẹp trai, phong độ con nhà trí thức, ngồi nghe anh Đội phó báo cáo, ghi chép và thu nhận các đơn tố khổ. Anh Đội trưởng nhận xét các cán bộ Đội, rút kinh nghiệm công tác, yêu cầu không được bỏ sót địa chủ, bỏ lọt phản động, luôn luôn nhớ lời cấp trên: “Đánh đúng đầu rắn, bắn đúng đầu chim”. Đối với bọn tề nguỵ thà “bắt nhầm hơn bỏ sót”! Anh phê bình nghiêm khắc cán bộ đội viên đi suốt tuần không được kết quả gì.

Thời kháng chiến chống Pháp, ở vùng tự do Thanh Hoá mở nhiều trường tư thục cấp II, cấp III. Có một trường quốc lập Đào Duy Từ địa điểm Cốc Thuận, Thọ Xuân, bên cạnh là Thành Tín mới mở thêm trường Hoàng Văn Thụ. Tôi học trường này vài tháng thì bỏ vì phải học lại chương trình cấp II. Tuy thời gian học ngắn, tôi cũng không quên các thầy cô: Thầy Bửu Căn dạy môn *Vạn vật học*, cả giờ chỉ tán chuyện thớt chó. Cô Vũ Thị Liên dạy môn *Vật lý- Hoá học*, không bao giờ thấy cười.

Cô Đặng Thị Hạnh (nghe nói là con Giáo sư Đặng Thai Mai) dạy *Việt văn*, rất cẩn thận, chăm chỉ,... Việc học nhàn, chúng tôi tha hồ chơi. Tính tôi ít đi đâu, thường chỉ ngồi nhà trọ đọc sách báo, tập viết các kiểu chữ, vẽ lại những hình minh hoạ trong báo mình thích. Rồi thì vẽ rồng vẽ phượng chơi, “kỳ họa” con chó đang ngồi ngoài sân, con mèo nằm dài ra ngủ trên bức tường hoa... Không ngờ cái trò nghịch chơi thời niên thiếu nhác học ấy đến giờ lại đắc dụng.

Tôi chép lại những đơn tố cáo, lời tố khổ của nông dân chẳng khó khăn gì. Anh Đội phó rất hài lòng. Hôm sau, anh Nông giao cho tôi chép lại “Biên bản hỏi cung” rồi sau đó là sửa chữa biên bản hỏi cung sao cho mạch lạc, rõ ràng, hợp lý.

Ban ngày tôi đến văn phòng Đội làm việc, cơm nước ở văn phòng Đội, tối về cái bếp ngủ. Nơi tôi bị giam lỏng bây giờ đã được quét dọn sạch sẽ, thay vạc giường lành, trải chiếu hần hoi. Đôi dép cao su cũ mòn của tôi hay tụt quai, cứ phải thủ sẵn cái que kẹp rút dây trong túi. Anh Nông bảo sẽ mua đôi dép mới, để rồi còn phải cùng anh đi công tác xa...

Công việc toà án Đội, anh Nông giao cho tôi làm ngày càng khó khăn. Ấy là phải tự viết lấy “Biên bản hỏi cung can phạm”, trên cơ sở những đơn tố cáo của quần chúng, đơn tố khổ của khổ chủ.

Tôi cấp cạp theo anh Nông lên vùng Đông Cảo- Từ Hồ, nơi Trần Thiện Thính, tức Cúng, đóng đồn trước đây. Tôi biết Thính qua một đêm thôn Nhân Lý tổ chức biểu diễn văn nghệ tại đình làng. Thính người thôn Long Vỹ, cùng xã Thanh Long. Thính ôm đàn guitar tươi cười bước lên sân khấu, vừa hát vừa đệm đàn ca khúc *Quê hương ta* (không rõ tác giả) tuyên truyền vận động đồng bào không nên rời bỏ quê hương vào Nam theo địch. Tiếng đàn Thính rất đều luyện, giọng ca Thính rất ngọt ngào truyền cảm, những cung bậc luyện láy thật tài tình.

Trần Thiện Thính, tức Cúng, độ ngoài 30 tuổi, dáng người nho nhã, phong độ nghệ sĩ tài hoa, không ngờ lại là “ác ôn”! Thính là Đồn trưởng lính nguy, đeo lon quan Một, cai quản vùng Đông Cảo- Từ Hồ. Nhưng qua hai đêm phát động quần chúng tố cáo Đồn trưởng quan Một Trần Thiện Thính, chúng tôi không thu lượm được kết quả như mong muốn. Chỉ nghe quần chúng nói: Cứ sáng sớm, Thính quân phục chỉnh tề, đầu tóc chải suôn mượt, tay lăm lăm khẩu súng lục dẫn đầu đội lính nguy đi càn quét du kích, lùng sục cộng sản. Thính nổ ba phát súng lục, bọn lính nguy cũng bắn chỉ thiên đi ùng, không chết ai.

Đông Cảo nổi tiếng giống gà thịt ngon, thỉnh thoảng bị chúng bắn chết một vài con, dường như bắn chơi, không lấy con nào. Đất Từ Hồ nhiều chuối, cứ đến phiên chợ Yên Mỹ, dân gánh gồng đi bán kìn kìn. Những thức ngon như trứng gà, chuối chín, dân sợ Đồn, biểu thì Đồn nhận, họ không ăn cướp như nhiều đồn bớt khác. Các tội ác giết người, đốt nhà, hãm hiếp đàn bà con gái, quần chúng trong vùng nói không hề xảy ra.

Chúng tôi đều ngạc nhiên. Anh Nông dẫn ra nhiều nơi tội ác nguy quân nguy quyền kinh khủng lắm. Ví dụ bên tỉnh Thái Bình nổi tiếng bột Quỳnh Lang, đến nỗi nhân dân phải đặt ca vè:

*Thái Bình có bột Quỳnh Lang
Có lò cắt tiết, có hang chôn người*

Xác người bị giết nhiều quá, chôn không kịp, định ném xuống hang hố sâu đào sẵn ngoài bãi. Anh Nông dẫn chúng xa lại dẫn chúng gần. Xã Trai Trang bên cạnh xã Thanh Long có tên đội Hảo chuyên chặt đầu dân quân du kích, cán bộ. Hễ bắt được người nào, nó đem ra bờ đê chặt đầu, ném xác xuống sông, cấm người nhà thu nhặt. Tội ác quá rõ ràng, Đội về xã cho bắt đội Hảo, nó bị xử bắn ngay, không cần mở phiên toà đặc biệt...

Ai nấy nghe đều lắc đầu lè lưỡi. Nhưng tội ác “Một Thính” không ai tố cáo. Không thể tin được! Tây đã phong làm Đoàn trưởng, đeo lon quan Một, phải gây nhiều tội ác, đó là thành tích ác ôn của nó!

Chừng nửa đêm, anh Nông và tôi ra về. Anh Nông thở dài: “Thứ hai tuần sau lên Đoàn uỷ biết lấy gì báo cáo? Cứ lý mà suy, nó không thể không gây tội ác. Hay là nơi đó có kẻ nào khống chế, quần chúng sợ không dám tố cáo...?”

Tôi im lặng không dám nói gì. Sáng hôm sau, anh Đội phó báo cáo với Đội trưởng về tên Trần Thiện Thính. Anh Đội trưởng quyết định bắt giam tên Thính ngay:

- Bắt ngay kéo nó trốn chạy, Đoàn uỷ không tha cho chúng mình đâu!

Anh Nông nói:

- Vâng, bắt nhảm còn hơn bỏ sót!

Trong khi tôi củng cố lại hồ sơ Nguyễn Văn Dương, các anh Đội trưởng, Đội phó bàn về vấn đề thôn Nhân Lý hãy còn thiếu một địa chủ, theo chỉ tiêu cấp trên quy định, 50 hộ phải có một địa chủ. Anh Nông nói:

- Có phần vô lý. Như thôn Thượng Tài ruộng ít, dân nghèo, lấy đâu cho đủ ba địa chủ?

Anh Đội trưởng cười:

- Đồng chí lên mà hỏi Đoàn uỷ, còn hỏi tôi, tôi cũng là kẻ thừa hành thôi.

Anh Đội phó nói thêm:

- Các xã đều phải đôn lên cho đủ số, chúng mình chỉ là kẻ vâng lệnh, biết làm sao khác được!”

Anh Đội trưởng gật đầu:

- Thì đôn lên cho đủ số vậy!

Tối hôm ấy, anh Nông bảo tôi theo anh về Nhân Lý nghe quần chúng phát hiện thêm địa chủ cho đủ số quy định năm tên.

Cuộc họp tại đình thôn Nhân Lý. Anh cán bộ Đội phụ trách địa bàn Nhân Lý tuyên bố lý do hội nghị, giới thiệu đại diện Ban chỉ huy Đội về dự. Anh Đội phó Nông mở đầu phát biểu thông báo tên ác ôn Trần Thiện Thính, tức Cúng, đã bị bắt... *Cúng* nào? Có người nói hơi to: Ấy cái anh Thính tức Cúng người Long Vỹ, “nhạc sĩ” tay đàn miệng hát bài “Quê ta” hay “không chê” được, tại đây, đình làng Nhân Lý ta. Bà con xì xào nhắc cả anh Quyện người làng ta không biết chữ, đi bộ đội phục viên, hôm diễn văn nghệ ấy ngâm bài thơ “Bên kia sông Đuống” mới hay tuyệt trần...

Anh cán bộ Đội vỗ tay mấy cái “đôm đốp”:

- Im lặng! Hôm nay chúng ta họp hội nghị để phát hiện, tố cáo, tìm ra ác ôn, tìm ra địa chủ. Nhân Lý cũng còn bỏ sót một hai tên là ít, phát hiện được càng nhiều tên càng tốt. Nhiều ruộng là một, bóc lột là hai, cường hào là ba, ác ôn là bốn, nguy tề là năm!

Quần chúng và cốt cán xì xầm bàn tán. Cán bộ Đội khẳng định:

- Có đấy, thế nào Nhân Lý cũng phải có thêm địa chủ, không lớn thì nhỏ, không nhiều ruộng thì bóc lột, không cường hào thì ác ôn hoặc tề nguy!

Một cốt cán phát biểu:

- Làng ta, tôi thấy còn tên Chu Văn Nhu!

Anh Đội hỏi:

- Tên Nhu có phải địa chủ không? Nghe nói Nhu còn là tay sai đắc lực của giặc Pháp, từng làm công an Bắc Việt.

Quần chúng nhao nhao:

- Công an Bắc Việt có lẽ chức to lắm?
- To có bằng Tỉnh trưởng, Quận trưởng không?
- Bắc Việt với Việt Bắc khác nhau chỗ nào, tớ chẳng hiểu gì sất!...

Anh Đội phụ trách Nhân Lý đập tay ra hiệu trật tự:

- Phải tập trung vấn đề, nếu đi lan man thì sáng đêm không xong. Bây giờ tôi hỏi một câu: Chu Văn Nhu có phải địa chủ không? Phải, trả lời phải, không, trả lời không, chỉ cần nói dứt khoát một tiếng!

Hội nghị im lặng, không khí căng thẳng. Anh Đội phó bảo nhỏ anh Đội viên: “Cậu phải bồi dưỡng trước chứ!” Anh Đội viên trả lời: “Vâng, thì đã bồi dưỡng cả rồi, thế mà bây giờ...”

Anh Đội phó sốt ruột, chỉ định một phụ nữ cốt cán bốn, năm mươi tuổi:

- Đồng chí là cố nông mới kết nạp phải gương mẫu phát biểu để quần chúng noi theo!

Người phụ nữ không quen “ý kiến”, ấp úng nói:

- Nhà ông Nhu ít ruộng. Nhưng ông Nhu lấy những ba, bốn vợ, không phải thuê mướn... Nhưng ông Nhu không có con cái, các vợ ông đều là nhân công làm thuê, vậy là bóc lột... tinh... tinh... (có người nhắc: “tinh vi”) à vâng... là... là tinh vi đấy ạ!

Anh Đội mừng rỡ:

- Bóc lột là địa chủ!

Và anh hỏi thật to:

- Tên Chu Văn Nhu bóc lột thường xuyên như vậy có phải là địa chủ không bà con?

Những tiếng đáp “phải” rời rạc. Anh Đội vung cao cánh tay, các cốt cán hiểu ý đồng thanh hô to: “Đả đảo địa chủ Chu Văn Nhu!”

Anh Đội hài lòng bảo thư ký hội nghị ghi biên bản quần chúng nhất trí trăm phần trăm tên Chu Văn Nhu đủ tiêu chuẩn địa chủ

bóc lột. Thế là thôn Nhân Lý đủ chỉ tiêu địa chủ. Còn tội làm “Công an Bắc Việt” phải thỉnh thị ý kiến Đoàn uỷ.

Trong lúc cuộc họp chưa giải tán, đội du kích đã tập hợp dưới sự chỉ huy của cán bộ Đội, bao vây nhà Chu Văn Nhu. “Tên địa chủ” bị trói nghiêng đưa ra đình làng giam, cùm thật chặt, chờ sáng mai giải lên Đoàn uỷ. Đội sợ giam giữ ở thôn không an toàn, địa chủ Nhu sẽ trốn thoát như địa chủ Tống.

Tôi ở Nhân Lý, ngày một buổi lên xã đi dạy lớp ba trường dân lập, tối dạy bình dân, rồi quanh quẩn ở Nhà thờ họ. Từ khi Đội cải cách về xã, việc học hành đình hoãn. Họ Hoàng bị quy ba địa chủ, trong đó đại địa chủ Tống chưa kịp xử tử hình đã trốn thoát, tôi bị giam lỏng trong cái bếp cũ nát. Từ khi được Đội sử dụng làm thư ký giúp việc, nhân dân bớt điều dị nghị nọ kia về tôi.

Tôi không được xem các biên bản hỏi cung can phạm Chu Văn Nhu, chỉ thấy Đội, cụ thể là anh Đội phó Đoàn Hưng Nông giao cho chép lại án văn Chu Văn Nhu, với lời dặn sửa chữa lại câu chữ rõ ràng, chính xác, đúng văn phạm. Nội dung án văn luận tội và kết tội Nhu địa chủ cường hào gian ác phản quốc hại dân, Toà án đặc biệt xét xử mức án Tử hình!

Tôi hơi giật mình. Ông Nhu mà tôi biết, như tên gọi, là người tính tình nhu mì, hình dáng cao lớn, không nghe ai chê bai điều gì. Cái tội của ông lấy nhiều vợ, do vợ nào cũng chẳng chữa đẻ gì. Cảnh nhà ông buồn vì thiếu tiếng trẻ con. Chu Văn Nhu cũng giống bác Biển họ Hoàng tôi, phải lấy tới ba, bốn vợ... Ai ngờ mắc tội “bóc lột”! Nhưng bác Biển nhờ thành tích thôn đội trưởng du kích, được miễn truy tố, còn Chu Văn Nhu theo địch làm “công an Bắc Việt” là tội lớn.

Dân Nhân Lý không ai rõ “công an Bắc Việt” là một cơ quan tổ chức thế nào, bản thân Nhu đã hoạt động gây tội lỗi phản quốc cụ thể ra sao. Theo lời anh Đội phó báo cáo với anh Đội trưởng, chính Nhu cũng không khai nhận tội trạng gì trên giấy trắng mực đen làm căn cứ pháp lý. Vậy tại sao Nhu bị kết án tới mức “tử

hình”? Chép lại án văn đến chữ “Tử Hình” tay tôi cầm bút run quá! Tôi nghĩ đến bố tôi và bao người khác đã hoặc sẽ phải như Chu Văn Nhu!

*

Đã được chứng kiến cảnh thi hành án Cai tổng Quỳnh, đội Hảo, Quận trưởng Yên Mỹ... bây giờ tôi, một kẻ vốn nhát gan từ nhỏ, lại trải qua những cuộc đấu tranh giảm tô, giảm tức, đấu tranh chính trị, đấu tranh cải cách, có thể nói không còn chút dũng khí, đến nỗi tay cầm bút run run, không viết nổi hai chữ “Tử Hình”!

Tôi rút tờ giấy nháp và như người tập viết, viết đi viết lại hai chữ “tử hình”... Viết đi viết lại mãi cho quen tay, và rồi cuối cùng cũng xong việc cầm bút giống cầm súng chĩa thẳng vào ngực mình! Tôi thở dài hạ bút...

Ngoài sân nhà bác Tổng – đối tượng án tử hình đã trốn biệt tích – du kích thôn Nhân Lý khiêng về cỗ quan tài mới đóng, nhưng gỗ rất xấu, bào đẽo qua loa, ngoài vỏ xù xì. Chắc hẳn nó dành cho Chu Văn Nhu. Thế là toà án đặc biệt đã tử tế lắm, nhân đạo lắm!

Chỉ nội ngày mai, kẻ địa chủ bóc lột phản cách mạng sẽ được, phải được người ta “đào thật sâu, chôn thật chặt” để tiết nòi hết giống. Từ nay các đời con, đời cháu, đời chắt, đời chít, đời gì gì... nhà chúng nó... không bao giờ ngóc đầu dậy được nữa. Nhưng không may mà lại may, Nhu lấy tới bốn vợ mà chẳng sinh con đẻ cái được mống nào! Theo triết lý nhà Phật, chết là thoát kiếp, thoát khổ. Nhưng người ta ai chẳng tham sinh úy tử? Mâu thuẫn này đâu dễ giải quyết. Hơn nữa, chết chắc đâu được giải thoát, nếu theo lý luân hồi, luật nhân quả của nhà Phật, người ta cứ luân quần sống- chết- chết- sống... trong vòng lục đạo, không bao giờ dứt như bánh xe quay, để gánh lấy quả báo do nghiệp chướng mình gây nên khi sống!

Sáng sớm hôm sau, nông dân trong vùng cơm đùm cơm nắm nô nức kéo nhau đi xem xử án Chu Văn Nhu như một ngày hội. Tôi dầu không muốn đi cũng phải đi. Đó là “vinh dự” cho một kẻ như tôi được tham gia vào hàng ngũ bần cố trung nông vùng lên đánh đổ giai cấp địa chủ phản động đầu sỏ trong vùng.

Đấu trường là một bãi cỏ rộng dùng chăn thả trâu bò, bây giờ chật ních người. Trời mới sáng sớm đầu hè đã nắng gay gắt. Tiếng cười nói ồn ào càng làm cho bầu không khí thêm oi ả, mùi mồ hôi nồng nặc. Tòa án đặc biệt thiết lập cạnh bãi cỏ phía xa xa, có cán bộ Đoàn uỷ, cán bộ Đội, Thẩm phán Tòa án...

Du kích giải phạm nhân ra. Chu Văn Nhu bị trói cánh khỉ vào một cái cọc chôn trước Tòa án đặc biệt. Vây quanh Nhu là mười tay du kích đeo súng trường, những khẩu súng trường trước đây nhằm vào giặc Tây, bây giờ chĩa vào dân ta – kẻ thù giai cấp – mà Nhu là đại diện. Không rõ Nhu có biết, có nghĩ gì không?

Các cốt cán, chuỗi rẽ lần lượt nhảy lên, chỉ vào mặt Nhu tố cáo, đại khái toàn những tội bóc lột, ức hiếp, cường hào... Khí thế căm thù giai cấp được phát động mỗi lúc một bốc lên ngùn ngụt hoà lẫn hơi nóng Mặt trời càng thêm hầm hập như muốn thiêu cháy Nhu thành tro than!

Nhưng Nhu một mực chối phăng tất cả tội ác. Riêng tội lấy tới bốn vợ để bóc lột nhân công, Nhu trình bày lý do hiếm muộn con cái và hai vợ đã bỏ đi lấy chồng khác từ lâu. Chỉ còn hai vợ chung thuỷ với chồng, gia đình có ba người tự chung tay gánh vác mọi việc. Chính Nhu ngày ngày vác cày ra đồng...

Đã gần 12 giờ trưa, cái nắng như đổ lửa. Không ít người bị say nắng ngã lăn quay. Các quan toà đội nón mang ô cũng thấy lao đao. Chánh án phiên toà là một cán bộ cấp trên do Đoàn uỷ Cải cách phái về đành phải lệnh cho phiên toà tạm dừng đến 1 giờ 30 xử tiếp.

Tặng người tôi vốn yếu từ nhỏ, may ngồi nấp sau hàng ghế quan Toà, đầu lại đội nên cũng chịu được nắng, chờ anh Đoàn Hưng Nông cùng vào nhà dân ăn cơm trưa. Đội du kích chia phiên, cắt lượt gỡ cơm nắm ra ăn, tay không rời khẩu súng trường. Họ ngồi chui dưới gầm ghế bắc bậc rất cao của các quan Toà để tránh nắng.

Trước hàng ghế quan Toà chơ vơ và trên bãi cỏ bị xéo nát chỉ còn can phạm tử hình Chu Văn Nhu. Tay Nhu bị trói gắn chặt vào cái cọc chôn sâu, đầu trần chân đất, áo nâu cũ... Toàn thân Nhu một màu với cái cọc đen thui như cột nhà cháy. Tôi cảm thấy người Nhu đang bốc khói, những tia khói thi nhau nhảy múa... Sợ quá, tôi vội bước theo anh Nông, đầu không dám ngoảnh lại!

Trong khi các anh Đội trưởng, Đội phó đi hội ý, tôi nằm ghé lưng xuống giường nghỉ trưa, suy nghĩ miên man về kiếp người rồi ngủ thiếp đi. Lúc tôi giật mình tỉnh dậy, đầu nhức như búa bổ! Đã đến giờ xử án buổi chiều.

Buổi chiều, trên bãi cỏ người thưa hẳn. Tội phạm Chu Văn Nhu vẫn đứng đó. Hai cánh tay Nhu gắn chặt vào cái cọc sau lưng, đầu gục xuống, ngheo về một bên như người đã chết, chỉ đôi chân không chịu ngã khuỵu. Nhu đã chết chẳng? Án chưa xử xong, chẳng lẽ lại tuyên án một cái xác chết? Ông Chánh án bảo du kích sờ mũi xem Nhu còn thở không. May quá Nhu chưa chết! Ông nói:

- Thằng này ngoan cố quá! Hắn dám thi gan với Toà án đặc biệt, với cả trời, với cả trời cao đất dày!

Ông sai du kích đem nước cho tội phạm uống. Chung quanh bãi cỏ, ruộng đã bị khô cạn, họ vục nón xuống vũng trâu đầm đục ngẫu đem lên đổ vào miệng Nhu. Nước đổ tràn trề tung toé khắp mặt mũi, ướt đầm cả cổ chảy ròng ròng xuống thân mình kẻ tội đồ. Một cơn đói khát máu bò trườn dài trên ngực Nhu, loi ngoi cái vòi lên cổ Nhu...

Họ phải đổ tới ba nón nước lộn bùn, Nhu mới hồi tỉnh. Ông Chánh án đỡ:

- Can phạm Chu Văn Nhu kia! Nghe cho rõ đây! Chỉ cần thành khẩn gật đầu nhận tội, Toà khoan hồng tha ngay cho về gia đình để người thân chăm sóc. Nghe rõ không?

Bây giờ Nhu đã tỉnh, cố gượng ngóc lên cái đầu bùn đất nặng trĩu lắc lia lịa. Cổ họng ông đã bị tắc lại.

Toà nổi giận hô lên “Đả đảo địa chủ phản quốc Chu Văn Nhu!”. Đấu trường lập tức hô theo. Tiếng hô không được vang dội như buổi sáng vì số người đã giảm bớt, và giọng cũng khàn khàn, bởi ai nấy hô to mãi tất bị khản cổ.

Các thẩm phán đều có ý kiến, chiều nay dù tên Nhu chịu nhận tội hay không cũng cứ “đùng đoàng” càng sớm càng nhẹ nợ! Chánh toà nhìn cán bộ Đoàn uỷ giám sát rồi xua tay:

- Kiên trì chờ đến 5 giờ chiều! Rút kinh nghiệm những lần trước, chúng ta bắn nhanh quá, cấp trên cho là dư luận quần chúng không phục, bàn tán tên này oan, kẻ kia đáng lẽ phải thế này thế khác...

Nhưng khốn nỗi chờ lâu mệt nhọc lắm! Xem chừng Toà không chịu nổi, mà nông dân cũng cứ nhấp nhóm muốn đứng dậy để được chứng kiến tên Nhu... Mười tay du kích súng đã nạp đạn từ sáng sớm cũng nóng ran cả lên! Ông Chánh toà mấy lần giơ đồng hồ tay lên.

Giờ phút chờ đợi dài dằng dặc cuối cùng rồi cũng đến. Ông Chánh toà đứng lên, tay giơ cao bản án đồng dục đọc to. Trống ngực tôi đập liên hồi. Đội du kích cởi tay Nhu, nhưng cùng với dây trói, cánh tay Nhu như đã dính chặt vào cây cọc...

Bỗng một người vượt qua đám đông chạy thẳng tới chỗ Toà xử án đưa một công văn hỏa tốc. Ông Chánh toà mở công văn ra xem. Nội dung chỉ vồn vện dòng chữ: “ĐÌNH HOÃN CÁC VỤ ÁN, THẢ NGAY CÁC CAN PHẠM”. Ông Chánh án sững sờ, đầy vẻ thất vọng. Mọi người đều ngạc nhiên. Không thể hiểu nổi!

Anh Nông bảo tôi:

- Chúng ta như thiên lôi theo lệnh trời. Tôi thấy rất rõ cái dấu son đỏ chót và chữ ký Bí thư Đoàn uỷ Cải cách ruộng đất. Không còn nghi ngờ gì nữa!

Tôi thấy người mình nhẹ nhõm, ngửa mặt lên trời thăm hỏi: Liệu mai trời còn nắng nữa không? Anh Nông bảo tôi:

- Chúng ta cũng về thôi!

Trên bãi hoang cỏ bị xéo nát, hai người vợ chung thuỷ của Nhu ôm lấy chồng, dùng răng mình cắn đứt dây thừng rời khỏi cái cọc xử án rồi thay nhau công chồng chạy tắt đồng về nhà...

Đấu trường xử án vắng lặng hơn bao giờ hết. Ở góc bãi cỏ hoang chỉ còn đứng trơ lại hai cây cột dùng để trói tội nhân, bắt giăng tay giăng chân rồi “đùng đoàng” như Cai tổng Quynh mà tôi đã chứng kiến. Phía sau “Thần Chết” là cỗ hòm gỗ xấu phơi nắng bị nứt toác, há hốc cái mồm khổng lồ của con quái vật!

Tôi bỗng giật nảy mình nghe tiếng anh Nông gọi:

- Sao cậu đi chậm thế?!

Tôi cúi đầu cố rảo bước cho nhanh...

Ngày hôm sau, Đội CCRĐ họp chuẩn bị tổng kết công tác. Tôi tiếp tục nằm dài trong xó bếp bỏ hoang nhà địa chủ, ngày hai bữa sang văn phòng Đội ăn cơm. Đến hôm Đội lên đường, hai anh Đội trưởng và Đội phó hỏi tôi: “Bây giờ anh muốn đi đâu, chúng tôi sẽ cấp giấy giới thiệu?”

Tôi nghĩ cứ ở lại mãi nhà thờ Nhân Lý không tiện, muốn chuyển đi đến nơi khác thay đổi không khí, nhưng không xa lắm. Ví dụ ở phố Huyện Yên Mỹ kề bên. Hai anh Đội trưởng, Đội phó cười gật đầu.

Phố Huyện và làng quê xưa Nhân Lý của tôi chỉ cách nhau một cánh đồng rộng. Thời Tây cai trị, phố Huyện là quận lỵ, đường phố dài khoảng 500m, “Thượng chí Trai Trang, hạ chí Đỗ Xá”. Sát kề phố Huyện là chợ Huyện, lều quán đông đúc, buôn bán tấp nập, nơi trung tâm kinh tế của cả Yên Mỹ. Bên này chắn chắn

không khí dễ thở, vui hơn làng quê Nhân Lý vừa trải qua “một cuộc bể dâu”...

Lúc chia tay, anh Đội trưởng CCRĐ tặng tôi một cái mũ cối cũ nhưng còn khá tốt. Tôi cảm ơn anh và nói: “Vâng, xin anh, để đội đầu cho khỏi nắng!” Không ngờ tôi đã nói một câu, các cụ xưa thường bảo là “Xuất khẩu thành trái!”

Anh Nông, người gắn bó với tôi nhiều nhất, kỷ niệm tôi một đôi dép lốp râu quai mới mua ở phố chợ Yên Mỹ. Tôi nói: “Các anh cho tôi toàn những vật quý, hẳn là biết trước cuộc đời tôi, đường đời tôi còn phải trải nhiều chông gai, mưa nắng, nắng mưa gian nan. Tôi xin cảm ơn...”

Cả ba người đều cười vui.

Đúng là “vui gượng”. Tôi chưa biết đời mình ngày mai mưa nắng ra sao, bàn chân vô định đi đến đâu. Còn hai anh do thành tích công tác CCRĐ chắc sẽ được thăng tiến. Các anh có đoán biết tôi thuộc thành phần con cái “địa chủ phản động” bỏ trốn cái CCRĐ không? Hẳn là biết! Nhưng lỡ đi để sử dụng tôi, vì dùng tôi chỉ có lợi, cần thiết cho công việc các anh đang cần! Còn tương lai tôi, tôi phải tự đi tìm.

